

2018 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tăng tốc thay đổi,
Nhanh hơn - cao hơn



 Vietnam Airlines 
SẢI CẢNH VƯỢT CAO





Vietnam Airlines

SẢ CÁNH VƯỜN CAO



**BẠN
CÓ
BIẾT**

**VIETNAM AIRLINES
ĐẠT CHỨNG CHỈ
4 SAO SKYTRAX
TRONG
3 NĂM
LIÊN TIẾP?**

**THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI.
CÒN BẠN?**

Hãy trải nghiệm những dịch vụ hàng đầu thế giới cùng Vietnam Airlines – hãng hàng không không ngừng hoàn thiện vươn tới 5 sao.

#HànhTrìnhHoànThiện

ĐẶT VÉ NGAY > vietnamairlines.com

GỌI NGAY > **1900 1100**

LIKE NGAY > [fb/vietnamairlines](https://www.facebook.com/vietnamairlines)

Mục lục

- 6** Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc
- 14** Chiến lược phát triển
- 20** Giới thiệu chung
- 42** Tổng quan về kết quả kinh doanh
- 54** Đánh giá của Hội đồng Quản trị
- 60** Báo cáo và Đánh giá của Ban Giám đốc
- 94** Quản trị công ty
- 112** Trách nhiệm đối với môi trường và xã hội
- 122** Báo cáo tài chính hợp nhất
- 176** Phụ lục và các thông tin bổ sung

Danh mục viết tắt

AFTK	Available Freight Tonne Kilometers (Tài cung ứng luân chuyển)	JPA	CTCP Hàng không Jetstar Pacific Airlines
ASK	Available Seat Kilometers (Chế luân chuyển)	K6	Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air
BCTC	Báo cáo tài chính	LCC	Low Cost Carrier (Hãng Hàng không giá rẻ)
BH	Block Hour (Giờ bay)	LNST	Lợi nhuận sau thuế
BKS	Ban Kiểm soát	LNTT	Lợi nhuận trước thuế
CBNV	Cán bộ nhân viên	OTP	On Time Performance (Chỉ số đúng giờ)
CBTT	Công bố thông tin	RFTK	Revenue Freight Tonne Kilometers (Hàng hóa luân chuyển)
CNTT	Công nghệ thông tin	RPK	Revenue Passenger Kilometers (Khách luân chuyển)
CTCP	Công ty Cổ phần	SLB	Sale and Lease Back (Bán và thuê lại tàu bay)
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông	SXKD	Sản xuất kinh doanh
FSC	Full Service Carrier (Hãng hàng không truyền thống)	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
HĐQT	Hội đồng quản trị	VCSH	Vốn chủ sở hữu
HĐTV	Hội đồng thành viên	Vietnam Airlines/VNA	Công ty mẹ (bao gồm Vasco)
Hợp nhất	Vietnam Airlines và các công ty con, công ty liên kết	VNA Group	Vietnam Airlines và JPA
		VTHK	Vận tải hàng không

THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC



Kính thưa Quý cổ đông,

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Vietnam Airlines, chúng tôi xin gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn sâu sắc tới các Quý cổ đông đã tin tưởng, đồng hành cùng Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam.

Năm 2018, Vietnam Airlines tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu của Hãng hàng không quốc gia với nhiều thành tựu vượt bậc, trong đó phải kể đến doanh thu và lợi nhuận không ngừng tăng trưởng đạt mức kỷ lục. Đây là kết quả kinh doanh tốt nhất của Vietnam Airlines trong gần 25 năm hoạt động.

Mặc dù năm vừa qua môi trường kinh doanh có nhiều yếu tố bất lợi như giá nhiên liệu tăng cao, cơ sở hạ tầng sân bay trong nước quá tải, tình hình thế giới và khu vực còn nhiều vấn đề phức tạp nhưng Vietnam Airlines đã nỗ lực đảm bảo an toàn, an ninh hàng không, giữ vững hiệu quả khai thác với chỉ số đúng giờ (OTP) cao và vượt chỉ tiêu ở mức đi/đến đạt 89/82%.

Trong năm 2018, Vietnam Airlines đã thực hiện thành công trên 141 nghìn chuyến bay với gần 22 triệu lượt hành khách được vận chuyển an toàn. Doanh thu hợp nhất của Tổng công ty đạt mức cao kỷ lục 98.950 tỷ đồng, tăng 1,9% so với kế hoạch. Trên cơ sở điều chỉnh khai thác và cân đối nguồn lực hiệu quả, Vietnam Airlines đạt khoản lợi nhuận trước thuế hợp nhất lớn nhất từ trước đến nay là 3.312 tỷ đồng, vượt kế hoạch 36,8%; trong đó công ty mẹ đóng góp 73.227 tỷ đồng doanh

thu và 2.418 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, vượt 23,4% so với chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Những tín hiệu tốt đẹp của hoạt động sản xuất kinh doanh đã mang đến sự thay đổi về chỉ số tài chính theo xu hướng an toàn và tích cực. Hệ số ROE đạt mức 12%, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu và khả năng thanh toán tiếp tục được cải thiện nhanh.

Vietnam Airlines giữ vững đà tăng trưởng trên sàn giao dịch chứng khoán, được đánh giá là một trong những doanh nghiệp có thanh khoản cao, giá trị vốn hóa hiện nay ở mức xấp xỉ 2,6 tỷ USD.

Năm 2018, đội bay của Hãng tiếp tục được mở rộng với việc bổ sung 02 tàu bay thân rộng Airbus A350-900 và 03 tàu bay thân hẹp thế hệ mới Airbus A321NEO – dòng máy bay ưu việt với động cơ tiết kiệm nhiên liệu, giúp giảm khí thải môi trường và tăng hiệu quả khai thác.

Cùng với đó, các cải tiến nâng cấp chất lượng dịch vụ gắn với quảng bá văn hoá đã được Vietnam Airlines đẩy mạnh qua các chương trình hợp tác với Đại sứ Ẩm thực Luke Nguyễn, chương trình **“Bốn mùa cây trái – Bốn mùa yêu thương”** phục vụ các sản vật trái cây đặc trưng theo mùa, góp phần đa dạng hoá trải nghiệm của hành khách, giới thiệu và đưa nông sản Việt Nam vươn tầm thế giới.

Trước những nỗ lực hoàn thiện và nâng cao thương hiệu Vietnam Airlines, cộng đồng trong nước và quốc tế tiếp tục đánh giá cao Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam với hàng

Năm 2018, Vietnam Airlines tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu của Hãng hàng không quốc gia Việt Nam với nhiều thành tựu vượt bậc, trong đó phải kể đến doanh thu và lợi nhuận không ngừng tăng trưởng đạt mức kỷ lục. Đây là kết quả kinh doanh tốt nhất của Vietnam Airlines trong gần 25 năm hoạt động.

loạt giải thưởng danh giá. Đây là năm thứ ba liên tiếp tổ chức đánh giá và xếp hạng hàng không Skytrax công nhận Vietnam Airlines đạt tiêu chuẩn Hãng hàng không quốc tế 4 sao. Với giá trị thương hiệu đạt 416 triệu USD theo đánh giá của Brand Finance, thương hiệu Vietnam Airlines tiếp tục tiến thêm một bậc trong bảng xếp hạng Top 10 thương hiệu mạnh nhất và giá trị nhất Việt Nam.

Cùng với sự tin tưởng, đồng hành của Quý cổ đông và khách hàng, những thành tựu sản xuất kinh doanh và các giải thưởng uy tín nêu trên là minh chứng xác đáng nhất thay lời khẳng định giá trị nội tại cũng như tiềm năng phát triển của Vietnam Airlines trong tương lai.

Thưa Quý cổ đông,

Bước sang năm 2019 với những cơ hội và thách thức mới, với phương châm **“Trách nhiệm - Chủ động - Sáng tạo”**, trên cơ sở đánh giá kỹ lưỡng môi trường kinh doanh và cân đối nguồn lực hiệu quả, Vietnam Airlines đã xây dựng kế hoạch hoạt động với những đổi mới để nâng cao chất lượng dịch vụ 4 sao, hướng đến tiêu chuẩn 5 sao cao nhất của ngành hàng không thế giới, đồng thời đáp ứng được những kỳ vọng của cổ đông đã đặt ra.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển, năm 2019 Ban lãnh đạo sẽ triển khai Đề án cơ cấu lại, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động theo mô hình một hãng hàng không hiện đại, đẳng cấp, tầm cỡ trong khu vực, bao gồm tái cơ cấu sở hữu tài chính; rà soát, sắp xếp lại bộ máy; triển khai kế hoạch phát triển đội tàu bay giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn 2030 với định hướng đầu tư các máy bay thân hẹp thế hệ mới để phục vụ các đường bay nội địa và Châu Á. Bên cạnh đó Vietnam Airlines sẽ tiếp tục hoàn thiện dải sản phẩm trọn gói và thực hiện chiến lược **“Dual Brand”** với JPA để đáp ứng tốt nhu cầu thị trường, khẳng định chất lượng cũng như thương hiệu của Hãng hàng không quốc gia.



Phạm Ngọc Minh
Chủ tịch HĐQT

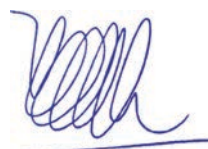
Năm 2019, Vietnam Airlines cũng thực hiện tiếp nhận tàu bay Airbus A350-900 thứ 14, đánh dấu việc hoàn thiện đội bay thân rộng của Hãng, khẳng định vị thế chủ lực và là hãng bay duy nhất ở trong nước sở hữu trọn bộ “siêu máy bay” hiện đại nhất thế giới và khai thác thành công, mang lại hiệu quả lớn.

Cùng với đó, những thành tựu về công nghệ thông tin 4.0 sẽ được phát huy, ứng dụng vào các hoạt động khai thác, thương mại, dịch vụ để phát triển Vietnam Airlines theo mô hình hãng hàng không số (Digital Airlines) đang thịnh hành trên thế giới.

Bên cạnh việc đầu tư sâu rộng vào kỹ thuật, Vietnam Airlines luôn đề cao vai trò của nguồn nhân lực đối với sự phát triển toàn diện của doanh nghiệp, đẩy mạnh công tác nâng cao năng lực chuyên môn và năng suất lao động. Ngoài ra, Ban lãnh đạo luôn có sự quan tâm, theo sát công tác quản lý vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp, đảm bảo mục tiêu phát triển doanh nghiệp cũng như kế hoạch lợi nhuận của Vietnam Airlines.

Đặc biệt, Vietnam Airlines đã hoàn tất thủ tục chuyển đổi cổ phiếu HVN sang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) – sàn giao dịch chứng khoán lớn nhất Việt Nam. Việc chuyển niêm yết sang HOSE mở ra cơ hội để Tổng công ty nâng cao uy tín, minh bạch thông tin, tăng tính thanh khoản của cổ phiếu và tiếp cận nhiều nguồn vốn đầu tư mới.

Với mục tiêu An toàn - Chất lượng - Hiệu quả, cùng sự nỗ lực, đoàn kết, tận tâm của tập thể người lao động và sự đồng hành, ủng hộ của Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Vietnam Airlines tin tưởng sẽ thực hiện thành công các mục tiêu của năm 2019. Những thành tựu của năm 2019 sẽ là tiền đề quan trọng để Vietnam Airlines vững bước vào giai đoạn phát triển mới 2020 – 2025, tiếp tục đưa thương hiệu Vietnam Airlines “Sải cánh vươn cao” trở thành hãng hàng không được yêu thích trong khu vực và quốc tế.



Dương Trí Thành
Tổng Giám đốc

Tầm nhìn Sứ mệnh

- Trở thành Hãng hàng không hàng đầu Châu Á được khách hàng tin yêu lựa chọn.
- Là Hãng hàng không quốc gia, lực lượng vận tải chủ lực của Việt Nam.
- Cung cấp các dịch vụ vận tải hàng không và dịch vụ đồng bộ đa dạng, chất lượng cao.
- Tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, nhiều cơ hội phát triển thành đạt cho người lao động.
- Kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo lợi ích bền vững cho cổ đông.

Giá trị cốt lõi

- An toàn là số 1, nền tảng cho mọi hoạt động.
- Khách hàng là trung tâm. Vietnam Airlines thấu hiểu sự phát triển của tổ chức gắn liền với sự tin yêu của khách hàng.
- Người lao động là tài sản quý giá nhất. Mọi chính sách đãi ngộ được xây dựng trên cơ sở công bằng và lợi ích xứng đáng để duy trì sự gắn kết và tạo sức mạnh đoàn kết trong tổ chức.
- Không ngừng sáng tạo. Lấy sáng tạo là phương châm đổi mới, Vietnam Airlines luôn đổi mới không ngừng trên mọi lĩnh vực với tư duy đột phá để đạt được thành công lớn.



Mục tiêu



Top 10

Hãng hàng không được yêu thích tại Châu Á



Top 3

Quy mô trong khu vực Đông Nam Á



5 SAO

Củng cố dịch vụ 4 sao và từng bước đạt tiêu chuẩn hãng hàng không 5 sao sau 2020



Hãng hàng không số

Trở thành Hãng hàng không số



Nơi làm việc ưa thích

Trở thành doanh nghiệp được ưa thích hàng đầu tại thị trường lao động.

Điểm nhấn 2018

55,3%



THỊ PHẦN VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH | (VNA Group)
Đ dẫn đầu thị trường hàng không Việt Nam

28 TRIỆU



LƯỢT KHÁCH VẬN CHUYỂN (VNA Group)

89,2%



CHỈ SỐ ĐÚNG GIỜ | (OTP)
Cao nhất trong các hãng hàng không Việt Nam và đứng thứ 6 Châu Á - Thái Bình Dương

336 NGHÌN TẤN



HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN (VNA Group)

7/7 SAO



CHUẨN AN TOÀN HÀNG KHÔNG (VNA, JPA)

Xếp hạng cao tuyệt đối theo AirlineRatings

110



MÁY BAY | (VNA Group)
Đội bay lớn nhất Việt Nam

Hãng hàng không **4 sao 3 năm liên tiếp** được Skytrax công nhận



Hãng hàng không được **yêu thích nhất Châu Á 2018**



98.950 TỶ ĐỒNG

Doanh thu hợp nhất kỷ lục trong 25 năm

3.312 TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất
kỷ lục của 25 năm

73.227 TỶ ĐỒNG

Doanh thu Công ty mẹ

2.418 TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ

416 TRIỆU USD

Giá trị thương hiệu Vietnam Airlines
theo **Brand Finance**



 **Vietnam Airlines** 
SẢ CÁNH VƯỜN CAO





**BẠN NHẬT BẢN LÀ NƠI
CÓ KHÁCH SẠN
CÓ ĐẦU TIÊN
TRÊN THẾ GIỚI
BIẾT ĐƯỢC VẬN HÀNH
BỞI ROBOT?**

**THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI.
CÒN BẠN?**

Hãy cùng Vietnam Airlines trải nghiệm công nghệ tiên tiến bằng những chuyến bay thẳng đến đất nước mặt trời mọc.

#HànhTrìnhĐẳngCấp

ĐẶT VÉ NGAY > vietnamairlines.com

GỌI NGAY > 1900 1100

LIKE NGAY > fb/vietnamairlines

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Định hướng phát triển

MẠNG ĐƯỜNG BAY

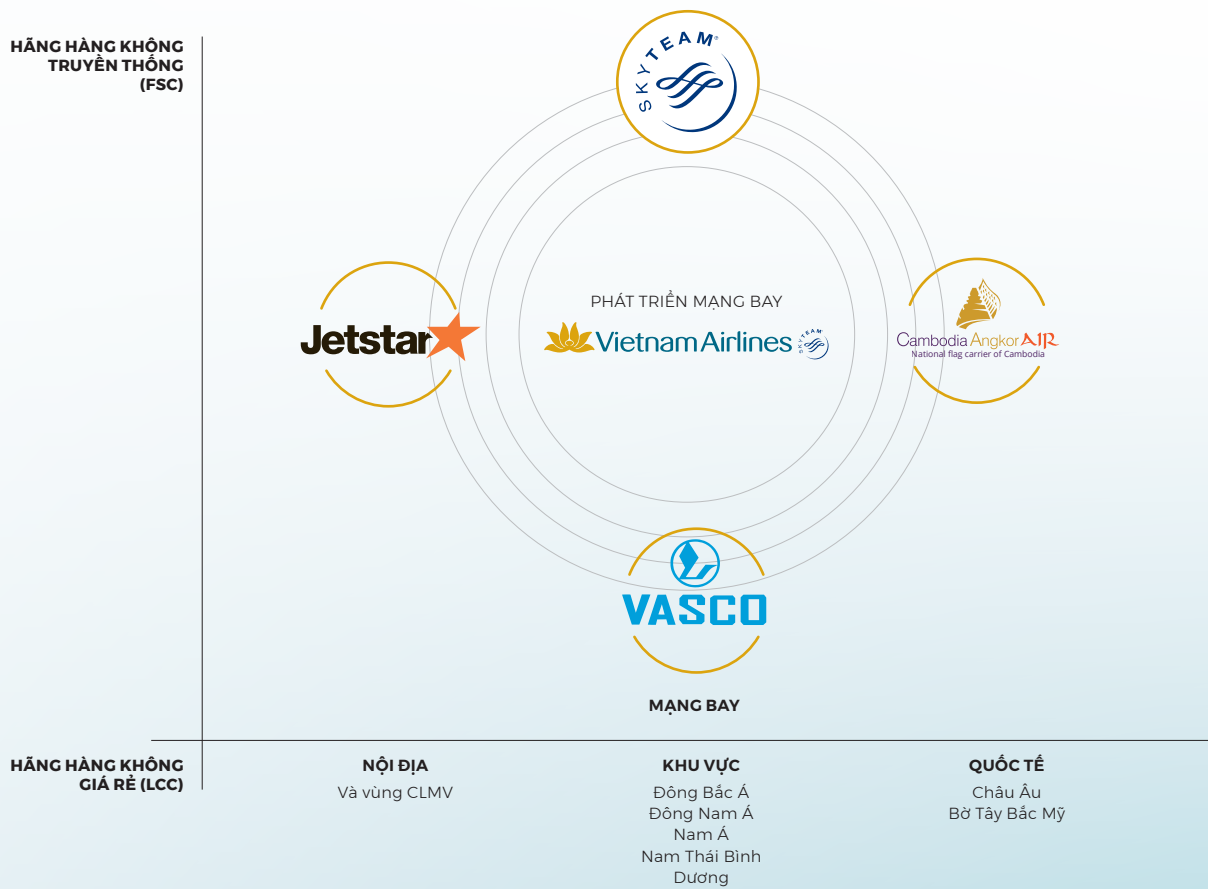
Mạng đường bay nội địa: Đây là mạng đường bay có ý nghĩa chiến lược. Vietnam Airlines sẽ tiếp tục phát triển trực đường bay từ Hà Nội - Đà Nẵng - TP. HCM; đồng thời phát triển các trung tâm căn cứ mới như Hải Phòng, Cần Thơ; tiếp tục phối hợp chặt chẽ sản phẩm với JPA, VASCO.

Mạng đường bay quốc tế khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Nam Thái Bình Dương: Đây là mạng đường bay trọng điểm quyết định tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Vietnam Airlines tiếp tục tăng tần suất để hoàn thiện dần sản phẩm 2 chuyến/ngày/đường bay, sử dụng tàu bay thân rộng. Nghiên cứu mở thêm các đường bay mới từ miền Trung đến Đông Bắc Á, đường bay mới đến Philippines và các điểm khác trong ASEAN, xem xét mở đường bay Hà Nội - Melbourne, tìm kiếm cơ hội khai thác điểm đến mới Brisbane hoặc Perth.

Mạng đường bay tiểu vùng Campuchia - Lào - Myanmar - Vietnam (CLMV): Đây là mạng đường bay có ý nghĩa chính trị to lớn. Vietnam Airlines cần giữ vững vị thế cạnh tranh hiệu quả với cửa ngõ Bangkok; phát triển thêm các sản phẩm nối các điểm du lịch miền Trung Việt Nam và Đông Dương... đồng thời phối hợp với K6 hỗ trợ sản phẩm của Vietnam Airlines.



Mạng đường bay tầm xa xuyên lục địa: Đây là các đường bay có ý nghĩa chiến lược lâu dài, được nghiên cứu phát triển thận trọng và có chọn lọc thêm một vài điểm đến tại Châu Âu cũng như xem xét mở đường bay đi Mỹ tới Los Angeles hoặc San Francisco trên cơ sở đảm bảo hiệu quả khai thác chung toàn mạng của Vietnam Airlines.



ĐỘI BAY

Vietnam Airlines xác định chiến lược phát triển đội bay theo định hướng lựa chọn các dòng tàu bay chở khách công nghệ mới, hiện đại, đơn giản về cấu trúc và chủng loại, phù hợp với nhu cầu thị trường, hạ tầng hàng không và đáp ứng tốt hiệu quả khai thác.



Đội tàu bay thân rộng (280-300 ghế)

Tiếp tục khai thác đội tàu bay hiện có trên các đường bay Châu Âu, Úc, Đông Bắc Á.

Đội tàu bay thân hẹp (150-180 ghế)

Đầu tư bổ sung để khai thác thị trường nội địa, các đường bay quốc tế có dung lượng thấp/ tầm bay ngắn (dưới 5 giờ bay).

Phản lực khu vực (Regional Jet)

Thay thế đội tàu bay ATR72 để khai thác một số thị trường ngách (đường bay ngắn, dung lượng nhỏ, sân bay có cơ sở hạ tầng hạn chế...)

NGUỒN VỐN

Sử dụng kết hợp nhiều nguồn vốn để đảm bảo duy động đủ nguồn lực tài chính cho nhu cầu đầu tư trên nguyên tắc duy trì các hệ số tài chính ở mức an toàn và chi phí vốn hợp lý. Để thực hiện được chiến lược này, Vietnam Airlines kết hợp các giải pháp, bao gồm tăng vốn chủ sở hữu, huy động từ thị trường vốn và thực hiện cấu trúc Sale and Lease back. Bên cạnh đó, Vietnam Airlines thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư tài chính để tập trung vốn cho hoạt động kinh doanh chính.



CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Cùng với đầu tư phát triển đội bay, Vietnam Airlines tập trung đầu tư nâng cao năng lực khai thác, bảo dưỡng tàu bay và hạ tầng CNTT theo định hướng sẽ dành 50% nguồn vốn đầu tư cho đội tàu bay và 50% cho các lĩnh vực còn lại.



 **Vietnam Airlines** 
SẢ CÁNH VƯỜN CAO



BẠN CÓ BIẾT PHÙ THỦY ẨM THỰC ĐANG NÂNG TẦM MÓN VIỆT TRÊN MỖI CHUYẾN BAY VIETNAM AIRLINES?

THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI.
CÒN BẠN?

Hãy tận hưởng trọn vẹn tinh hoa ẩm thực Việt trên độ cao 10.000 m qua bàn tay Luke Nguyễn - đại sứ ẩm thực toàn cầu của Vietnam Airlines.

#HànhTrìnhĐăngCấp

ĐẶT VÉ NGAY > vietnamairlines.com

CỌI NGAY > **1900 1100**

LIKE NGAY > fb/vietnamairlines

GIỚI THIỆU CHUNG

Thông tin khái quát

Tên giao dịch:

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam

Tên tiếng Anh:

Vietnam Airlines JSC

Địa chỉ trụ sở chính:

200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề,
Quận Long Biên, Hà Nội

Điện thoại:

(+84.24) 38 732 732 | Fax: (+84.24) 38 722 375

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP
mã số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
TP. Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 6 ngày
26/02/2019.

Vốn điều lệ: 14.182.908.470.000 đồng

Website: www.vietnamairlines.com

Email: nhadautu@vietnamairlines.com





Ngành nghề kinh doanh



Vận tải hành khách hàng không (vận chuyển hàng không đối với hành khách), vận tải hàng hóa hàng không (vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư).



Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không:

- Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng).
- Dịch vụ chuyên ngành hàng không khác.
- Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại khu cách ly ở cửa khẩu quốc tế sân bay, trên tàu bay và tại các tỉnh, thành phố.
- Cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay.



Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng vật tư, thiết bị hàng không, thiết bị phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất và các thiết bị kỹ thuật khác).



Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển như là sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không, cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài.

Mạng lưới kinh doanh

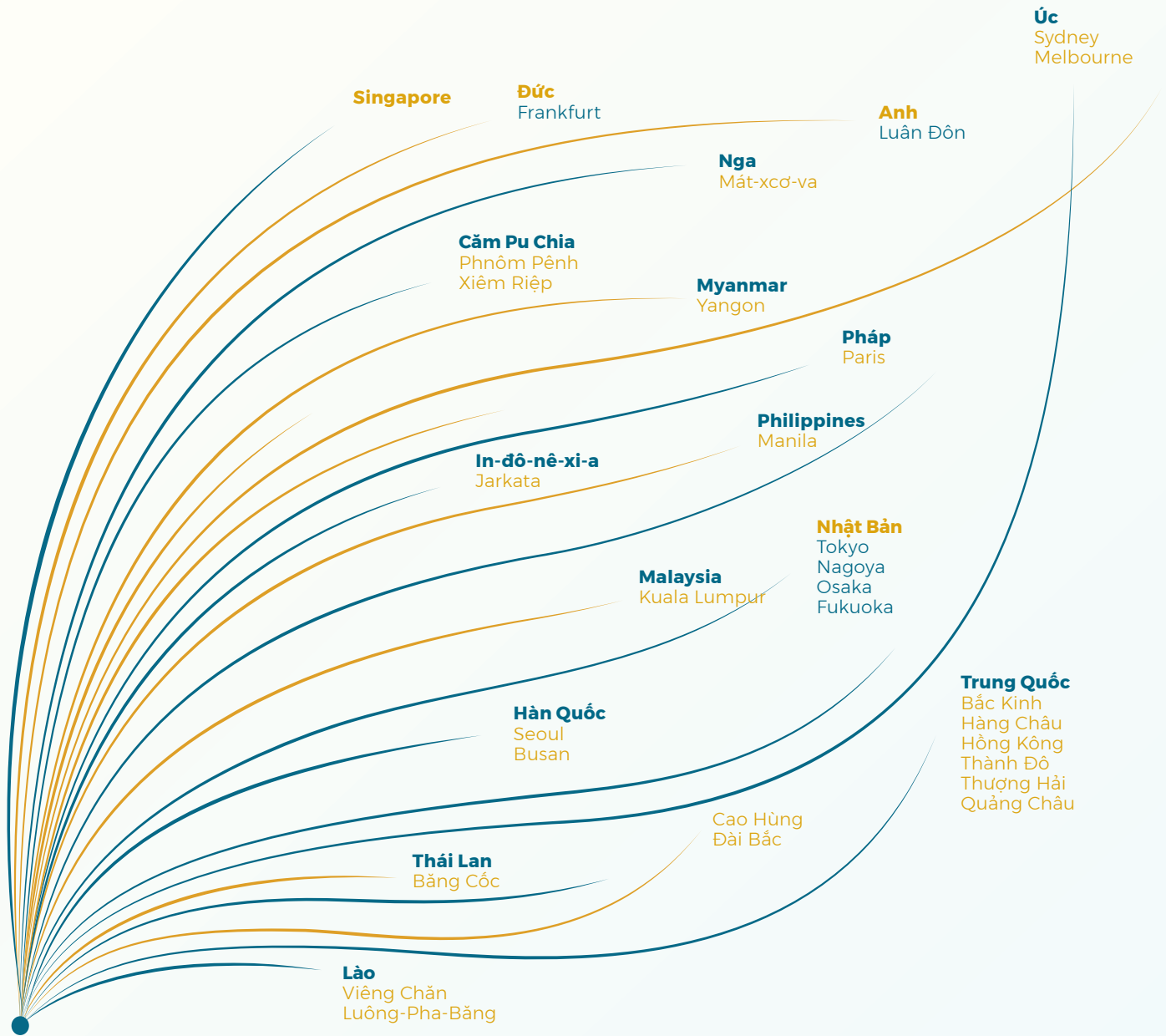
VIETNAM AIRLINES LÀ HÃNG HÀNG KHÔNG
CÓ MẠNG BAY LỚN NHẤT VIỆT NAM

Vietnam Airlines 05
đơn vị trực thuộc

25
chi nhánh

tại **21**
tỉnh, thành phố lớn tại Việt Nam





Việt Nam

- | | | |
|---------------|---------------|------------------|
| Buôn Ma Thuật | Điện Biên Phủ | Rạch Giá |
| Cà Mau | Đồng Hới | Thanh Hóa |
| Cần Thơ | Hà Nội | Tuy Hòa |
| Cam Ranh | Hải Phòng | T.P. Hồ Chí Minh |
| Côn Đảo | Huế | Vân Đồn |
| Chu Lai | Pleiku | Vinh |
| Đà Lạt | Quy Nhơn | Phú Quốc |
| Đà Nẵng | | |

Vietnam Airlines có mạng lưới kinh doanh bao phủ rộng khắp về địa lý tại các khu vực Châu Âu, Châu Á, Châu Úc và Bắc Mỹ với 31 chi nhánh văn phòng đại diện trên 19 quốc gia và vùng lãnh thổ, đáp ứng nhu cầu thị trường của khách hàng khắp mọi nơi trên toàn thế giới.

Quá trình hình thành và phát triển



Thành lập Hãng hàng không quốc gia Việt Nam

1993



Giới thiệu biểu tượng mới **Bông Sen Vàng** gắn với các cải tiến vượt trội về chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng bay và nâng cấp đội bay

2002



Trở thành thành viên chính thức của **IATA**

2006

1995

Thành lập Tổng công ty Hàng không Việt Nam gồm Hãng hàng không quốc gia Việt Nam và 20 doanh nghiệp trong ngành

2003

Tổ chức lại hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con theo Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày **04/4/2003** của Thủ tướng Chính phủ

Tiếp nhận đưa vào khai thác tàu bay hiện đại Boeing 777 đầu tiên, khởi đầu chương trình hiện đại hóa đội bay



09/2014: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Vietnam Airlines

11/2014: Chào bán thành công cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM

2014



07/2016: Chính thức được công nhận là Hãng hàng không quốc tế 4 sao theo tiêu chuẩn của Skytrax

Hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư chiến lược **ANA Holdings Inc.** (Nhật Bản)

2016

07/2018: Nhận chứng chỉ Skytrax lần 3 liên tiếp là Hãng hàng không quốc tế 4 sao (2016, 2017, 2018)

11/2018: Chính thức đón tàu **A321NEO** đầu tiên



Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước từ Bộ GTVT sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2018

2010

Chuyển thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm Chủ sở hữu

Chính thức là thành viên thứ 10 của Liên minh hàng không **Skyteam**



2015

04/2015: Chính thức hoạt động theo mô hình CTCP từ ngày 01/4/2015

07/2015: Trở thành Hãng hàng không đầu tiên của Đông Nam Á và thứ 2 trên thế giới tiếp nhận máy bay thế hệ mới Airbus A350-900, đồng thời ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới



08/2015: Trở thành Hãng hàng không đầu tiên ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cùng lúc tiếp nhận và khai thác hai loại tàu bay hiện đại thế hệ mới của thế giới là Boeing 787-9 và Airbus A350-900

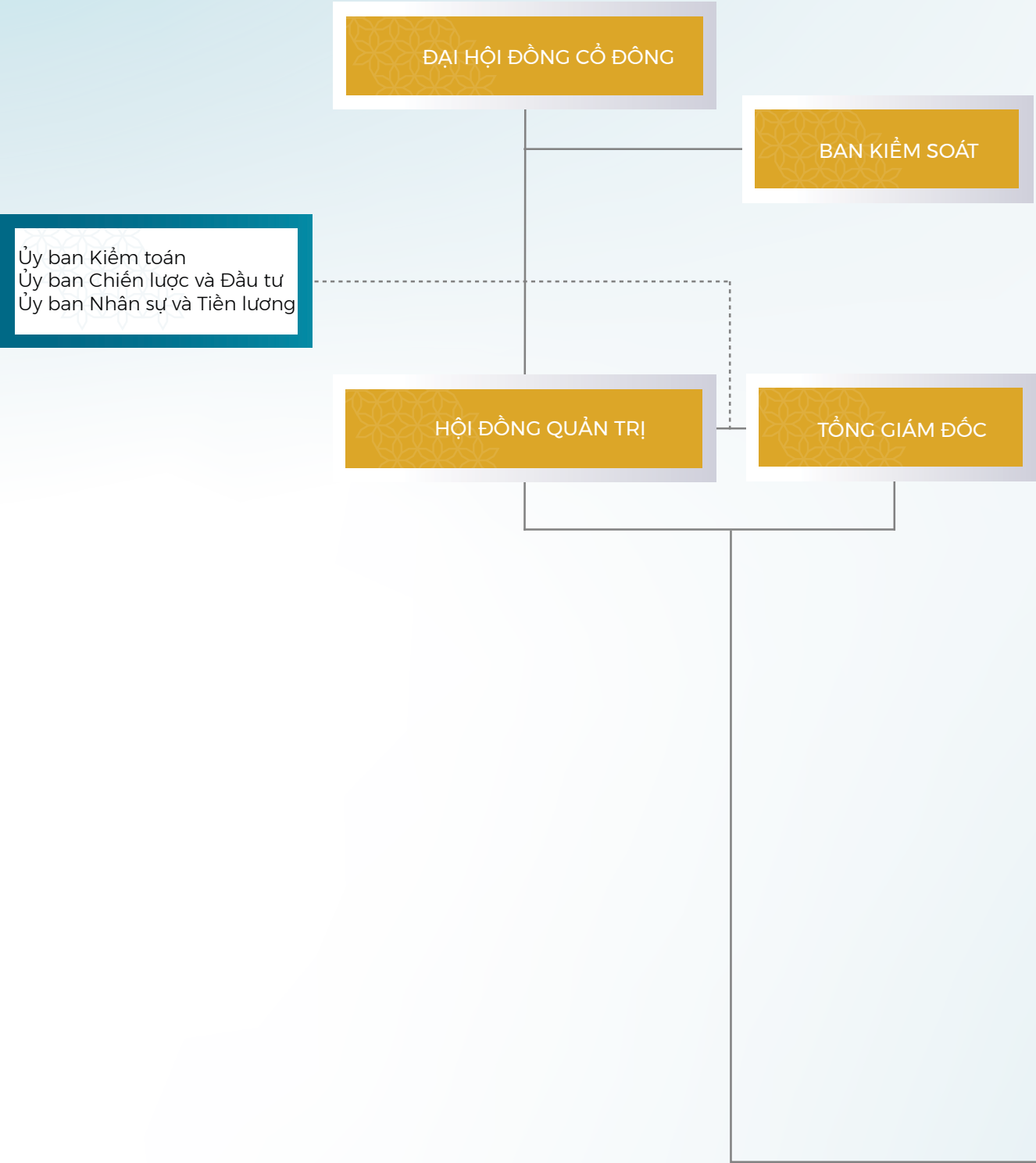
2017

01/2017: Cổ phiếu Vietnam Airlines chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán UPCoM với mã chứng khoán HVN, giá trị vốn hóa nằm trong top đầu của thị trường

12/2017: Chào đón hành khách thứ 200 triệu sau 20 năm thành lập và đạt 1,5 triệu hội viên **Bông Sen Vàng**



Mô hình tổ chức



Sơ đồ cơ cấu tổ chức (tính đến 31/12/2018)



Danh sách Ban lãnh đạo

"TRÁCH NHIỆM - CHỦ ĐỘNG - SÁNG TẠO"





Ông PHẠM NGỌC MINH

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Phó chủ tịch HĐQT Hãng hàng không Cambodia Angkor Air



Ông DƯƠNG TRÍ THÀNH

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khoa học ngành Vận tải hàng không



Ông TẠ MẠNH HÙNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế



Ông NGUYỄN XUÂN MINH

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính ứng dụng và đầu tư

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Quản lý quỹ VAM Việt Nam
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Chứng khoán Kỹ thương
- Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Vinafco



Ông KOJI SHIBATA

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học nghiên cứu quốc tế Tokyo

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

- Phó Tổng Giám đốc cao cấp
- Giám đốc kế hoạch chiến lược Châu Á - Thái Bình Dương, ANA Holdings Inc.

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông DƯƠNG TRÍ THÀNH

Thành viên Hội đồng quản trị
kiêm Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1961
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khoa học
ngành Vận tải hàng không



Ông NGUYỄN THÁI TRUNG

Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1960
Trình độ chuyên môn: Phi công



Ông NGUYỄN HỒNG LĨNH

Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1962
Trình độ chuyên môn: Phi công
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Đào tạo Bay Việt (VFT)



Ông TRỊNH HỒNG QUANG

Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Hàng không Jetstar Pacific Airlines (JPA)



Ông TRỊNH NGỌC THÀNH

Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1964
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Tin học Hàng không (AITS)



Ông LÊ HỒNG HÀ

Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1972
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không (SKYPEC)



Ông ĐẶNG NGỌC HÒA

Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1972
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật ngành hàng không
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam (VIAGS)



Ông TRẦN THANH HIỀN

Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính Kế toán
Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Cho Thuê Máy Bay Việt Nam (VALC)

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG LẠI HỮU PHƯỚC

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Trưởng ban kiểm tra nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam



ÔNG MAI HỮU THỌ

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

** Ông Hoàng Thanh Quý, thành viên Ban Kiểm soát đã có Đơn xin từ nhiệm trong năm 2018*

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ - THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY



ÔNG NGUYỄN XUÂN THỦY

Thư ký Tổng công ty

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT CTCP Hàng không Jetstar Pacific
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay

Danh sách các công ty con, công ty liên kết

(tính đến 31/12/2018)

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON

STT	Công ty con	Tên viết tắt	Địa chỉ	Ngành nghề Kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (Triệu VND)	Tỷ lệ sở hữu của VIETNAM AIRLINES (%)
1.	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	VAECO	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay	1.060.071	100,00
2.	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không	SKYPEC	202 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - Hà Nội	Kinh doanh nhiên liệu hàng không	550.000	100,00
3.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	VIAGS	49 Trường Sơn - P.2 - Q. Tân Bình - TP. HCM	Dịch vụ mặt đất sân bay	250.000	100,00
4.	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	VACS	Sân bay Tân Sơn Nhất - P.2 - Q. Tân Bình - TP. HCM	Thực phẩm, cung cấp suất ăn cho các chuyến bay	85.448	100,00
5.	Công ty CP HK Jetstar Pacific Airlines	JPA	112 Hồng Hà - P.2 - Q. Tân Bình - TP. HCM	Kinh doanh vận tải hàng không	3.522.081	68,85
6.	Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	NCTS	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyến bay	261.669	55,13
7.	Công ty CP DV Hàng hóa Tân Sơn Nhất	TCS	46-48 Hậu Giang - P.4 - Q. Tân Bình - TP. HCM	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyến bay	93.726	55,00
8.	Công ty TNHH DV Giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất	TECS	Số 6 Thăng Long - P.4 - Q. Tân Bình - TP. HCM	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không	51.430	51,00
9.	Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa	VINAKO	49 Trường Sơn - P.2 - Q. Tân Bình - TP. HCM	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải mặt đất, kho bãi	8.578	65,05
10.	Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	NCS	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Cung cấp suất ăn hàng không và các dịch vụ liên quan	179.491	60,17
11.	Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài	NASCO	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	83.158	51,00
12.	Công ty CP Đào tạo Bay Việt	VFT	117 Hồng Hà - P.2 - Q. Tân Bình - TP. HCM	Đào tạo phi công	66.000	51,52
13.	Công ty CP Tin học viễn thông Hàng không	AITS	414 Nguyễn Văn Cừ - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - Hà Nội	Dịch vụ Tin học viễn thông	58.032	52,73
14.	Công ty CP Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	ALSIMEXCO	Số 1 Ngõ 200/10 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - Hà Nội	Xuất Nhập Khẩu Lao động	10.000	51,00
15.	Công ty CP Sabre Việt Nam	SABRE VN	Tầng 5 - Tòa nhà Đệ Nhất - số 53 Quang Trung - P. Nguyễn Du - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội	Cung cấp dịch vụ liên quan đến phân phối hệ thống sabre và hệ thống cuộc gọi	5.200	51,69

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Công ty con	Tên viết tắt	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (Triệu VND)	Tỷ lệ sở hữu của VIETNAM AIRLINES (%)
1.	Công ty CP Cho thuê máy bay Việt Nam	VALC	Tầng 6 - số 18 Lý Thường Kiệt - P. Phan Chu Trinh - Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội	Mua và cho thuê, thuê và cho thuê lại máy bay	63.315.837 (USD)	32,48
2.	Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	K6	206A - Preah Norodom Blvd - Sangkat Tonle Basac - Khan Chamkarmon - Phnom Penh - Cambodia	Vận tải hành khách và hàng hóa hàng không	100.000.000 (USD)	49,00
3.	Công ty CP Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng	MASCO	Sân bay Quốc tế Đà Nẵng - Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng	Dịch vụ cung cấp suất ăn trên máy bay, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	42.677	36,11
4.	Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không	AIRIMEX	414 Nguyễn Văn Cừ - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - Hà Nội	Nhập khẩu/phân phối phụ tùng máy bay và các thiết bị mặt đất sân bay	25.927	41,31
5.	Công ty CP Nhựa cao cấp Hàng không	APLACO	Ngõ 200 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - Hà Nội	Công nghiệp nhựa cao cấp	17.280	30,41



SỰ KIỆN TIÊU BIỂU TRONG NĂM



Vietnam Airlines năm thứ 3 liên tiếp nhận chứng chỉ hãng hàng không quốc tế 4 sao

Vietnam Airlines tiếp tục nhận chứng chỉ hãng hàng không quốc tế 4 sao do Tổ chức đánh giá và xếp hạng hàng không Anh Skytrax trao tặng. Đây là năm thứ 3 liên tiếp Vietnam Airlines được vinh danh vì những nỗ lực mang đến cho khách hàng một trải nghiệm trọn vẹn và chất lượng hơn nữa.



Vietnam Airlines công bố Đại sứ Ẩm thực Toàn cầu - Luke Nguyễn

Ngày 14/3, tại Thủ đô Canberra (Australia), Vietnam Airlines chính thức công bố bếp trưởng người Australia gốc Việt Luke Nguyễn trở thành Đại sứ Ẩm thực Toàn cầu, cùng Hãng thực hiện sứ mệnh đưa văn hóa và ẩm thực Việt vươn cao. Theo đó, trong 3 năm từ 2018 - 2020, Luke Nguyễn sẽ đảm nhận vai trò quan trọng trong việc phát triển chất lượng suất ăn cho các chuyến bay của Vietnam Airlines.



Vietnam Airlines khai trương Tổ hợp buồng lái mô phỏng hiện đại tại Việt Nam

Tháng 8/2018, Vietnam Airlines khai trương Tổ hợp buồng lái mô phỏng máy bay (SIM) đầu tiên tại Việt Nam gồm 2 thiết bị dành cho đào tạo phi công đội bay Airbus A321, 1 thiết bị mô phỏng buồng lái Airbus A350 và 1 thiết bị cho đội bay Boeing 787, đánh dấu cột mốc vượt bậc trong chiến lược đầu tư về đào tạo phi công của Hãng.



Vietnam Airlines tự hào tham gia tài trợ bản quyền phát sóng ASIAD 2018 và đồng hành cùng thể thao Việt Nam năm 2018

Vietnam Airlines tự hào là đơn vị đồng hành với VOV, tham gia tài trợ bản quyền phát sóng ASIAD 2018. Cùng với việc tài trợ bản quyền, Vietnam Airlines đã bố trí các chuyến bay thẳng từ Hà Nội đến Jakarta và tăng chuyến TP. HCM - Jakarta trong những ngày diễn ra ASIAD để đưa người hâm mộ sang cổ vũ cho các vận động viên nói chung và đặc biệt là đội tuyển bóng đá Olympic Việt Nam.



Vietnam Airlines tổ chức thành công Lễ hội Đua thuyền rồng với UBND TP. Hà Nội

Vietnam Airlines đã phối hợp đồng tổ chức Lễ hội bơi chài thuyền rồng Hà Nội mở rộng 2018 tại Hồ Tây. Lễ hội là sự kiện văn hóa quy mô lớn đầu năm 2018 của Thủ đô, phát huy hiệu quả thỏa thuận hợp tác phát triển văn hóa, du lịch được ký kết giữa UBND TP Hà Nội và Vietnam Airlines trong năm 2017.



Vietnam Airlines Classic - Hanoi Concert 2018.

Hàng ngàn khán giả Thủ đô Hà Nội đã có mặt trên phố đi bộ bên hồ Gươm (Hà Nội) và thưởng thức âm nhạc giao hưởng do gần 100 nghệ sĩ đến từ Anh biểu diễn vào tối 5/10/2018. Chương trình hòa nhạc Vietnam Airlines Classic - Hanoi Concert 2018 là hoạt động nổi bật trong chuỗi sự kiện kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Vương quốc Anh.

Danh hiệu, giải thưởng đạt được trong năm 2018

Chứng chỉ

"Hãng hàng không quốc tế 4 sao"
3 năm liên tiếp 2016, 2017,
2018 theo tiêu chuẩn của SKYTRAX.



APEX Global

Giải thưởng Hãng hàng không
4 sao toàn cầu của tổ chức APEX.



AirlineRatings (An toàn hàng không)

Vietnam Airlines và Jetstar Pacific được xếp hạng
tuyệt đối 7/7 sao về an toàn hàng không.



The Best Tourism Marketing Award 2018

Giải thưởng "The Best Tourism Marketing Award 2018"
do Hội chợ du lịch quốc tế Busan lần thứ 21 tại Hàn Quốc.



World Travel Award

02 giải thưởng "Hãng hàng không hàng đầu thế giới
về hạng Phổ thông đặc biệt" và "Hãng hàng không
hàng đầu thế giới về bản sắc văn hóa".



Travellers' choice Major Airlines - Asia 2018

Hãng hàng không lớn được yêu thích nhất Châu Á
(Travellers' choice Major Airlines - Asia 2018).



Top 10 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam

(Vietnam Airlines đứng thứ 8 với 416 triệu USD, tăng 34% về giá trị và 1 bậc về vị trí so với 2017) theo báo cáo của Brand Finance – công ty định giá thương hiệu hàng đầu thế giới.

Top 10 Nhãn hiệu nổi tiếng nhất Việt Nam

Năm 2018 do Viện Sở hữu trí tuệ và Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng.

Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017

Ngày 19/1/2018, tại Lễ công bố và trao chứng nhận Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017 (VNR500), Vietnam Airlines nằm trong Top 10 doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam.

UPCoM

Top 10 Doanh nghiệp UPCoM được vinh danh CBTT minh bạch và công khai trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2017 - 2018.

Giải vàng đối tác chiến lược ITE 2018

(Hội chợ Du lịch Quốc tế tại TP. Hồ Chí Minh)

Thương hiệu quốc gia (Vietnam Value)

Do Bộ Công Thương trao tặng.

Brand Finance®





Vietnam Airlines



SẢ CÁNH VƯỜN CAO



BẠN CÓ BIẾT

VIỆT NAM
VỪA CÓ THÊM
MỘT CÔNG VIÊN
ĐỊA CHẤT TOÀN CẦU
ĐƯỢC CÔNG NHẬN
BỞI UNESCO?

**THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI.
CÒN BẠN?**

Hãy cùng Vietnam Airlines khám phá Non Nước Cao Bằng - công viên địa chất thế giới thứ hai tại Việt Nam được UNESCO công nhận.

#HànhTrìnhTựHào

ĐẶT VÉ NGAY > vietnamairlines.com

GỌI NGAY > **1900 1100**

LIKE NGAY > fb/vietnamairlines

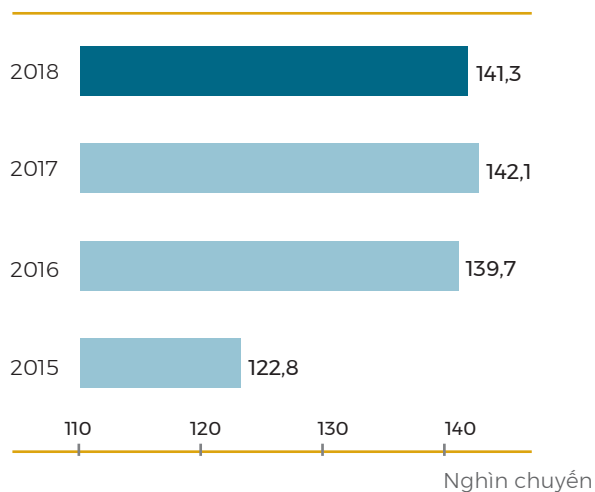
TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH

Các chỉ tiêu khai thác cơ bản

VIETNAM AIRLINES

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	2017	2018
Chuyến bay	nghìn chuyến	122,8	139,7	142,1	141,3
Khách vận chuyển	triệu lượt khách	17,4	20,63	21,91	21,90
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	nghìn tấn	208,4	272,1	322,3	341,5
Khách luân chuyển (RPK)	tỷ khách.km	28,7	32,8	34,7	36,3
Ghế luân chuyển (ASK)	tỷ ghế.km	35,8	40,6	42,6	44,7
Hệ số sử dụng ghế (Load Factor)	%	80,7%	80,8%	81,5%	81,4%

SỐ CHUYẾN BAY



CHUYẾN BAY

141,3

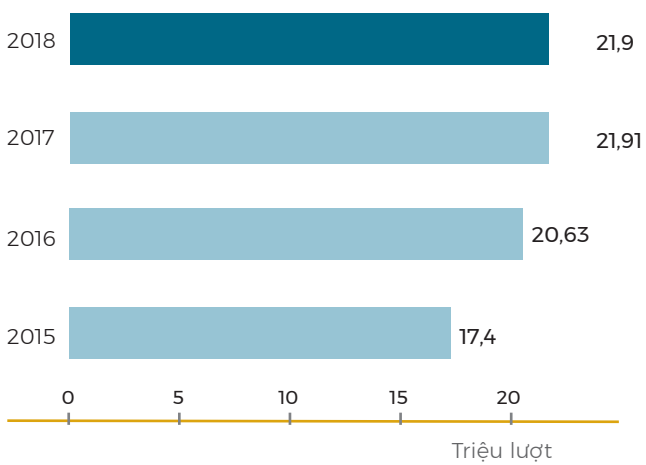
NGHÌN CHUYẾN

KHÁCH VẬN CHUYỂN

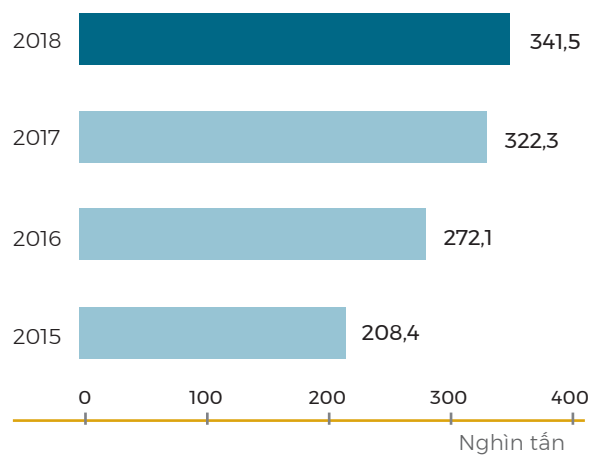
21,9

TRIỆU LƯỢT

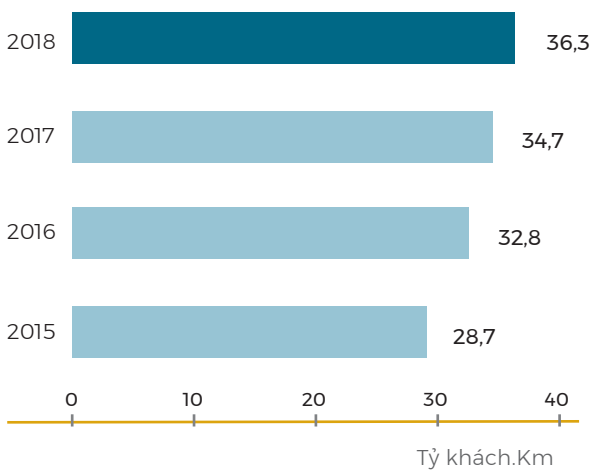
KHÁCH VẬN CHUYỂN



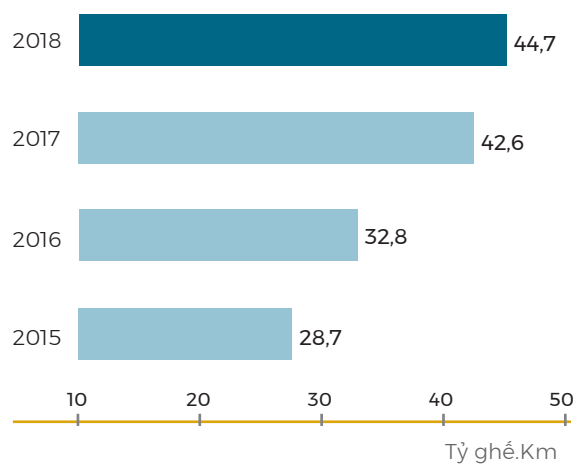
HÀNG HÓA, BƯU KIẾN VẬN CHUYỂN



KHÁCH LUÂN CHUYỂN (RPK)



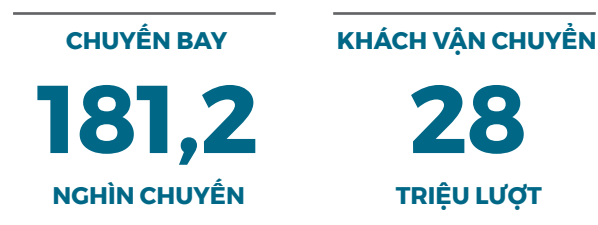
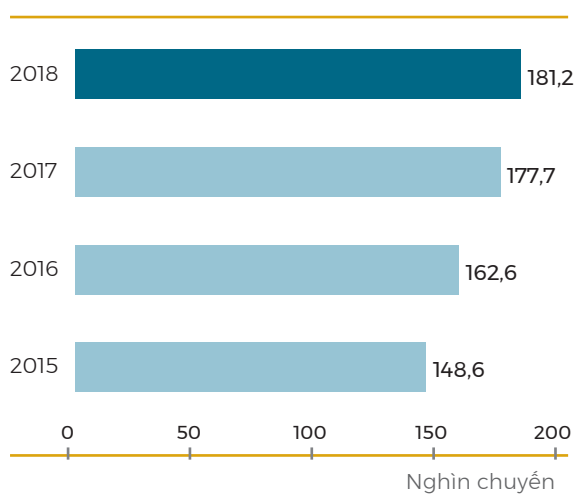
GHẾ LUÂN CHUYỂN (ASK)



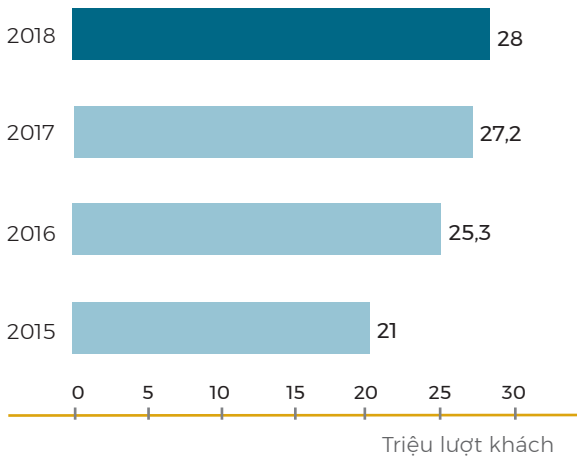
VNA GROUP

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	2017	2018
Chuyến bay	nghìn chuyến	148,6	162,6	177,7	181,2
Khách vận chuyển	triệu lượt khách	21,0	25,3	27,2	28,0
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	nghìn tấn	209	289	344	366
Khách luân chuyển (RPK)	tỷ khách.km	31,6	36,3	39,2	41,5
Ghế luân chuyển (ASK)	tỷ ghế.km	39,2	44,9	48,0	50,8
Hệ số sử dụng ghế (Load Factor)	%	81%	81%	82%	82%

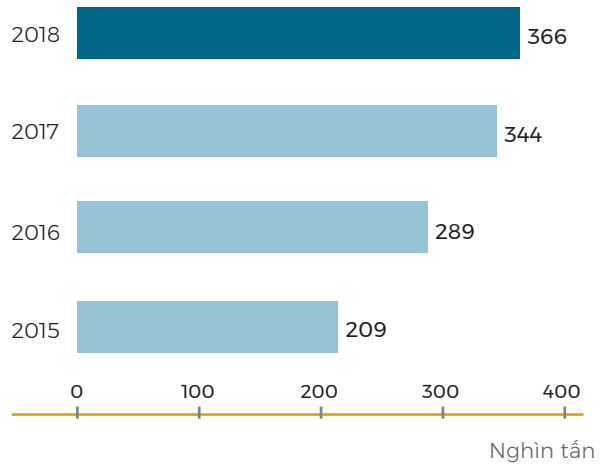
SỐ CHUYẾN BAY



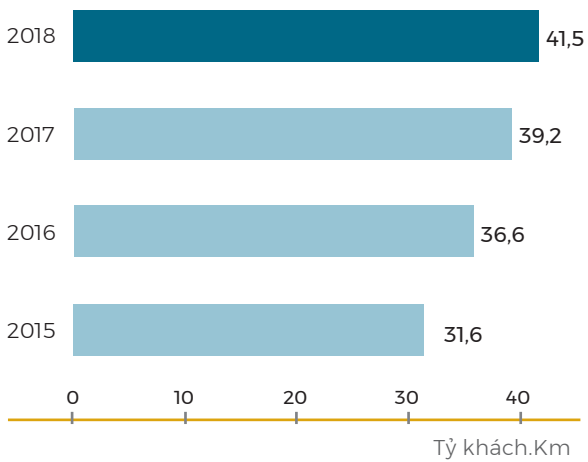
KHÁCH VẬN CHUYỂN



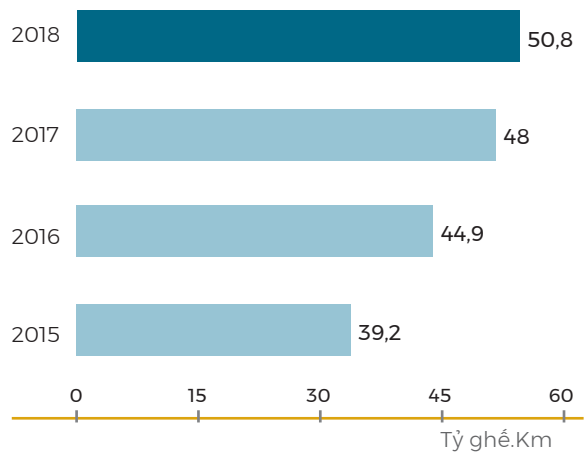
HÀNG HÓA, BƯU KIẾN VẬN CHUYỂN



KHÁCH LUÂN CHUYỂN (RPK)



GHẾ LUÂN CHUYỂN (ASK)

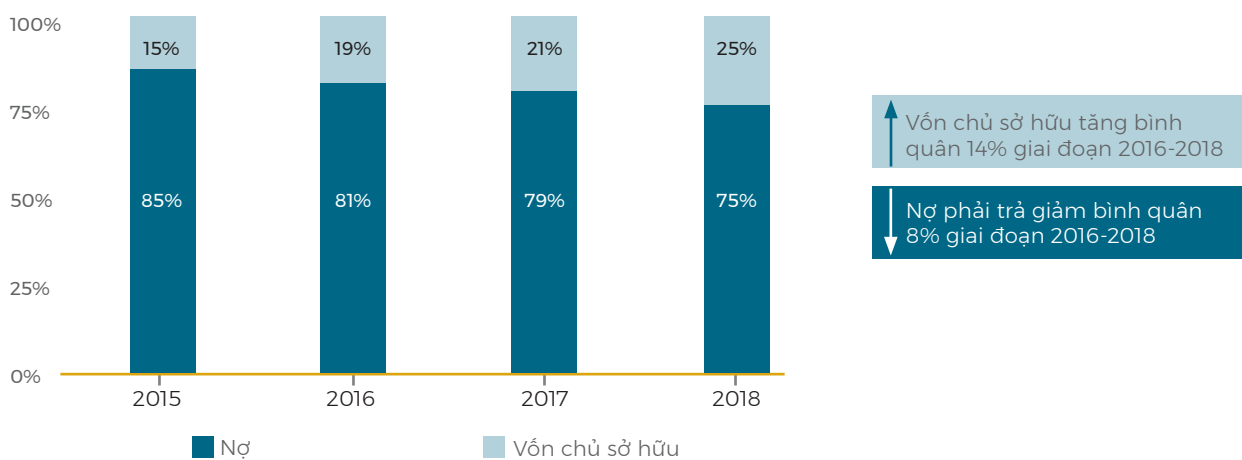


Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

VIETNAM AIRLINES

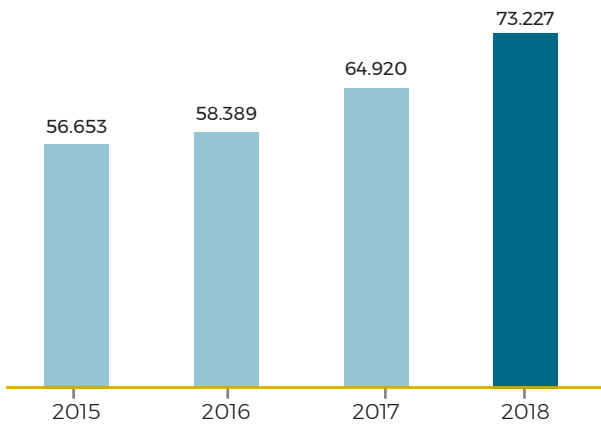
Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	56.653	58.389	64.920	73.227
Tổng tài sản (tỷ đồng)	83.538	87.033	79.197	73.543
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	12.545	16.302	16.931	18.267
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	282	1.711	1.912	2.418
ROE (%)	2,46%	11,81%	10,93%	12,00%
ROS (%)	0,52%	3,01%	2,87%	2,98%
ROA (%)	0,38%	2,00%	2,18%	2,76%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu - EPS (đồng)	248	1.388	1.479	1.488
Hệ số nợ (không gồm thu bán)	5,20	3,94	3,26	2,58

CƠ CẤU NGUỒN VỐN KINH DOANH



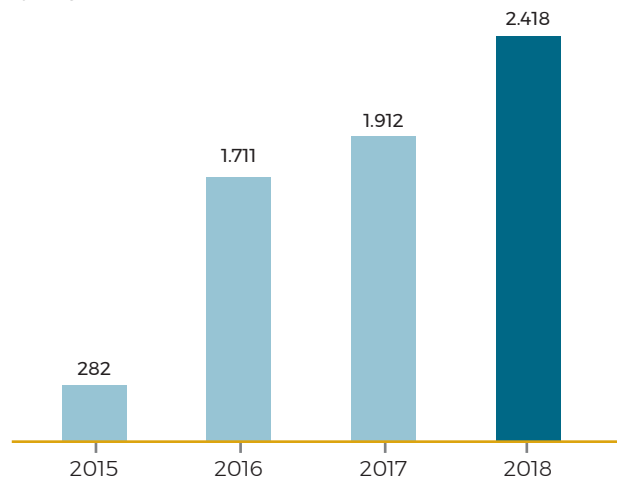
TỔNG DOANH THU

Tỷ đồng



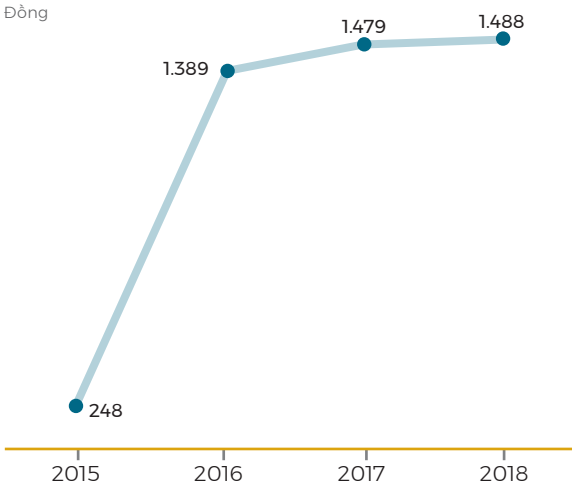
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Tỷ đồng

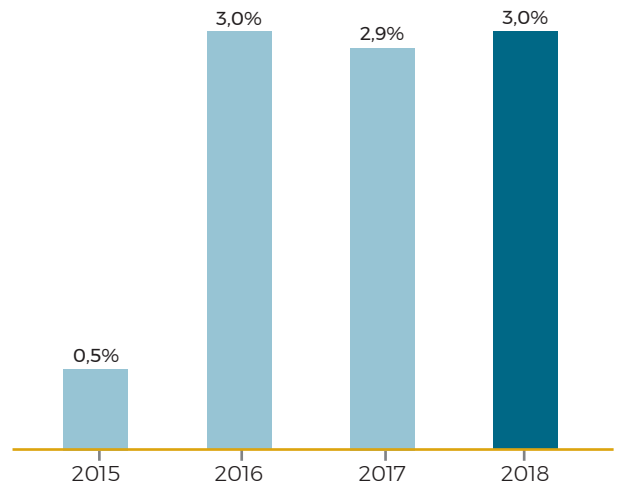


LÃI CƠ BẢN TRÊN MỖI CỔ PHIẾU (EPS)

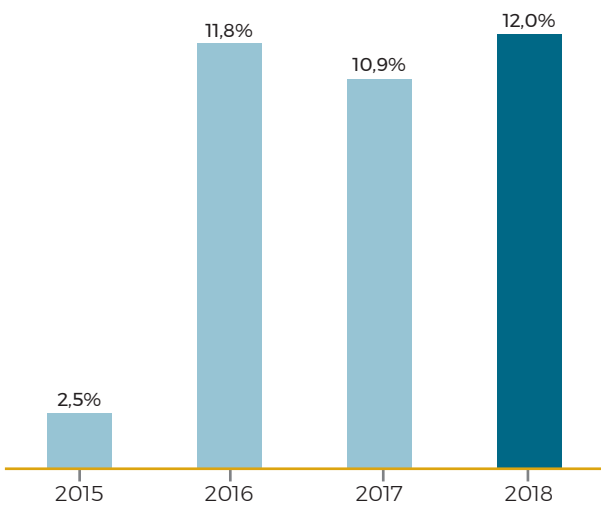
Đồng



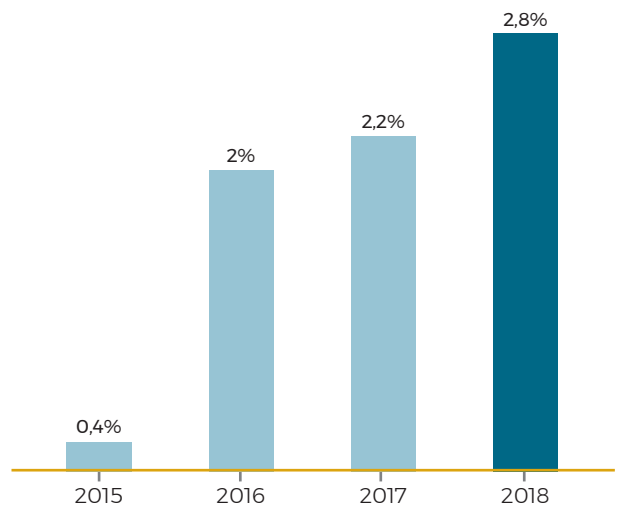
ROS



ROE



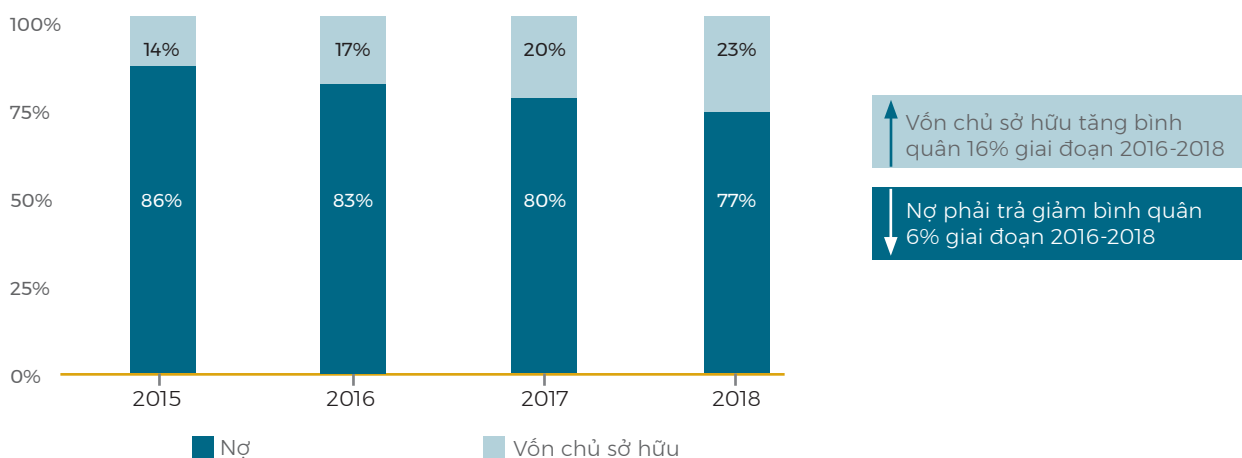
ROA



SỐ LIỆU HỢP NHẤT

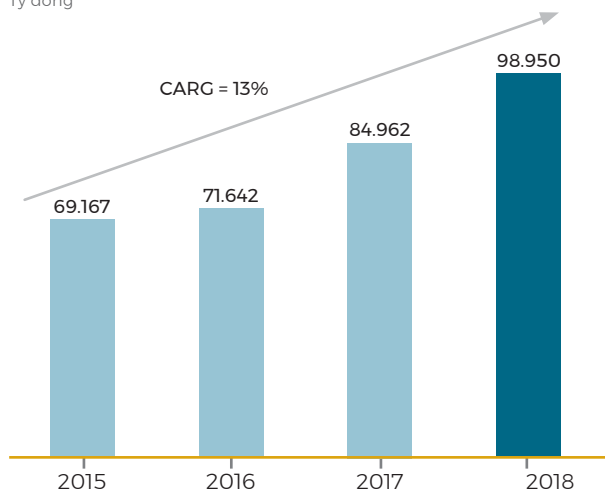
Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	69.167	71.642	84.962	98.950
Tổng tài sản (tỷ đồng)	89.182	96.480	88.551	82.390
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	12.142	16.245	17.433	18.672
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	1.049	2.601	3.155	3.312
ROE (%)	7,14%	14,83%	15,79%	14,39%
ROS (%)	1,22%	3,00%	3,21%	2,68%
ROA (%)	1,00%	2,27%	2,87%	3,04%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	213	1.685	1.776	1.747
Hệ số nợ (không gồm thu bán)	5,84	4,52	3,64	2,95

CƠ CẤU NGUỒN VỐN KINH DOANH



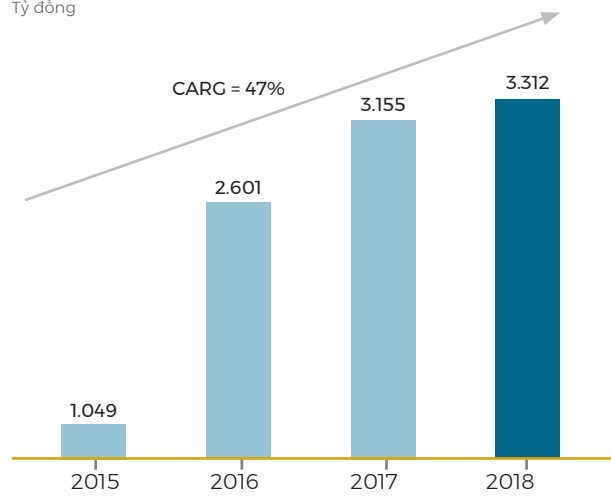
TỔNG DOANH THU

Tỷ đồng



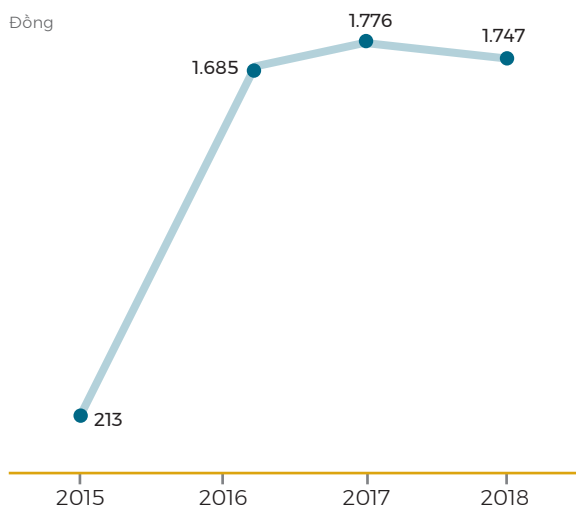
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Tỷ đồng

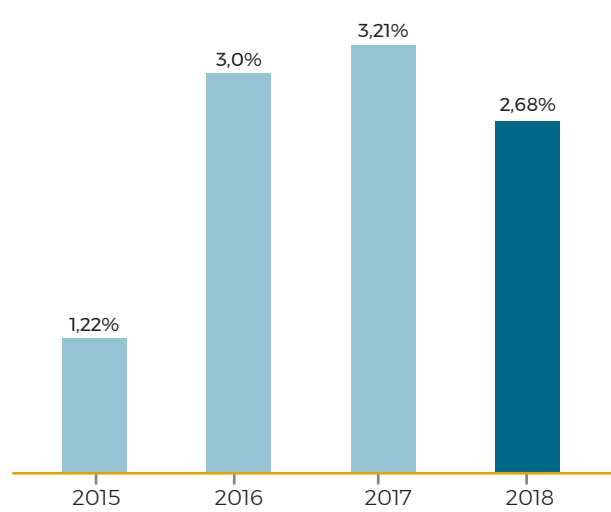


LÃI CƠ BẢN TRÊN MỖI CỔ PHIẾU (EPS)

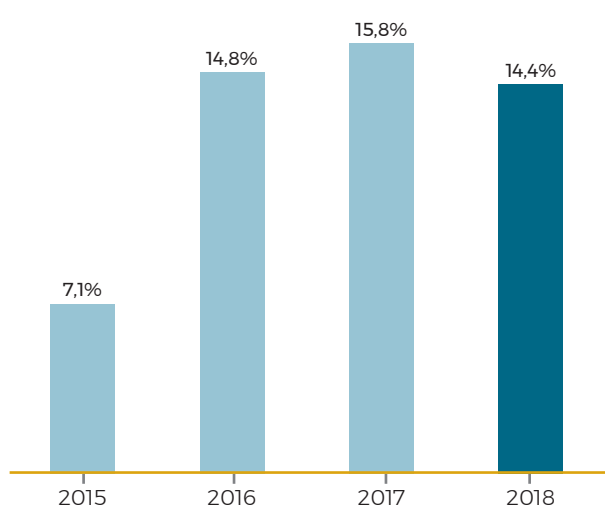
Đồng



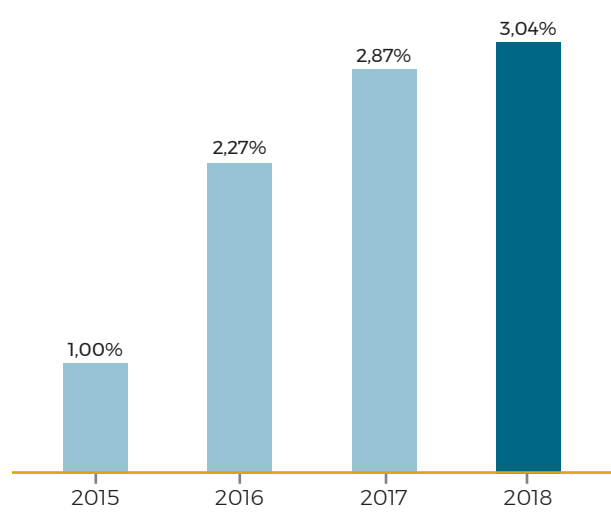
ROS



ROE



ROA



Kết quả hoạt động giai đoạn 2015 – 2018

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015-2018	Thực hiện 2015-2018
Tổng sản lượng vận chuyển		
- Hành khách (triệu khách)	84,9	81,8
- Hàng hóa (nghìn tấn)	976,6	1.146,5
Tổng vốn đầu tư công ty mẹ (tỷ VND)	61.167	33.240,8
Tổng doanh thu (tỷ VND)		
- Hợp nhất	383.674	324.720
- Công ty mẹ	293.605	253.189
Lợi nhuận trước thuế (tỷ VND)		
- Hợp nhất	9.077	10.116
- Công ty mẹ	6.088	6.323
Lợi nhuận sau thuế/VCSH (bình quân) (%)		
- Hợp nhất	7,13	13,04
- Công ty mẹ	6,38	9,30

Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ lần thứ nhất ngày 12/3/2015 đã thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chủ yếu giai đoạn 2015 – 2018. Kết thúc năm 2018, hoạt động SXKD của Vietnam Airlines tiếp tục duy trì đà tăng trưởng và phát triển ổn định, kết quả năm sau cao hơn năm trước. Các chỉ tiêu thực hiện giai đoạn 2015 – 2018 đều bám sát kế hoạch, đặc biệt là các chỉ tiêu về lợi nhuận và hiệu quả.

Tổng sản lượng vận chuyển hành khách và hàng hóa giai đoạn 2015 – 2018 lần lượt đạt 81,8 triệu lượt khách và 1,15 triệu tấn hàng hóa. Trong đó sản lượng vận chuyển hành khách giảm nhẹ so với kế hoạch 3,6% do công ty điều chỉnh tải cung ứng khi giá nhiên liệu tăng để đảm bảo hiệu quả hoạt động. Sản lượng vận chuyển hàng hóa năm 2018 vượt kế hoạch 18,4%.

Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất và công ty mẹ giai đoạn 2015 – 2018 đều tăng trưởng mặc dù doanh thu giảm nhẹ so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất 4 năm đạt 10.116 tỷ đồng tăng 11,5%, doanh thu hợp nhất giảm nhẹ 15% so với kế hoạch.

Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ giai đoạn 2015 – 2018 đạt 33.240,6 tỷ đồng, tương đương 54,3% kế hoạch. Nguyên nhân do:

- (1) Một số dự án đầu tư xây dựng hạ tầng lớn bị chậm tiến độ do các thủ tục hành chính kéo dài và chông chéo trong quy định về đất đai, xây dựng.
- (2) Trong giai đoạn 2016 – 2018, Vietnam Airlines không sử dụng nguồn vốn đầu tư mới đội bay (chuyển sang hình thức bán và thuê lại – SLB thay cho việc huy động vốn) nhưng vẫn đảm bảo đội bay khai thác tăng, đáp ứng yêu cầu kinh doanh và lành mạnh các cân đối tài chính.

Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân 4 năm hợp nhất và của công ty mẹ đều vượt kế hoạch đề ra. Hiện ROE bình quân giai đoạn 2015-2018 hợp nhất và mẹ lần lượt đạt 13,4% và 9,3%.





 **Vietnam Airlines** 
SẢ CÁNH VƯƠN CAO



**BẠN
CÓ
BIẾT**

**VIETNAM AIRLINES
LÀ MỘT TRONG NHỮNG
HÃNG HÀNG KHÔNG LỚN
ĐƯỢC YÊU THÍCH NHẤT
CHÂU Á
NĂM 2018*?**

**THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI.
CÒN BẠN?**

Với nỗ lực không ngừng hoàn thiện, Vietnam Airlines vinh dự được khách hàng toàn cầu bình chọn là một trong 11 hãng hàng không lớn được yêu thích nhất châu Á năm 2018.

*Công bố bởi TripAdvisor, website cung cấp đánh giá liên quan đến du lịch lớn nhất thế giới.

#HànhTrìnhĐẳngCấp

ĐẶT VÉ NGAY > vietnamairlines.com

GỌI NGAY > **1900 1100**

LIKE NGAY > [fb/vietnamairlines](https://fb.com/vietnamairlines)

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về các mặt hoạt động của Vietnam Airlines

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Với quan điểm định hướng xuyên suốt hoạt động SXKD năm 2018 là “Tăng tốc thay đổi, nhanh hơn - cao hơn”, Vietnam Airlines đã phát huy các lợi thế dựa trên nền tảng sẵn có, linh hoạt trong công tác điều hành sản phẩm, không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng đội bay và năng suất lao động, gia tăng tốc độ ra quyết định, lấy chất lượng và hiệu

quả làm trọng tâm. Kết thúc năm 2018, Vietnam Airlines đã thực hiện các mục tiêu chính trong hoạt động SXKD, đảm bảo an toàn tuyệt đối, chỉ tiêu chất lượng khai thác đạt và vượt kế hoạch; đạt chứng nhận chất lượng dịch vụ 4 sao năm thứ ba liên tiếp; tình hình tài chính lành mạnh; đáp ứng các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2018	TH 2018	% TH/KH
1	Hành khách vận chuyển	Triệu khách	24,3	21,9	90,1
2	Hành khách luân chuyển	Tỷ khách.km	38,5	36,3	94,0
3	Hàng hóa vận chuyển	Nghìn tấn	349,9	341,6	97,6
4	Hàng hóa luân chuyển	Triệu tấn.km	996,2	995,7	99,9
5	Doanh thu				
5.1	Hợp nhất	Tỷ đồng	97.073	98.950	101,9
5.2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	73.490	73.227	99,6
6	Lợi nhuận trước thuế				
6.1	Hợp nhất	Tỷ đồng	2.421	3.312	136,8
6.2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	1.959	2.418	123,4
7	Lợi nhuận sau thuế				
7.1	Hợp nhất	Tỷ đồng	1.917	2.599	135,6
7.2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	1.836	2.111	114,9
8	Tổng kinh phí đầu tư	Tỷ đồng	3.503	671	19,1

Gia tăng các lợi ích bền vững cho cổ đông

Trong năm 2018, Vietnam Airlines đã chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông theo đúng phê duyệt tại Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2018. Với tỷ lệ chi trả 8% mệnh giá cổ phiếu, trong năm 2018 các cổ đông đã nhận được tổng số tiền cổ tức là 982 tỷ đồng, tăng 33,3% so với số tiền chi trả năm 2017.

Vietnam Airlines đã hoàn thành phương án tăng vốn điều lệ chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng cho kế hoạch phát triển đội bay và góp phần gia tăng năng lực tài chính của Vietnam Airlines. Sau khi tăng vốn, cổ phiếu HVN chuyển sang giao dịch trên sàn HOSE kể từ ngày 7/5/2019, góp phần nâng cao vị thế và hình ảnh của Vietnam Airlines trên thị trường chứng khoán.

Công tác quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động của Vietnam Airlines

Đề tạo bước đột phá trong định hướng chiến lược phát triển SXKD của Vietnam Airlines giai đoạn tiếp theo, trên cơ sở bám sát các chỉ đạo của Đảng và Chính phủ, Vietnam Airlines đã xây dựng Đề án cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động

giai đoạn 2019-2020 với tiêu chí Vietnam Airlines đóng vai trò là Hãng hàng không quốc gia chủ đạo, dẫn dắt và hiệu quả. Theo đó, công tác cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp sẽ được triển khai theo lộ trình và được thực hiện ở cả Công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên.

Chế độ tiền lương và phúc lợi cho người lao động

Xác định đội ngũ người lao động là nguồn lực quan trọng – một trong những giá trị cốt lõi của Vietnam Airlines, trong nhiều năm qua Vietnam Airlines từng bước thực hiện chương trình cải cách tiền lương, gắn tiền lương với hiệu quả SXKD đã tạo động lực nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc và thu hút người lao động gắn bó với doanh nghiệp, đảm bảo nguồn nhân lực cho sự phát triển của Vietnam Airlines.

Năm 2018 Vietnam Airlines triển khai cơ cấu lại thu nhập và tăng lương đối với phi công, tiếp viên từ 01/06/2018, đối với cán bộ quản lý, chuyên viên, kỹ sư, cán sự, nhân viên từ 01/07/2018; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động trong đó tiếp tục triển khai chế độ bảo hiểm hưu trí tự nguyện và bảo hiểm sức khỏe cho người lao động.



VỀ hoạt động của Ban Giám đốc

Năm 2018 trên cơ sở định hướng chỉ đạo của HĐQT và bám sát diễn biến của thị trường, Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả đạt được như sau:

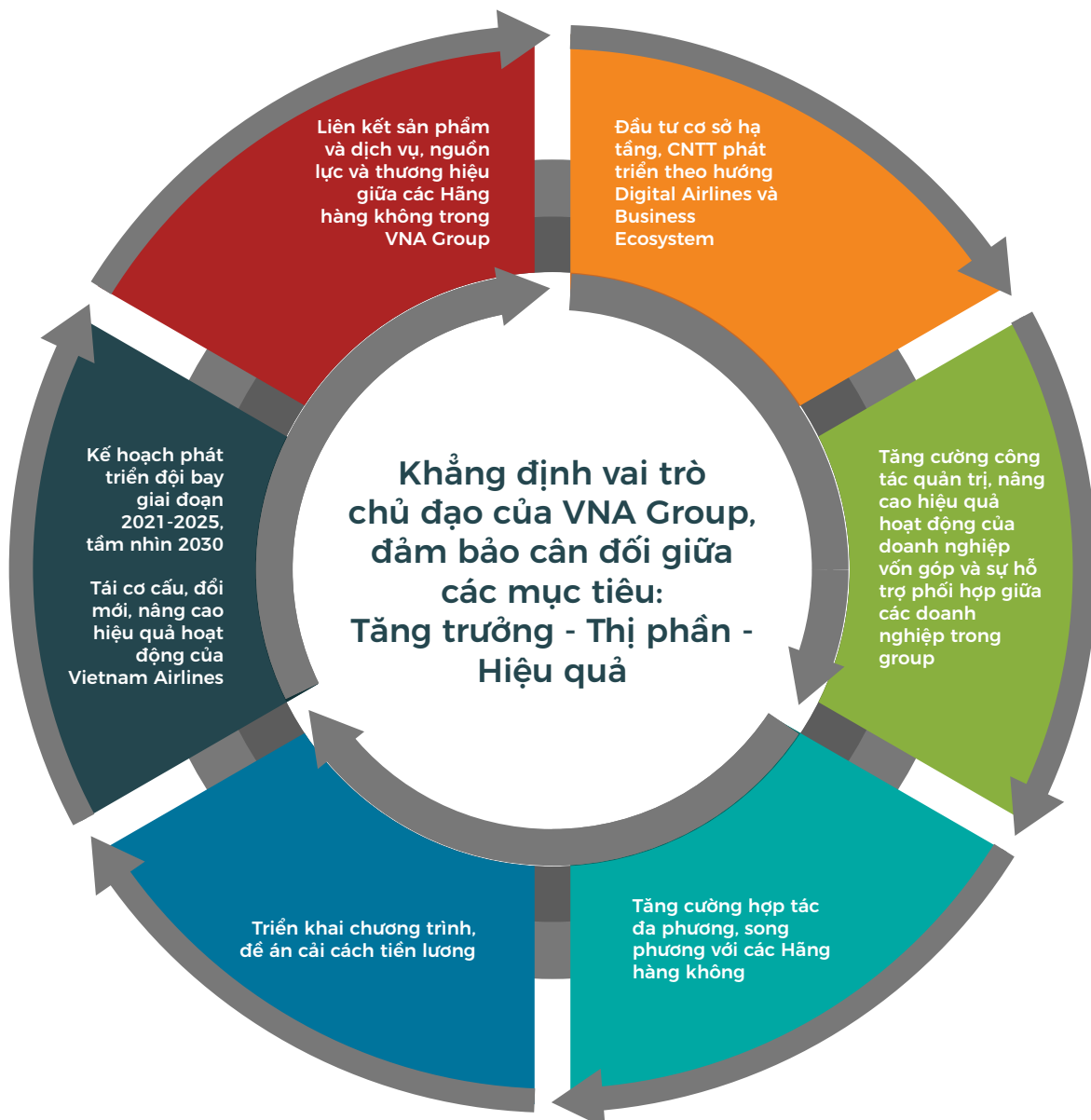
- Triển khai tích cực, linh hoạt và hiệu quả các giải pháp điều hành, đảm bảo mục tiêu hiệu quả trong bối cảnh thị trường có nhiều diễn biến bất lợi.
- Công tác điều hành đáp ứng quy mô hoạt động và nhu cầu tăng trưởng của Vietnam Airlines.
- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về tình hình hoạt động SXKD (định kỳ và đột xuất theo yêu cầu thực tiễn), trong đó tập trung phân tích, đánh giá kết quả thực hiện trên các lĩnh vực, các mặt hoạt động cũng như đề xuất các giải pháp, phương hướng hoàn thiện.
- Triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT; tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Vietnam Airlines và các văn bản quản lý nội bộ khác.



Định hướng hoạt động năm 2019

Năm 2019, tình hình chính trị, xã hội Việt Nam tiếp tục ổn định, tăng trưởng kinh tế dự báo khoảng 6,9%. Thị trường vận tải hàng không tiếp tục tăng trưởng; dự kiến tổng khách thị trường quốc tế tăng trưởng 12%, thị trường nội địa tăng trưởng 16,3% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, Vietnam Airlines cũng sẽ đối mặt với không ít khó khăn, thách thức như giá nhiên liệu tăng cao, cạnh tranh tiếp tục gia tăng do có sự gia nhập của hãng hàng không mới, tình trạng quá tải tại các sân bay (đặc biệt là sân bay Tân Sơn Nhất) cũng như các bất ổn về chính trị, kinh tế trên thế giới dự báo sẽ tiếp tục biến động khó lường.

Với phương châm hành động năm 2019 là Trách nhiệm - Chủ động - Sáng tạo, HĐQT xác định trọng tâm chỉ đạo và các chương trình, định hướng lớn như sau:





Vietnam Airlines SKYTEAM
SẢ CÁNH VƯỜN CAO



BẠN CÓ BIẾT VIETNAM AIRLINES ĐANG ĐƯA ÂM NHẠC ĐỈNH CAO THẾ GIỚI ĐẾN VỚI THỦ ĐÔ HÀ NỘI?

**THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI.
CÒN BẠN?**

Hãy tận hưởng những giây phút thăng hoa nghệ thuật thông qua chương trình hoà nhạc thường niên - Vietnam Airlines Classic.

#HànhTrìnhYêuThương

ĐẶT VÉ NGAY > vietnamairlines.com

CỌI NGAY > **1900 1100**

LIKE NGAY > [fb/vietnamairlines](https://www.facebook.com/vietnamairlines)

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Môi trường kinh doanh

TỔNG QUAN

Kinh tế Việt Nam năm 2018 tăng trưởng cao nhất trong 10 năm, GDP đạt 7,08%. Lạm phát năm 2018 duy trì ở mức ổn định 4%, không tăng so với năm 2017. Tỷ giá được quản lý ổn định, VND chỉ mất giá 2,2 - 2,3% so với USD trong khi đó các đồng tiền khác như EUR, CNY, GBP đều mất giá từ 4 - 5%.

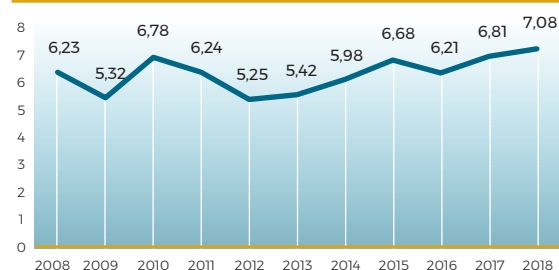
Xu hướng giá nhiên liệu

Giá nhiên liệu là một trong những nguyên nhân chính tác động tới chi phí nhiên liệu của Vietnam Airlines (chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí, trung bình khoảng 27%). Sự thay đổi giá nhiên liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận của Vietnam Airlines. Trong năm 2018, giá nhiên liệu có biến động mạnh, đạt mức đỉnh 92,99 USD/thùng và chỉ giảm trong 3 tháng cuối năm. Bình quân năm 2018 ở mức 85,1 USD/thùng, tăng 12,1 USD/thùng, tương đương với mức tăng 16% so với kế hoạch.

Thị trường hối đoái

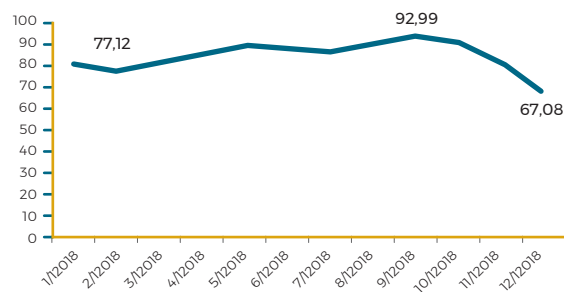
Các đồng tiền chủ chốt (JPY, CNY, EUR, AUD,...) trong rổ tiền tệ của Vietnam Airlines có xu hướng mất giá vào nửa cuối năm 2018. Do ảnh hưởng của các biến động kinh tế chính trị tại khu vực Châu Âu (Brexit), đồng EUR mất giá 5,8% so với VND. Trong khi đó đồng AUD mất 10,6% giá trị so với VND do nền kinh tế này chịu ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Tỷ giá USD/VND tại thời điểm 31/12/2018 tăng 2% so với đầu kỳ.

TĂNG TRƯỞNG GDP (%)

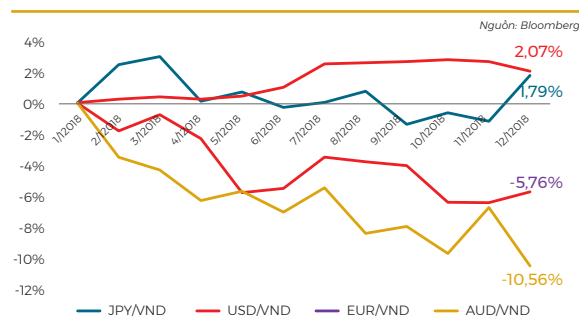


SINGAPORE KEROSENE

USD/thùng



BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ



THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔNG

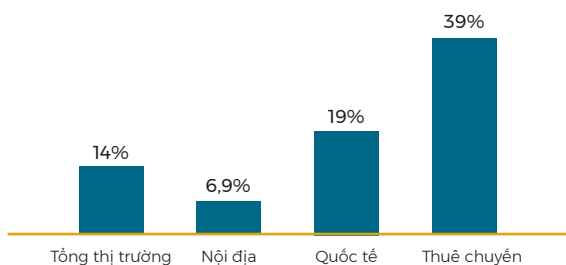
Trong năm 2018, ngành hàng không thế giới đã vượt qua khó khăn lớn là việc tăng giá nhiên liệu vốn chiếm đến 24,2% tổng chi phí của các hãng là 188 tỷ USD làm cho lợi nhuận của các hãng giảm đáng kể. Tuy nhiên, ngành hàng không thế giới vẫn đạt được những kết quả hết sức khả quan. Theo số liệu của IATA, tổng lượng khách vận chuyển trên toàn thế giới đạt 4.343 triệu lượt, tăng 6,2%; Khách luân chuyển đạt 8.255 tỷ khách.km, tăng 6,1% so cùng kỳ. Cùng với đó, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của ngành vận tải hàng không thế giới năm 2018 ước đạt lần lượt 854 tỷ USD và 32,3 tỷ USD.

Tại Việt Nam, năm 2018 tiếp tục chứng kiến sự tăng trưởng vượt trội của ngành hàng không Việt Nam, một phần lớn nhờ vào sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành du lịch. Việt Nam đón 15,5 triệu lượt khách, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm 2017. Tổng thị trường vận chuyển hành khách năm 2018 đạt 67,3 triệu khách, tăng 14% so năm 2017. Thị trường có sự tham gia khai thác của 68 hãng hàng không nước ngoài từ 25 quốc gia/vùng lãnh thổ và 4 hãng hàng không Việt Nam khai thác 48 đường bay nội địa nối Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh với 18 sân bay địa phương theo hệ thống mạng đường bay trực-nhan, liên vùng, nội vùng rộng khắp toàn quốc.

Nội địa

Thị trường hàng không nội địa 2018 đạt 32,9 triệu lượt khách, tăng trưởng đạt 6,9%, giảm tương đối so với năm 2017 (9,9%). Thị trường hàng không nội địa có xu hướng tăng trưởng chậm lại sau giai đoạn bùng nổ (2013-2016).

TĂNG TRƯỞNG THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM



Quốc tế

Năm 2018, tổng thị trường đạt 30,3 triệu lượt khách, tăng 19% so với cùng kỳ, trong đó tăng trưởng của phân khúc hàng không giá rẻ lên tới 38%, tăng trưởng của phân khúc hàng không truyền thống là 14%. Sự tăng trưởng mạnh của hàng không giá rẻ làm gia tăng sự cạnh tranh của thị trường khách quốc tế, đặc biệt tại khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á.

Thuê chuyến

Tổng thị trường thuê chuyến năm 2018 đạt 4,1 triệu khách, tăng 39% so cùng kỳ. Tăng trưởng của thị trường thuê chuyến chủ yếu nằm ở khu vực Đông Bắc Á, Trung Quốc.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

MẠNG ĐƯỜNG BAY

Mạng đường bay quốc tế: Tiếp tục mở thêm đường bay mới, tăng tần suất hoạt động: Mạng đường bay quốc tế do Vietnam Airlines trực tiếp khai thác gồm 54 đường bay đến 29 điểm thuộc 17 quốc gia và vùng lãnh thổ. Vietnam Airlines đã mở 02 đường bay mới trong năm là Nha Trang - Seoul với tần suất 4 chuyến/tuần từ cuối tháng 3/2018 và Đà Nẵng - Osaka với tần suất 7 chuyến/tuần từ cuối tháng 10/2018.

Mạng đường bay nội địa: Khai thác đến tất cả sân bay tại Việt Nam: Trên các đường bay nội địa, tính đến hết năm 2018, Vietnam Airlines khai thác 40 đường bay trên 22 điểm đến. Vào ngày 30/12/2018, Vietnam Airlines chính thức mở đường bay TP. Hồ Chí Minh - Vân Đồn với tần suất 7 chuyến/tuần, qua đó hoàn tất mạng bay đến tất cả các sân bay nội địa Việt Nam.

Năm 2018	Điểm đến		Mạng đường bay	
	Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế
Vietnam Airlines	22	29	40	54
JPA	16	6	22	29
VNA Group	22	29	44	56

VNA GROUP

ĐƯỜNG BAY
QUỐC TẾ

56

ĐƯỜNG BAY
NỘI ĐỊA

44

ĐIỂM ĐẾN
TRONG NƯỚC

22

ĐIỂM ĐẾN
QUỐC TẾ

29

ĐỘI TÀU BAY

Hãng hàng không	Loại máy bay	Số lượng tàu bay tính đến 31/12/2018		
		Thuê	Sở hữu	Tổng cộng
Vietnam Airlines	ATR72	1	6	7
	A321	17	41	58
	A321 NEO	3	0	3
	A330	2	0	2
	A350	12	0	12
	B787	4	7	11
	Tổng	39	54	93
Jetstar Pacific	A320	17	0	17
VNA Group		56	54	110

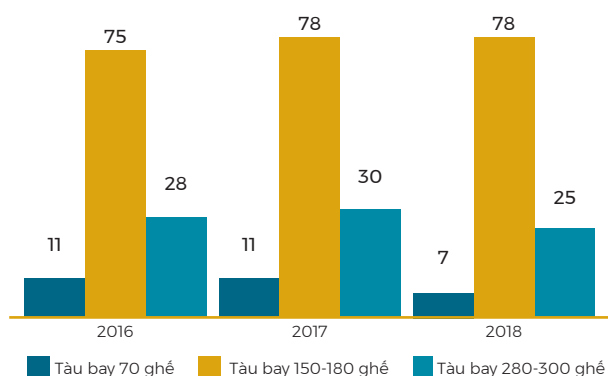
Năm 2018 Vietnam Airlines tiếp tục thực hiện kế hoạch đổi mới đội bay, Hãng chính thức chào đón 03 tàu bay Airbus A321 NEO đầu tiên trong kế hoạch bổ sung 20 tàu bay A321NEO thế hệ mới. Đây là bước tiếp theo được Vietnam Airlines thực hiện ngay sau khi đổi mới thành công đội tàu bay thân rộng với hai dòng máy bay hiện đại nhất thế giới Boeing 787-9 và Airbus A350-900.

Đến cuối năm 2018, tổng số lượng tàu bay của VNA Group đạt 110 tàu, trong đó Vietnam Airlines khai thác 93 tàu. Để đảm bảo hiệu quả khai thác và đáp ứng nhu cầu di chuyển của hành khách, nâng cao chất lượng dịch vụ 4 sao. Vietnam Airlines định hướng tiếp tục tập trung phát triển đội tàu bay thân hẹp, giảm số lượng tàu bay 70

ghế và điều chỉnh số lượng tàu bay thân rộng, phù hợp với nhu cầu của thị trường trong từng thời kỳ.

Theo kế hoạch, trong giai đoạn 2021-2025, Vietnam Airlines sẽ đầu tư 50 tàu bay thân hẹp và các tàu bay phản lực khu vực (Regional Jet). Đội tàu bay mới sẽ thay thế dần các tàu bay cũ hiện nay, mang đến cho khách hàng những trải nghiệm chất lượng dịch vụ vượt trội.

ĐỘI TÀU BAY VNA GROUP



Đội tàu bay chủ lực của Vietnam Airlines thuộc nhóm trẻ nhất trong các hãng hàng không truyền thống (FSC) ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

Vận chuyển hành khách và hàng hóa

Vietnam Airlines

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	% tăng giảm
Tổng số chuyến bay	Chuyến	141.707	141.324	-0,3%
- Trong nước		91.904	88.606	-3,6%
- Quốc tế		44.528	46.027	+3,4%
- Thuê chuyến		5.275	6.691	+26,8%
Hành khách vận chuyển	Triệu khách	21,9	21,9	+0,1%
- Nội địa		13,67	13,08	-4,3%
- Quốc tế		7,31	7,77	+6,2%
- Thuê chuyến		0,93	1,09	+17,5%
Hàng hóa vận chuyển	Nghìn tấn	322,3	341,6	+6%
- Nội địa		158,6	162,3	+2,4%
- Quốc tế		163	178,6	+9,5%
- Thuê chuyến		0,71	0,69	-1,8%

Trong năm 2018, Vietnam Airlines thực hiện trên 141,3 nghìn chuyến bay, vận chuyển 21,9 triệu lượt khách và 341,6 nghìn tấn hàng hóa. Chúng tôi tự hào là hãng hàng không có chỉ số đúng giờ (OTP) luôn duy trì ở mức cao và thuộc nhóm các hãng hàng không Châu Á có chỉ số OTP cao nhất. Cụ thể, OTP đi và đến đạt lần lượt 89,2% (+1,2 so với kế hoạch), và 82,6% (+1,4 so với kế hoạch).

Trên mạng bay quốc tế, Vietnam Airlines tiếp tục tăng cường khai thác đến khu vực thị trường trọng điểm Đông Bắc Á với hai đường bay mới Nha Trang - Seoul và Đà Nẵng - Osaka; chủ động điều hành linh hoạt, tăng tần suất/khai thác bằng đội tàu bay thân rộng trên các đường bay đến khu vực Đông Bắc Á. Hiệu suất sử dụng ghế trên đường bay quốc tế năm 2018 đạt 81,4% là mức cao nhất từ trước tới nay của Vietnam Airlines.

Trên mạng bay nội địa, Vietnam Airlines tiếp tục duy trì và điều hành sản phẩm theo hướng tối đa sự ổn định và thuận tiện cho hành khách, triển khai một loạt các biện pháp củng cố sản phẩm trên các đường bay quan trọng với các chuyến bay hàng ngày phối hợp sản phẩm với JPA, liên tục theo dõi diễn biến thị trường, điều hành tài linh hoạt để tận dụng cơ hội.

OTP TOP ĐẦU CHÂU Á

89,2%

OTP ĐI

82,6%

OTP ĐẾN

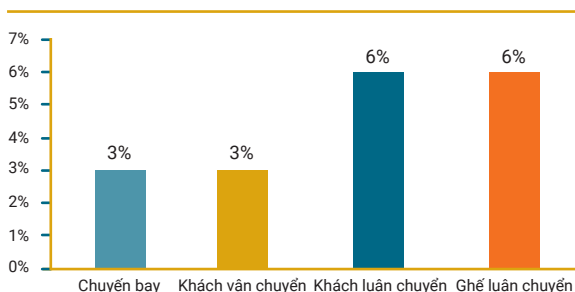
VNA Group

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	% chênh lệch
Chuyến bay	Chuyến	177.700	181.200	2%
Khách vận chuyển	triệu khách	27,2	28,0	3%
Khách luân chuyển	tỷ hành khách.km	39,2	41,5	6%
Ghế luân chuyển	tỷ ghế.km	48,0	50,8	6%
Hệ số sử dụng ghế	%	82%	82%	-

Năm 2018 tiếp tục đánh dấu một năm thành công của VNA Group trong việc triển khai chiến lược “Dual Brand” trên toàn bộ mạng bay nội địa. Vietnam Airlines và JPA đã phối hợp toàn diện về sản phẩm, mạng bay, chính sách bán, tiếp thị... nhằm bao phủ dải sản phẩm, phục vụ mọi đối tượng khách hàng thông qua mạng bay và tần suất phối hợp. JPA phát huy thế mạnh khai thác ở phân khúc hàng không giá rẻ theo xu hướng thị trường đang vào giai đoạn bùng nổ, góp phần gia tăng sức cạnh tranh của VNA Group. Vietnam Airlines tiếp tục củng cố vị thế của hãng hàng không 4 sao có mạng bay kết hợp quốc tế - nội địa với nhóm khách hàng có yêu cầu cao về chất lượng dịch vụ. Các kết quả đạt được của VNA Group trong năm

2018 đều tích cực so với năm trước: tổng sản lượng khách vận chuyển là 28 triệu lượt, tăng 3% so với cùng kỳ; khách luân chuyển và ghế luân chuyển tăng 6% so với cùng kỳ, đạt lần lượt 41,5 tỷ khách.km và 50,8 tỷ ghế.km, hệ số sử dụng ghế duy trì ổn định ở mức 82%, thị phần nội địa đạt 55,3%.

TĂNG TRƯỞNG VNA GROUP 2018/2017



Chương trình Khách hàng thường xuyên (LotuSmiles)

Chương trình Bông Sen Vàng tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh mẽ về số lượng hội viên với mức tăng trưởng 47% đạt mốc 2,2 triệu hội viên tại ngày 31/12/2018. Trong năm 2018, có hơn 6,2 tỷ dặm được hội viên tích lũy, tăng 35% so với năm trước. Chương trình Bông Sen Vàng thu hút đông đảo khách hàng tham gia với nhiều ưu đãi vượt trội dành cho hội viên như đa dạng hình thức tích lũy dặm thưởng, phần thưởng hấp dẫn, Phòng khách Bông Sen, ưu tiên làm thủ tục chuyển bay và các chính sách chăm sóc khách hàng đặc biệt.

Vietnam Airlines không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ đồng thời áp dụng nhiều ứng dụng công nghệ hiện đại phục vụ hội viên như nâng cao chất lượng tổng đài phục vụ hội viên 24/7, mua và chuyển nhượng dặm trực tuyến...

Chương trình Bông Sen Vàng có một mạng lưới gồm 65 đối tác thương hiệu nổi tiếng trong và ngoài nước thuộc nhiều lĩnh vực đa dạng (hàng không, tài chính, ngân hàng, viễn thông, khách sạn, du lịch, thuê xe...) mang đến cho hội viên nhiều cơ hội trải nghiệm khác biệt và thú vị.



Sau 8 năm Vietnam Airlines tham gia Liên minh SkyTeam, hội viên LotuSmiles có thể tích lũy dặm và đổi phần thưởng trên hơn 20 hãng hàng không quốc tế thuộc liên minh này. Đặc biệt, năm 2018 là năm tiếp theo mà Vietnam Airlines thành công trong dự án SkyTeam Lounge và SkyTeam Branded Lounge, theo đó khách hội viên Elite Plus của Vietnam Airlines có thể trải nghiệm dịch vụ phòng chờ của các hãng thành viên tại hơn 750 phòng chờ trên toàn thế giới. Đặc biệt với các phòng chờ của các hãng trong liên minh khai thác, hành khách của Vietnam Airlines được hưởng mức giá ưu đãi hơn SkyTeam Lounge (trong 02 năm) và SkyTeam Branded Lounge (từ 5-6 năm).

TĂNG TRƯỞNG HỘI VIÊN

+47%

DẶM BAY TÍCH LŨY

6,2 tỷ

SỐ LƯỢNG HỘI VIÊN
LOTUSMILES

2,2 TRIỆU

ĐỐI TÁC
LOTUSMILES

65

PHÒNG CHỜ HỘI VIÊN
LOTUSMILES SỬ DỤNG
TRÊN TOÀN THẾ GIỚI

750

LĨNH VỰC DỊCH VỤ

Dịch vụ mặt đất

Trong năm 2018, Vietnam Airlines đã tiếp tục triển khai mở rộng loại hình làm thủ tục chuyến bay với Kiosk Check-in tại các sân bay trong nước (Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng, Cam Ranh) và sân bay nước ngoài (Fukuoka, Kansai, Narita, Incheon, Frankfurt); triển khai nâng cấp phiên bản công nghệ số của online check-in (DXCI); triển khai ứng dụng làm thủ tục qua thiết bị di động Mobile APP với ứng dụng kết nối Digital Connect. Việc đầu tư nâng cấp công nghệ của Vietnam Airlines đã giúp cho hành khách tiết kiệm thời gian làm thủ tục và chờ đợi tại sân bay, thông qua các con số rất ấn tượng về tỷ lệ khách tự làm thủ tục liên tục tăng qua các năm, trong năm 2018, tỷ lệ tại Hà Nội (HAN) và TP.HCM (SGN) đạt gần 45%.



Việc duy trì hệ thống làm thủ tục ổn định 99,99% trên toàn hệ thống đã giúp cho các chuyến bay có tỷ lệ đúng giờ được nâng cao, đem lại sự hài lòng và ngày càng tin yêu với Vietnam Airlines.

Bên cạnh đó, bắt đầu từ năm 2018, Vietnam Airlines cung cấp dịch vụ làm thủ tục hành khách, hành lý ngoài sân bay (in-town check-in) tại Hà Nội và Đà Nẵng; bố trí một số quầy làm thủ tục cố định cho khách tại 3 sân bay căn cứ, tạo sự thuận tiện cho khách làm thủ tục.



3 NĂM LIÊN TIẾP 2016-2018

Chứng chỉ Hãng hàng không quốc tế 4 sao của Skytrax

Hãng hàng không hàng đầu thế giới về hạng

Phổ thông đặc biệt

Hãng hàng không hàng đầu thế giới về bản sắc văn hóa



Việc nâng cấp và duy trì chất lượng dịch vụ 4 sao tiêu chuẩn quốc tế đã góp phần cải thiện cơ cấu khách vận chuyển, qua đó giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Vietnam Airlines.

SELF-SERVICE KIOSK CHECK-IN

09 sân bay

- Nội địa: Hà Nội (HAN), TP.HCM (SGN), Cam Ranh (CXR), Đà Nẵng (DAD)
- Quốc tế: Fukuoka (FUK), Kansai (KIX), Narita (NRT), Incheon (ICN), Frankfurt (FRA)

Cùng với các thành viên liên minh Skyteam, Vietnam Airlines đã triển khai thực hiện thành công SkyTeam Rebooking tại Hà Nội và TP.HCM. Theo đó, bất kỳ khách có vé của một hãng thành viên trong liên minh gặp bất thường về chuyến bay, Vietnam Airlines có thể trợ giúp khách đặt lại chỗ và xuất lại vé trên chính hệ thống của mình tại Hà Nội và TP.HCM.

Dịch vụ trên không

Lấy chất lượng dịch vụ làm cốt lõi phát triển, bên cạnh việc xác định các mức tiêu chuẩn quốc tế tiên tiến, Vietnam Airlines luôn ưu tiên đưa các yếu tố văn hóa truyền thống vào hệ thống sản phẩm dịch vụ của Hãng.

- Trong chiến lược đưa ẩm thực Việt vươn cao, Vietnam Airlines đã lựa chọn Bếp trưởng nổi tiếng Luke Nguyễn trở thành Đại sứ ẩm thực toàn cầu của Hãng. Bên cạnh đó, các chuyến bay Vietnam Airlines đã đưa cây trái bốn mùa, các sản vật đặc sản địa phương phục vụ, quảng bá trên các chuyến bay trong ngoài nước như nhãn lồng Hưng Yên, vải thiều Thanh Hà, cam Cao Phong, xoài cát Hòa Lộc ...
- Dấu ấn của các quốc gia điếm đến cũng được Vietnam Airlines chú trọng nhằm mang đến các trải nghiệm độc đáo gắn với các vùng miền trên thế giới. Gần đây nhất là bộ dụng cụ suất ăn kiểu Nhật phục vụ trên khoang hạng Thương gia trên đường bay Nhật Bản đã gây được chú ý và nhận được nhiều lời khen từ phía khách hàng.
- Các thiết kế thực đơn được đổi mới thường xuyên và chú trọng yếu tố địa phương nhằm nâng cấp chất lượng dịch vụ ăn uống trên tàu bay.



- Về giải trí trên chuyến bay: Vietnam Airlines đã triển khai dịch vụ wireless streaming trên đội tàu bay mới A321 NEO; nâng cấp chất lượng dịch vụ giải trí trên máy bay. Tổng thời lượng của các chương trình giải trí đã tăng lên tới 600 giờ bay.

Với mục tiêu hoàn thiện và nâng tầm chất lượng dịch vụ 4 sao, Vietnam Airlines đã giới thiệu dịch vụ Bán hàng miễn thuế trên các đường bay quốc tế trung bình và dài, góp phần làm tăng thêm các trải nghiệm phong phú cho khách hàng.



Định hướng phát triển chất lượng dịch vụ 5 sao trong tương lai

Đảm bảo hoạt động SXKD **An toàn - Chất lượng - Hiệu quả** với chất lượng sản phẩm dịch vụ 4 sao vững chắc hướng tới 5 sao, OTP cao ổn định, ứng dụng công nghệ di động số hóa rộng rãi, tăng hiệu quả;

Với mục tiêu ổn định và hoàn thiện vững chắc chất lượng dịch vụ 4 sao, trong năm 2019 các thành tố cấu thành dịch vụ then chốt theo đánh giá của Skytrax phải đạt 4 sao trở lên và là tiền đề để hướng tới chất lượng 5 sao vào năm 2021. Theo đó, định hướng dịch vụ là hướng tới khách hàng; nâng cao chất lượng dịch vụ cao cấp dành

cho khách thu nhập cao và các dịch vụ phổ thông dành cho khách đại chúng, các thiết kế sản phẩm mang bản sắc văn hóa, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế;

Tiếp tục nâng cấp các sản phẩm, dịch vụ; đa dạng hóa các dịch vụ, đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ trong quá trình tạo sản phẩm, dịch vụ nhằm hoàn thiện các sản phẩm, đáp ứng nhu cầu, sở thích của khách hàng;

Xây dựng đội ngũ tiếp viên hàng không với phong cách phục vụ chuyên nghiệp, tận tình, mang bản sắc Việt Nam và là đại sứ thương hiệu đưa hình ảnh của Việt Nam và Vietnam Airlines ra với thế giới.



LĨNH VỰC KỸ THUẬT

Vietnam Airlines đã và đang triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng tàu bay với chi phí tối ưu, tăng cường áp dụng các công nghệ mới về theo dõi trạng thái máy bay, động cơ theo thời gian thực, qua đó phát hiện sớm các hỏng hóc ngay trước khi máy bay hạ cánh để lập kế hoạch xử lý một cách chủ động trong thời gian sớm nhất. Trong năm 2018, Vietnam Airlines là một trong những Hãng hàng không đầu tiên cùng Airbus triển khai phần mềm Skywise để phân tích, đánh giá các dữ liệu bảo dưỡng, khai thác và qua đó đưa ra các phương án bảo dưỡng phòng ngừa.

Hợp tác với Singapore Technologies Aerospace Ltd (ST Aerospace)

Trong năm 2018, Vietnam Airlines đã ký Thỏa thuận hợp tác với đối tác Singapore Technologies Aerospace Ltd (ST Aerospace), để thành lập Công ty liên doanh Bảo dưỡng sửa chữa máy bay và cung cấp dịch vụ phụ tùng vật tư trọn gói cho toàn bộ đội máy bay Airbus A321 của Vietnam Airlines và các hãng khác trong khu vực. Việc hợp tác với STA sẽ giúp Vietnam Airlines thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị máy bay

ngay tại Việt Nam, rút ngắn thời gian và tiết kiệm chi phí hơn nhiều so với việc phải gửi sang nước ngoài, qua đó giúp mang lại hiệu quả khai thác cao hơn.

Hợp tác với Air France Industries KLM Engineering & Maintenance

Trong năm 2018, Vietnam Airlines và Công ty kỹ thuật & bảo dưỡng máy bay Air France Industries KLM Engineering & Maintenance (AFI KLM E&M) đã ký kết và trao Hợp đồng bảo dưỡng động cơ máy bay Boeing 787-9 có trị giá hơn 500 triệu USD. Theo hợp đồng này, AFI KLM E&M sẽ bảo dưỡng 20 động cơ GEnx (gồm 16 chiếc cho 8 tàu bay đang khai thác và 4 chiếc dự phòng) của Vietnam Airlines trong vòng 12 năm. AFI KLM E&M cũng hỗ trợ cung cấp thêm động cơ dự phòng cho Vietnam Airlines trong trường hợp cần thiết để đảm bảo hiệu quả khai thác tối ưu. Việc hợp tác với AFI KLM E&M sẽ đảm bảo khả năng vận hành tốt đội máy bay Boeing 787-9 của Vietnam Airlines, giúp Hãng khai thác hiệu quả hơn những đường bay quốc tế dài và nội địa trọng điểm với chất lượng dịch vụ 4 sao, khẳng định cam kết mang đến cho hành khách những trải nghiệm tốt nhất.



AN TOÀN – AN NINH

Thị trường hàng không Việt Nam thời gian qua có tốc độ tăng trưởng rất nhanh đã đặt ra không ít thách thức đối với công tác bảo đảm an toàn bay. Trong bối cảnh liên tiếp xảy ra nhiều sự cố về hàng không trong nước và thế giới, Vietnam Airlines đặc biệt chú trọng công tác an ninh, an toàn hàng không. Hãng tiếp tục đẩy mạnh chương trình Văn hóa An toàn, ứng dụng công nghệ vận hành hệ thống quản lý an toàn dựa vào dữ liệu an toàn để dự báo, xác định các nguy cơ, từ đó xử lý, phòng ngừa rủi ro kịp thời; đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt quy trình khai thác tiêu chuẩn đã được phê duyệt; bố trí hợp lý nguồn lực tàu bay, phi công, thợ kỹ thuật, trang thiết bị tại sân bay...

“Vietnam Airlines luôn xác định an toàn là nguyên tắc số một, không thể đánh đổi trong mọi hoạt động. Công tác an toàn bay là hoạt động trường kỳ, liên tục, có đặc thù tiêu chuẩn khắt khe và bị ảnh hưởng bởi tính chất biến động của ý thức, hành vi con người, đòi hỏi Vietnam Airlines không ngừng theo dõi và hành động để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hàng trăm hành khách trên mỗi chuyến bay”.

Văn hóa chính trực

Yếu tố cốt lõi để xây dựng nền tảng văn hóa an toàn, trong đó các lỗi và hành động mất an toàn sẽ không bị trừng phạt nếu là hành vi không cố ý và được chủ động báo cáo trung thực. Tuy nhiên với những hành vi bất hợp pháp hoặc vi phạm có chủ tâm thì sẽ bị xử lý.

Đặc biệt trong năm 2018, Vietnam Airlines đã ra tuyên bố về xây dựng văn hóa an toàn tầm nhìn 2025.

338
NGHÌN
GIỜ BAY AN TOÀN



**TUYÊN BỐ
VỀ XÂY DỰNG
VĂN HÓA
AN TOÀN
TẦM NHÌN
2025**



AN TOÀN ĐÚNG GIỜ DỊCH VỤ 4 SAO, HƯỚNG ĐẾN 5 SAO
VNHA sẽ phát huy uy tín về AN TOÀN, ĐÚNG GIỜ và DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG 4 sao, hướng đến 5 sao.



TUÂN THỦ VỀ AN TOÀN HỢP TÁC ĐỘ TIN CẬY CAO, GẮN VỚI TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI
VNHA sẽ đảm bảo sự tuân thủ về AN TOÀN, HỢP TÁC ĐỘ cùng các tiêu chuẩn của công hàng không và đảm bảo dịch vụ quốc tế với độ TIN CẬY CAO, gắn với TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP.



AN TOÀN LÀ NGUYÊN TẮC SỐ 1 KHÔNG ĐÁNH ĐỔI BẰNG BẤT CỨ GIÁ NÀO
VNHA nhận thức AN TOÀN LÀ NGUYÊN TẮC SỐ 1, công việc KHÔNG ĐÁNH ĐỔI AN TOÀN BẰNG BẤT CỨ GIÁ NÀO.



*Các công nghệ và biện pháp CPMs: Áp dụng mô hình quản lý vận hành An toàn đồng bộ lấy người Vận hành an toàn vào tâm đến đến 2025 để hàng không Việt Nam tiếp tục nâng cao trình độ hàng không 5 sao, và tiếp tục duy trì hàng không Việt Nam là một trong những hãng hàng không hàng đầu tại Việt Nam. - TUS Dương Trí Thành



Là hãng hàng không quốc gia, VNHA luôn nhận thức trách nhiệm của mình trước Đảng, Nhà nước và nhân dân, cũng như đối với các đối tượng khách hàng trong và ngoài nước cũng như đối tác hàng không hàng không.

AN TOÀN LÀ NGUYÊN TẮC SỐ 1.

01

GIỮ VỮNG KHẢ NĂNG VĂN HÀNH AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ

VNHA sẽ luôn định kỳ rà soát các nguy cơ mất an toàn, quy trình quản lý vận hành, các tiêu chuẩn quản lý vận hành để kịp thời phát hiện và xử lý các nguy cơ mất an toàn, đảm bảo vận hành AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ hàng đầu tại thị trường Việt Nam, khu vực và trên thế giới.

02



KHAI THÁC AN TOÀN TIỆN NGHI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

VNHA sẽ tiếp tục nâng cao kỹ thuật khai thác của các chuyến mới và tiếp tục khai thác các chuyến hiện tại, đảm bảo chất lượng vận hành AN TOÀN, TIỆN NGHI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

03

04



AN TOÀN VĂN CHUYỂN HÀNG HÓA, HÀNH KHÁCH

VNHA luôn xác định AN TOÀN vận chuyển HÀNG HÓA phải luôn đi song hành với AN TOÀN vận chuyển HÀNH KHÁCH.

05

06



XÂY DỰNG VƯỢT TRÊN CƠ SỞ HỌC HỎI TỪ: BOS, INAMORI, HÀNG KHÔNG 5 SAO

VNHA quyết tâm đầu tư xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp, đặc biệt là VĂN HÓA AN TOÀN trên cơ sở học hỏi các mô hình quản lý vận hành như BOS, VIMAT, IBC, 5 sao, INAMORI, cho vận hành đồng bộ của mình từ ĐIỀU HÀNH ĐIỀU KỸ THUẬT, DỊCH VỤ để tạo niềm tin cho hành khách, vận hành an toàn và trong tương lai, và là nền tảng cho sự phát triển, đặc biệt của mình.

07



Nguồn: hồ sơ An toàn TSD và báo không đạt kết thúc Hội thảo Văn hóa An toàn Hàng không 2018 diễn ra ngày 12/5 tại Đà Nẵng.

QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

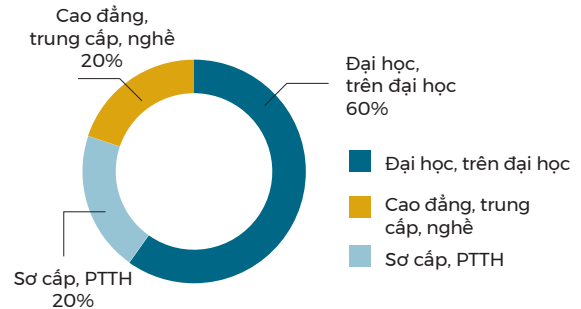
Lao động

Đến 31/12/2018, tổng số cán bộ công nhân viên hợp nhất toàn tổng công ty là 22.420 người, tăng 2,8% so với số lượng lao động cuối năm 2017, trong đó lao động của Vietnam Airlines là 6.605 người. Trên 60% nguồn nhân lực của Vietnam Airlines có độ tuổi dưới 40 tuổi. Độ tuổi trung bình là 38,4 tuổi, trong đó tuổi bình quân của nam là 39,4 và nữ là 37,3. Tỷ lệ sử dụng lao động nước ngoài (đặc biệt là lao động đặc thù như phi công, tiếp viên, kỹ sư) tại Vietnam Airlines cũng có xu hướng giảm, thay vào đó là đội ngũ lao động trong nước với chất lượng chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao phù hợp với định hướng phát triển của Vietnam Airlines và đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Về chất lượng nguồn nhân lực, Vietnam Airlines duy trì tỷ trọng lao động có trình độ đại học và trên đại học đạt gần 60%, đây là lợi thế lớn của Vietnam Airlines trong việc phát triển chất lượng lao động trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời, đội ngũ cán bộ quản lý tại Vietnam Airlines được đào tạo cơ bản, có kiến thức, chuyên môn và kinh nghiệm vững vàng, trở thành nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững của Công ty.

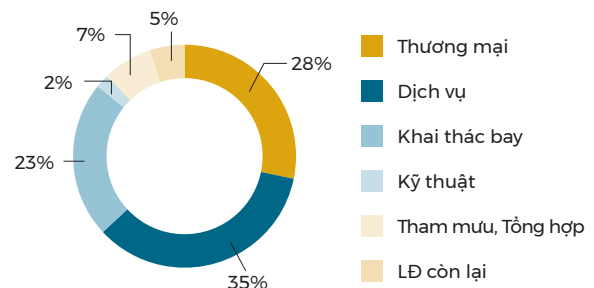


CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ



Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
Đại học, trên đại học	3.950	59,8%
Cao đẳng, trung cấp, nghề	1.345	20,4%
Sơ cấp, PTTH	1.310	19,8%
Tổng	6.605	100%

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO LĨNH VỰC



Lĩnh vực	Số lượng	Tỷ trọng
Dịch vụ	2.301	34,8%
Thương mại	1.866	28,3%
Khai thác bay	1.499	22,7%
Tham mưu, tổng hợp	475	7,2%
Kỹ thuật	130	1,9%
Lĩnh vực khác	334	5,1%
Tổng	6.605	100%

Năng suất lao động

Bên cạnh đầu tư hiện đại hóa đội tàu bay với công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, tiêu tốn ít năng lượng, Vietnam Airlines cũng đã áp dụng các biện pháp nâng cao năng suất lao động như nâng cao chất lượng lao động, cải tiến và hợp lý hóa quy trình sản xuất, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đưa khách hàng chủ động tham gia vào quá trình tự phục vụ chính mình, khuyến khích khách tự đặt chỗ, thanh toán, làm thủ tục check-in trên mạng, tra cứu hành lý thất lạc... nhờ vậy có thể giảm lượng khách cần phục vụ trực tiếp, giúp giảm tải cho nhân viên tuyến trước và đồng thời có thể tiết kiệm chi phí nhân sự, nâng cao năng suất lao động cũng như giảm bớt tình trạng quá tải và chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng tại các trung tâm dịch vụ khách hàng (call-centre), các phòng vé, các quầy làm thủ tục sân bay.

Trong năm 2018, năng suất lao động theo ASK và RPK tăng lần lượt 7,8% và 7,6% so với năm 2017. Mặc dù số lượng chuyến bay, hành khách gia tăng đáng kể nhưng Vietnam Airlines vẫn duy trì lực lượng lao động ổn định, đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh, phục vụ hành khách an toàn tuyệt đối.



Tiền lương, thu nhập

Với quan điểm nguồn nhân lực là yếu tố chiến lược và là tài sản quý giá nhất đối với một thương hiệu, Vietnam Airlines luôn chú trọng thu hút và duy trì lực lượng lao động gắn bó và có năng lực, đặc biệt là lao động quản lý, kỹ sư, chuyên viên, nhân sự đặc thù như phi công, tiếp viên. Vietnam Airlines cũng hiểu được việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên là điều cần thiết, vì vậy Hãng đã liên tục thực hiện các chương trình cải cách chế độ đãi ngộ, điều chỉnh cơ chế lương, thưởng nhằm tăng thêm thu nhập cho người lao động, hoàn thiện chính sách phân phối thu nhập thúc đẩy sự công bằng và tạo động lực cho cán bộ công nhân viên. Trong giai đoạn 2016 - 2018, mức thu nhập tiền lương của người lao động tại Vietnam Airlines đã tăng trung bình từ 5% đến 20% tùy theo chức danh và năng lực.

CHỈ TIÊU NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

TÍNH THEO ASK
6,8 triệu ghế.km/LĐ
▲ **7,8%**

TÍNH THEO RPK
5,5 triệu khách.km/LĐ
▲ **7,6%**

Đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Hiểu rõ tầm quan trọng của chất lượng đội ngũ nhân sự trong việc thực hiện tầm nhìn dài hạn của doanh nghiệp, Vietnam Airlines đã hoạt động tích cực để tổ chức các chương trình đào tạo và không ngừng khuyến khích, tạo điều kiện cho toàn thể cán bộ công nhân viên tiếp cận các chương trình đào tạo chuyên sâu nhằm nâng cao kiến thức và kinh nghiệm cho đội ngũ nhân lực của hãng, chú trọng đào tạo phát triển nhóm lao động đặc thù, có trình độ cao (phi công, kỹ sư kỹ thuật máy bay).

Các điểm nhấn trong công tác đào tạo năm 2018 của Vietnam Airlines bao gồm:

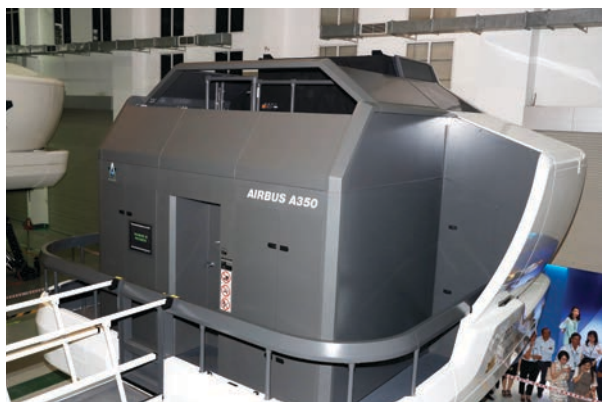


Số lượng	Nội dung đào tạo
14.750	Lượt học viên được huấn luyện các môn IOSA theo yêu cầu của Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay đối với phi công, tiếp viên, nhân viên điều hành khai thác bay và nhân viên khai thác mặt đất.
16.772	Tiếp viên, nhân viên đặt chỗ bán vé, nhân viên check-in được đào tạo huấn luyện về văn hóa, phong cách, kỹ năng ứng xử, kỹ năng chăm sóc khách hàng theo tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ 4 sao và hướng tới chất lượng dịch vụ 5 sao.
1.230	Cán bộ, người lao động được đào tạo nội bộ về Triết lý INAMORI, thay đổi tư duy lãnh đạo theo chiến lược đại dương xanh (BOS).
46	Số lượng cán bộ quản lý, cán bộ nguồn được đào tạo chuyên sâu về quản lý hàng không và tiếng Anh nâng cao: <ul style="list-style-type: none"> 02 cán bộ nguồn tham gia khóa đào tạo Thạc sỹ quản trị hàng không tại Trường đại học Cranfield, Vương quốc Anh. 04 cán bộ nguồn tham gia khóa học chuyên sâu về quản lý An toàn hàng không do Airbus và trường đại học ENAC, Cộng hòa Pháp đào tạo. 40 cán bộ quản lý tham dự chương trình đào tạo tiếng Anh nâng cao tại New Zealand.

Tổ hợp buồng lái mô phỏng máy bay (SIM)

Trong năm 2018, Vietnam Airlines đã khai trương Tổ hợp buồng lái mô phỏng máy bay (SIM) đầu tiên tại Việt Nam, đánh dấu cột mốc vượt bậc trong chiến lược đầu tư về đào tạo phi công của hãng. Tổ hợp gồm 4 thiết bị mô phỏng buồng lái do Vietnam Airlines hợp tác kinh doanh với nhà sản xuất thiết bị mô phỏng buồng lái Canada CAE Inc. (CAE), trong đó có 02 thiết bị dành cho đào tạo phi công đội bay Airbus A321, 01 thiết bị mô phỏng buồng lái Airbus A350 và 01 thiết bị cho đội bay Boeing 787.

Hoàn thành xây dựng và thành lập Tổ hợp buồng lái mô phỏng máy bay giúp mang lại lợi ích cho Vietnam Airlines nói riêng và ngành hàng không nói chung trên nhiều phương diện. Việc nội địa hoá hoàn toàn công tác huấn luyện chuyển loại phi công của ba dòng máy bay chủ lực sẽ giúp Vietnam Airlines chủ động trong công tác đào tạo, đảm bảo số lượng, chất lượng phi công ở mức cao nhất theo chuẩn quốc tế, đáp ứng tiêu chuẩn cao nhất về an toàn và chất lượng trong khai thác. Vietnam Airlines cũng sẽ tiết kiệm hơn 285 tỷ đồng trong vòng 10 năm từ việc tự đào tạo phi công chuyển loại.



Văn hóa doanh nghiệp

Giá trị văn hóa kết tinh

Các giá trị Văn hóa doanh nghiệp của Vietnam Airlines đã được kết tinh trong hơn 20 năm hình thành và phát triển. Trong quá trình bảo tồn và phát huy thế mạnh văn hóa tại nơi làm việc, Vietnam Airlines đã đưa ra hàng loạt các chương trình như Văn hóa an toàn, Văn hóa công sở, 4 xin - 4 luôn, Tăng tốc thay đổi nhanh hơn cao hơn... làm cơ sở định hướng cho thái độ, tác phong và phương thức hành động của đội ngũ công nhân viên. Đồng thời, Vietnam Airlines cũng luôn chú trọng truyền tải thông điệp về giá trị văn hóa của hãng đến với khách hàng và cổ đông thông qua việc quảng bá hình ảnh thương hiệu có định hướng chiều sâu văn hóa.

Văn hóa an toàn

Với quan điểm an toàn là yếu tố sống còn trong hoạt động của hãng, an toàn đã trở thành giá trị cốt lõi và là nền tảng trong văn hóa doanh nghiệp cũng như mọi hoạt động của từng cá nhân. Ban lãnh đạo Vietnam Airlines đặt mục tiêu nâng cấp Văn hóa an toàn lên mức chủ động trong tất cả các mặt vào năm 2020 và đạt mức tiên tiến (Generative) vào năm 2025.



TRUYỀN THÔNG, PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Trong định hướng phát triển thương hiệu dài hạn đến 2020, Vietnam Airlines tiếp tục áp dụng phương thức chủ động trong chiến lược, phát huy thế mạnh sẵn có để chuyển tải thành thông điệp truyền thông quảng bá thương hiệu ra bên ngoài thông qua các đại lý và công ty quảng cáo truyền thông chuyên nghiệp. Các chương trình định vị thương hiệu và quảng bá được xây dựng cụ thể cho từng năm, riêng biệt đối với thị trường quốc tế và thị trường Việt Nam để đảm bảo cách tiếp cận người tiêu dùng phù hợp tính chất từng thị trường tại từng thời điểm, nâng cao hiệu quả nhận diện thương hiệu.



Các thông điệp quảng bá thương hiệu của Vietnam Airlines được truyền tải thông qua mạng lưới truyền thông tích hợp trên nhiều kênh phương tiện được xây dựng ngày càng đa dạng, trong đó công cụ mũi nhọn là marketing số (digital marketing).



Định hướng phát triển thương hiệu dài hạn - mở rộng mạng lưới truyền thông tích hợp

Các kênh truyền thông được Vietnam Airlines ứng dụng



Kênh thuộc sở hữu Vietnam Airlines

Website, mạng xã hội (Youtube, Facebook, Instagram), email, ứng dụng điện thoại



Kênh truyền thống

Báo/tạp chí, Hotline, tin phát thanh chuyến bay, biển quảng cáo, vật phẩm xúc tiến thương mại...



Kênh mua ngoài

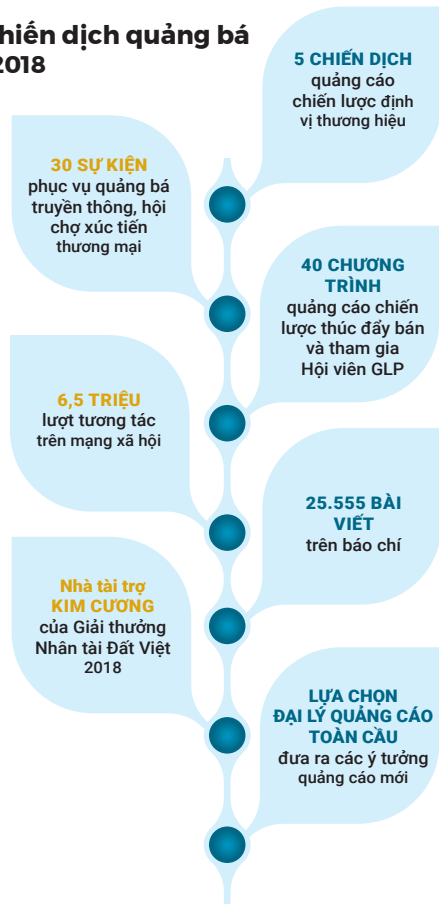
Các kênh quảng cáo số, email/wifi marketing, quảng cáo truyền hình, quảng cáo truyền thanh...



Kênh hợp tác, tài trợ

Các kênh online, biển/màn hình quảng cáo thông qua hợp tác với các đơn vị quảng cáo và chính quyền

Các chiến dịch quảng bá năm 2018



CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Vietnam Airlines luôn chú trọng phát triển, ứng dụng các hệ thống công nghệ thông tin lớn, phù hợp với sự phát triển ngày càng lớn mạnh của một hãng hàng không tiên tiến với tiêu chuẩn dịch vụ 4 sao.

Nhằm nâng cao tính trải nghiệm cho khách hàng cũng như phục vụ hoạt động hàng không một cách hiệu quả, giảm thiểu rủi ro và chi phí, trong năm 2018 Vietnam Airlines đã triển khai một số hệ thống và ứng dụng với nhiều tính năng vượt trội trong quản lý và thông tin, bao gồm Hệ thống phân tích hiệu quả đường bay (RPS), Hệ thống quản trị nhân sự (HR), Hệ thống thông tin quản trị (MIS), Hệ thống phân bay phi công, tiếp viên (Crew), Hệ thống ứng dụng di động Vietnam Airlines.

Hợp tác Sabre

Nhằm mục đích đáp ứng tốt hơn nhu cầu của hành khách và nâng cao hiệu quả vận hành của Vietnam Airlines, trong năm 2018 Vietnam Airlines đã ký kết thỏa thuận hợp tác mở rộng với tập đoàn Sabre. Thỏa thuận hợp tác sẽ nâng tầm phạm vi hoạt động của hệ thống Phục vụ hành khách Sabre (Passenger Service System - SabreSonic) mà Vietnam Airlines đang sử dụng, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác, lợi nhuận cũng như năng lực cạnh tranh của Vietnam Airlines trong thời đại công nghệ số.

Chiến lược phát triển theo định hướng một hãng hàng không số (Digital Airlines)

Xây dựng một cơ sở dữ liệu chung, thống nhất (Data Warehouse) trong toàn hệ thống.

Tiếp tục số hóa các tài liệu phục vụ công tác điều hành, khai thác bay. Mở rộng việc số hóa tài liệu sang các lĩnh vực khác;

Triển khai đồng bộ các hệ thống công nghệ thông tin theo chuẩn mực ngành hàng không dựa trên các quy trình tiêu chuẩn, tiên tiến (Best Practice) của ngành hàng không. Triển khai ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 như Trí tuệ nhân tạo (AI), nhận dạng sinh trắc học (Biometric), khai thác dữ liệu lớn (Big Data) vào các lĩnh vực thương mại, Điều hành khai thác, tự động hóa phục vụ khách hàng, nâng cao tính trải nghiệm của khách hàng.

Tăng cường ứng dụng và triển khai các hệ thống CNTT vào hoạt động bảo dưỡng kỹ thuật, dự báo hỏng hóc sớm để nâng cao hiệu quả bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.

Thường xuyên cập nhật xu hướng, công nghệ trong ngành hàng không tại khu vực và trên thế giới. Qua đó nhận ra các thách thức và cơ hội để đảm bảo hạ tầng CNTT đi trước một bước các yêu cầu của sản xuất kinh doanh.



CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC

Hợp tác chiến lược với cổ đông ANA Holdings Inc.

Năm 2018, quan hệ hợp tác toàn diện giữa Vietnam Airlines với cổ đông chiến lược ANA Holdings Inc. (ANA) tiếp tục được triển khai trên nhiều lĩnh vực, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của cả hai hãng:

- Mở rộng hợp tác liên danh trên đường bay Đà Nẵng - Osaka do Vietnam Airlines khai thác.
- Các hoạt động xúc tiến thương mại chung (chương trình phát động khách Việt Nam đi Nhật Bản, quảng bá hình ảnh và chương trình ưu đãi cho khách hàng thường xuyên) mang đến kết quả khả quan và đảm bảo mục tiêu truyền thông.
- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ kỹ thuật, trong đó tập trung vào các nội dung về quản trị doanh nghiệp, thương mại, khai thác, dịch vụ khách hàng, công nghệ thông tin và kỹ thuật.



Hợp tác thương mại

Vietnam Airlines đã triển khai hợp tác liên danh với 02 đối tác mới là Xiamen Airlines (Trung Quốc) và Israel Airlines (Israel), nâng tổng số đối tác liên danh lên 27 đối tác (26 hãng hàng không và 01 hãng tàu hỏa Pháp). Thông qua hợp tác song phương, Vietnam Airlines đã bổ sung thêm 91 điểm đến trên toàn cầu và giúp mạng bay hiện diện trên tất cả 05 châu lục.

Về hợp tác liên doanh giữa Vietnam Airlines và Air France, sau 01 năm triển khai hợp tác, các bên đã đạt được những kết quả tích cực nhất định, cải thiện kết quả kinh doanh của hai hãng.

Về hợp tác đa phương: Vietnam Airlines đã tích cực tham gia công tác xây dựng định hướng phát triển liên minh Skyteam giai đoạn từ 2019, trong đó sẽ tập trung vào nâng cao trải nghiệm thông suốt cho khách hàng và hỗ trợ các hãng thành viên phát triển các ứng dụng công nghệ độc quyền và tiên tiến. Ngoài ra, Vietnam Airlines cũng đồng thời tích cực tham gia sâu rộng vào các hoạt động tại các tổ chức đa phương IATA, phát huy vai trò và ảnh hưởng của Vietnam Airlines đối với các chính sách chung theo hướng có lợi cho Việt Nam.

Hợp tác với chính quyền địa phương

Nhằm tăng cường các hoạt động xúc tiến du lịch, quảng bá hình ảnh và các đường bay đến các thành phố lớn của Việt Nam, thực hiện sứ mệnh là Hãng hàng không Quốc gia góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành du lịch và hàng không



nội địa, trong năm 2018 Vietnam Airlines đã ký kết Thỏa thuận hợp tác với UBND TP. Đà Nẵng và Quảng Ninh, đồng thời tiếp tục triển khai hiệu quả các nội dung hợp tác với UBND TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Huế, Khánh Hòa.

Hợp tác theo chủ trương Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam

Ngày 6/8/2018, Vietnam Airlines và Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) ký hợp tác chiến lược cùng phát triển thương hiệu quốc gia vươn tầm thế giới.



Ngày 4/10/2018, Vietnam Airlines và Tập đoàn Vingroup ký thỏa thuận hợp tác xây dựng các sản phẩm kết hợp hàng không và du lịch trên toàn bộ mạng đường bay.



Tình hình đầu tư

Trong năm 2018, công tác đầu tư của Vietnam Airlines tập trung vào các dự án trọng điểm, ưu tiên nguồn vốn cho các dự án đầu tư hạ tầng, CNTT nhằm nâng cao năng lực điều hành, quản trị và tạo lập hạ tầng cho hệ thống kỹ thuật, khai thác đội tàu bay. Tổng giá trị thực hiện đầu tư năm 2018 là 670,8 tỷ đồng.

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỌNG ĐIỂM

Hầu hết các dự án đầu tư trọng điểm của Vietnam Airlines đều đã hoàn thành trong năm 2018 hoặc đi dần vào giai đoạn cuối và dự định hoàn công trong 2019, bao gồm:

Dự án	Tiến độ	Mục tiêu dự án
Dự án đầu tư tàu bay A350 (Nhận 08/10 tàu bay)	Đã tiếp nhận 02 tàu bay mới trong 2018 theo hình thức SLB	Hiện đại hóa đổi mới đội tàu bay thân rộng
Khu làm việc văn phòng kết hợp bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ hàng không 200 Nguyễn Sơn - Giai đoạn 2	Dự kiến hoàn thành trong 2019	Tạo không gian làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, thân thiện với môi trường
Đầu tư trang thiết bị mặt đất giai đoạn 2016 - 2018	Đã tiếp nhận và đưa thiết bị vào sử dụng	Nâng cao chất lượng dịch vụ mặt đất, đáp ứng tiêu chuẩn 4 sao quốc tế
Nâng cấp, thay thế hệ thống mạng WAN Backbone	Đã hoàn thành	Đảm bảo hạ tầng CNTT và an ninh thông tin
Hệ thống quản lý và phân phối giá cước mới	Đã hoàn thành	Quản lý và điều chỉnh giá cước thuận tiện và hữu hiệu
Hệ thống phần mềm phân bay phi công, tiếp viên	Đã hoàn thành	Quản lý lập lịch bay, phân bay của phi công, tiếp viên

ĐẦU TƯ RA NGOÀI DOANH NGHIỆP

Đánh giá chung






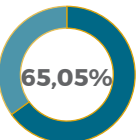








Năm 2018 hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của Vietnam Airlines đã thực hiện được mục tiêu, nhiệm vụ được giao, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp. Tổng thu nhập từ các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp trong năm 2018 là 1.070 tỷ đồng, đạt tỷ suất lợi nhuận/tổng vốn đầu tư là 16,5%.




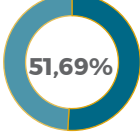
Kết quả hoạt động của các công ty có vốn góp

Hầu hết các công ty có vốn góp của Vietnam Airlines đều liên quan mật thiết đến dây chuyền kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động có hiệu quả, đóng góp quan trọng vào hiệu quả SXKD chung của Vietnam Airlines.

Công ty con

TT	Logo	Công ty	Tỉ lệ sở hữu của VNA	Tình hình hoạt động
1		VAECO		Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa máy bay và động cơ, phụ tùng máy bay. Công ty thực hiện toàn bộ các hạng mục bảo dưỡng kỹ thuật thân tàu bay cho Vietnam Airlines và cung cấp các dịch vụ bảo dưỡng cho 75 hãng hàng không quốc tế bay đến Việt Nam. Năm 2018, tổng doanh thu của VAECO là 2.451 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 142 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2017.
2		SKYPEC		Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không trong nước và quốc tế. Hệ thống quản lý chất lượng Công ty đạt tiêu chuẩn Quốc tế 9001:2015. Năm 2018, tổng doanh thu của Công ty đạt 29.195,8 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 392,6 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2017.
3		VACS		Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn và dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không. Công ty đã áp dụng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng mới nhất là ISO 9001:2015, cùng nhiều hệ thống quản lý chất lượng khác như ISO 45001:2018, HACCP... Trong năm 2018, Công ty đã mở rộng thị trường cung cấp suất ăn hàng không tại Cảng Hàng không quốc tế Phú Quốc cho 2 khách hàng là Hãng Thomas Cook Airlines của Anh và TUI fly Nordic của Thụy Điển. Năm 2018, tổng doanh thu của VACS là 895,9 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 193,8 tỷ đồng, tăng 112,8% so với năm 2017.
4		VIAGS		Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ, dịch vụ kỹ thuật, thương mại mặt đất cho hành khách, tàu bay của các hãng hàng không tại các cảng hàng không, sân bay. Năm 2018, VIAGS đã đạt tổng doanh thu là 2.046,9 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 187,7 tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2017.
5		Jetstar Pacific		Công ty hoạt động theo mô hình hàng không giá rẻ (LCC), phối hợp sản phẩm với Vietnam Airlines để hoàn thiện dải sản phẩm vận chuyển hàng không, tăng sức cạnh tranh và vị thế của VNA Group. Năm 2018, Jetstar Pacific tiếp tục quá trình tái cơ cấu, kinh doanh có lãi và đạt tổng doanh thu là 9.310 tỷ đồng.
6		NCTS		Công ty hoạt động trong lĩnh vực phục vụ hàng hóa chuyên nghiệp, hàng đầu tại khu vực phía Bắc, hiện nay NCTS đang cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hoá cho 27 hãng hàng không khai thác tại sân bay quốc tế Nội Bài. Năm 2018, NCTS tiếp tục đạt được danh hiệu "Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam" và "Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam" do tạp chí Nhip cầu đầu tư và Forbes Việt Nam bình chọn. Tổng doanh thu năm 2018 đạt 719 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 298 tỷ đồng, bằng 87,7% năm 2017. Mức lợi nhuận năm 2018 của Công ty đã được dự báo căn cứ vào mức độ cạnh tranh, tốc độ phát triển của thị trường khi xây dựng kế hoạch; NCTS đã có nhiều nỗ lực, cố gắng và hoàn thành kế hoạch năm 2018.

7		TCS		<p>Định hướng phát triển của TCS là trở thành một trong những nhà ga khai thác hàng hóa hàng không hàng đầu Đông Nam Á. TCS đã ký hợp đồng phục vụ thành công với hai hãng hàng không châu Á là Chongqing Airlines và Philippines Air Asia, giúp củng cố thị phần của TCS. Năm 2018, TCS đã vinh dự nhận được nhiều thư khen từ các hãng hàng không lớn như Quatar Airway, China Airlines và Korean Air. Trong năm 2018, tổng doanh thu của TCS đạt 876 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 550 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2017.</p>
8		TECS		<p>Công ty hoạt động trong các lĩnh vực dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ logistic, dịch vụ khai thuê hải quan, kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Năm 2018, tổng doanh thu của TECS đạt 323,2 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 89,4 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2017.</p>
9		VINAKO		<p>Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực giao nhận hàng hoá đường hàng không và đường biển. Năm 2018, do ảnh hưởng của những yếu tố khách quan như sản lượng tại chi nhánh Hà Nội giảm mạnh, thiên tai tại Nhật Bản, cạnh tranh về giá cước, phí dịch vụ, giá nhiên liệu tăng... nên kết quả đạt được của Công ty không hoàn thành kế hoạch. Doanh thu Công ty đạt 146,3 tỷ đồng, giảm 1,4% so với năm 2017; lợi nhuận trước thuế đạt 17,1 tỷ đồng, giảm 6,3% so với năm 2017.</p>
10		NCS		<p>Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các món ăn, thức ăn chế biến sẵn, dịch vụ ăn uống... với gần 30 năm kinh nghiệm. Vào tháng 6/2018, NCS đã đưa vào hoạt động Cơ sở chế biến suất ăn Nội Bài, nâng cao chất lượng và khẳng định vị thế dẫn đầu của Công ty trong lĩnh vực cung ứng suất ăn hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài. Năm 2018, tổng doanh thu của NCS đạt 638,5 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 58,1 tỷ đồng, bằng 55,2% năm 2017. Năm 2018 Công ty đã có nhiều nỗ lực cố gắng, đạt mức tăng doanh thu cao hơn so với năm 2017, đồng thời cũng phát sinh tăng chi phí do tính khấu hao và các chi phí vận hành công trình Cơ sở chế biến suất ăn hàng không mới, dẫn đến lợi nhuận trước thuế bị ảnh hưởng sụt giảm, tuy nhiên đây là bước tiến cần thiết để đảm bảo hoạt động bền vững của Công ty.</p>
11		NASCO		<p>Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài. Năm 2018, tổng doanh thu hợp nhất của NASCO đạt 591 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 29 tỷ đồng, tăng 36,6% so với năm 2017.</p>
12		VFT		<p>Công ty hoạt động trong lĩnh vực đào tạo phi công cho các hãng hàng không trong khu vực. Năm 2018, VFT đã đạt được những bước tiến quan trọng, chuẩn bị mọi nguồn lực nhằm triển khai huấn luyện bay tại Việt Nam trong năm giai đoạn 2020 - 2025. Trong năm, doanh thu Công ty đạt 41,9 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 8,1 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2017.</p>
13		AITS		<p>Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung ứng các dịch vụ công nghệ thông tin và viễn thông, hiện AITS đang đóng vai trò quan trọng trong dây chuyền vận tải hàng không thông qua đảm bảo nền tảng công nghệ và viễn thông trọng yếu cho Vietnam Airlines. Năm 2018, tổng doanh thu của AITS đạt 215,89 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 10,12 tỷ đồng, tăng 7,38% so với năm 2017.</p>

14		ALSIMEXCO		Từ khi được thành lập đến nay, hoạt động của công ty luôn được duy trì ổn định. Năm 2018, doanh thu Công ty đạt 390 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 6 tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm 2017.
15		SABRE VIỆT NAM		Từ năm 2017, Sabre Việt Nam đã triển khai Dịch vụ chăm sóc khách hàng phục vụ Vietnam Airlines. Năm 2018, tổng doanh thu của Sabre đạt 100,4 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 10 tỷ đồng, tăng 16,7% so với năm 2017.

Công ty liên kết

TT	Logo	Công ty	Tỉ lệ sở hữu của VNA	Tình hình hoạt động
1		VALC		Năm 2018, tổng doanh thu của VALC đạt 88,5 triệu USD, lợi nhuận trước thuế đạt 24,9 triệu USD. Cổ tức chia về Vietnam Airlines từ kết quả sản xuất kinh doanh 2018 của VALC là 94,2 tỷ đồng, bằng năm 2017.
2		Cambodia Angkor Air (K6)		Là Hãng hàng không quốc gia của Campuchia do Vietnam Airlines tham gia góp vốn. Năm 2018, K6 tiếp tục hợp tác toàn diện với Vietnam Airlines về đội bay, mạng bay, kỹ thuật, thương mại... Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt tại thị trường Campuchia, Công ty đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp tái cấu trúc để cải thiện kết quả hoạt động năm 2018.
3		MASCO		Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng suất ăn, vật dụng và dụng cụ trên máy bay, kinh doanh thương mại tại nhà ga hàng không. Năm 2018, tổng doanh thu của Masco đạt 237,9 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 18,2 tỷ đồng, bằng 45,9% năm 2017. Lĩnh vực cung ứng suất ăn hàng không tại Nha Trang hiện có sự cạnh tranh gay gắt, thị phần cung ứng suất ăn quốc tế của Công ty bị suy giảm mạnh.
4		AIRIMEX		Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nhập khẩu, phân phối máy móc, trang thiết bị, vật tư, phụ tùng, và dịch vụ xuất nhập khẩu cho ngành hàng không. Năm 2018, tổng doanh thu của Airimex đạt 182 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 8,6 tỷ đồng, bằng 83,3% năm 2017.
5		APLACO		Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp nhựa, có thiết bị và công nghệ, sản xuất các loại sản phẩm hàng hoá có yêu cầu chất lượng cao, tiện dụng.

Tình hình tài chính

CÁC SỐ LIỆU TỔNG QUAN

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	2018	So với 2017 (%)	2018	So với 2017 (%)
Tổng giá trị tài sản	73.543	-7,14%	82.390	-6,96%
Doanh thu thuần	70.742	11,62%	96.811	16,71%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.663	9,30%	2.356	13,90%
Lợi nhuận khác	755	93,19%	956	-12,01%
Lợi nhuận trước thuế	2.418	26,46%	3.312	4,97%
Lợi nhuận sau thuế	2.111	16,25%	2.599	-2,27%

ĐVT: Tỷ đồng

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	2017	2018	2017	2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,50	0,51	0,65	0,63
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,48	0,49	0,55	0,52
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)				
+ Nợ phải trả/ Tổng tài sản	78,62%	75,16%	80,31%	77,34%
+ Nợ ngắn hạn/ Tổng tài sản	31,14%	33,42%	36,97%	36,33%
+ Nợ dài hạn/ Tổng tài sản	47,49%	41,74%	43,34%	35,63%
+ Nợ (không bao gồm thu bán)/VCSH	3,26	2,58	3,64	2,95
+ Nợ phải trả/ VCSH	3,68	3,03	4,08	3,41
+ VCSH/ Tổng nguồn vốn	21,38%	24,84%	19,69%	22,66%

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	2017	2018	2017	2018
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)				
+ Vòng quay hàng tồn kho	142,12	102,30	24,30	24,44
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,80	0,96	0,94	1,18
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)				
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,87%	2,98%	3,21%	2,68%
+ Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân	10,93%	12,00%	15,79%	14,39%
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	2,18%	2,76%	2,87%	3,04%
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,40%	2,35%	2,49%	2,43%
+ EBITDAR (Tỷ đồng)	16.596	18.676	18.535	21.678
+ EPS (Đồng)	1.479	1.488	1.776	1.747
+ P/E (lần)	29,14	23,04	24,27	19,63

Đánh giá

Năm 2018, với sự tăng trưởng của thị trường vận tải hàng không, Vietnam Airlines đã chủ động nắm bắt cơ hội, triển khai hiệu quả các giải pháp quản trị, điều hành để hoàn thành vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu hiệu quả sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, trước những biến động về lãi suất và tỷ giá trong năm, ban lãnh đạo luôn theo sát chỉ đạo qua đó đảm bảo tình hình tài chính an toàn, lành mạnh:

- Doanh thu thuần công ty mẹ và hợp nhất lần lượt đạt 70.742 tỷ đồng và 96.811 tỷ đồng, tăng 11,62% và 16,71% so với năm 2017.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 3.312 tỷ đồng, tăng 4,97% so với 2017 và vượt 36,8% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế của công ty mẹ đạt 2.418 tỷ đồng, tăng 26,5% so với 2017 và vượt 23,4% so với kế hoạch.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2018 đều có sự tăng trưởng so với năm 2017. Chỉ tiêu hệ số nợ giảm so với cùng kỳ năm trước do nợ vay giảm và vốn chủ sở hữu tăng trong kỳ. Các chỉ số phản ánh khả năng thanh toán đều được duy trì ổn định, Vietnam Airlines không để phát sinh nợ phải trả quá hạn, đảm bảo thanh toán gốc và lãi vay đến hạn.

ROE (CÔNG TY MẸ)

12%

HỆ SỐ NỢ

2,58 lần

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Doanh thu, lợi nhuận

Chỉ tiêu	2017	2018	So với 2017	
			Giá trị	(%)
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	64.920	73.227	+8.307	+12,8%
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh	63.375	70.742	+7.367	+11,6%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.150	1.727	+577	+50,1%
Thu nhập khác	395	758	+363	+91,9%
2. Lợi nhuận trước thuế	1.912	2.418	+506	+26,5%
3. Lợi nhuận sau thuế	1.816	2.111	+295	+16,2%

ĐVT: Tỷ đồng

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của Vietnam Airlines năm 2018 đạt 70.742 tỷ đồng, tăng 11,6% so với năm 2017, trong đó tăng trưởng chủ yếu do đẩy mạnh hoạt động vận chuyển hành khách quốc tế và thuê chuyến quốc tế. Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác cũng có mức cải thiện đáng kể, đóng góp trên 11% phần doanh thu và thu nhập tăng thêm so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 2.418 tỷ đồng, tăng 26,5% so với năm 2017 và vượt 23% so với kế hoạch, hiệu quả kinh doanh VTHK lõi tăng trưởng vững chắc ở mức 18% đến từ động lực tăng trưởng doanh thu VTHK và công tác quản trị chi phí ngày càng được nâng cao.

TỔNG DOANH THU (MẸ)
73.227 tỷ đồng
▲ 12,8%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
2.418 tỷ đồng
▲ 26,5%

Tài sản, nguồn vốn

TT	Chỉ tiêu	2017	2018	So với 2017	
				Giá trị	(%)
1	Tài sản ngắn hạn	12.261	12.480	+219	+1,8%
2	Tài sản dài hạn	66.936	61.063	-5.873	-8,8%
	Tổng tài sản	79.197	73.543	-5.654	-7,1%
3	Nợ phải trả	62.266	55.275	-6.991	-11,2%
	- Nợ ngắn hạn	24.658	24.580	-78	-0,3%
	- Nợ dài hạn	37.608	30.696	-6.912	-18,4%
4	Vốn chủ sở hữu	16.931	18.267	+1.336	+7,9%
	Tổng nguồn vốn	79.197	73.543	-5.654	-7,1%

ĐVT: Tỷ đồng

Tổng tài sản của Vietnam Airlines tại 31/12/2018 là 73.543 tỷ đồng, giảm 5.654 tỷ đồng so với năm 2017 (tương đương 7,1%). Xu hướng giảm tổng tài sản nằm trong định hướng quản trị nhằm tối ưu hóa nguồn lực, theo đó Vietnam Airlines giảm tỷ lệ mua (sở hữu) máy bay mới, tăng tỷ lệ máy bay hoạt động theo hình thức bán và thuê lại (SLB).

Cơ cấu nguồn vốn đã chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng vốn chủ sở hữu (tăng 3,4% so với cùng kỳ 2017) và giảm tỷ trọng nguồn vốn được tài trợ từ bên ngoài (tỷ trọng nợ phải trả/ tổng nguồn vốn vào cuối năm 2018 đã giảm xuống còn 75,2% so với mức 78,6% của cùng kỳ năm 2017).

Với khả năng cân đối dòng tiền ổn định, Vietnam Airlines đã thực hiện trả nợ vay theo lịch, đồng thời chủ động trả trước hạn đối với một số khoản vay dài hạn nhằm giảm gánh nặng nợ công và giảm hệ số nợ/vốn chủ sở hữu. Nợ phải trả tại ngày 31/12/2018 là 55.275 tỷ đồng, giảm 6.991 tỷ đồng so với cùng kỳ 2017, tương đương với mức giảm là 11,2%.

NỢ PHẢI TRẢ
▼ **11,2%**

TỶ TRỌNG NỢ PHẢI TRẢ
▼ **4,4%**

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Doanh thu, lợi nhuận

Chỉ tiêu	2017	2018	So với 2017	
			Giá trị	(%)
1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	84.962	98.950	+13.988	+16,5
Doanh thu thuần	82.951	96.811	+13.860	+16,7
Doanh thu hoạt động tài chính	907	1.160	+253	+27,9
Thu nhập khác	1.125	995	-130	-11,5
Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-20	-16	+4	+20
2. Lợi nhuận trước thuế	3.155	3.312	+157	+5,0
3. Lợi nhuận sau thuế	2.659	2.599	-60	-2,3

ĐVT: Tỷ đồng

Năm 2018, doanh thu thuần hợp nhất toàn Tổng công ty tăng 16,8% so với 2017, tương đương đạt 96.811 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 3.312 tỷ đồng, tăng 157 tỷ đồng, tương đương tăng 5% so với năm 2017 và vượt 36,8% so với kế hoạch. Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hợp nhất ngoài đóng góp từ Công ty mẹ còn có đóng góp từ tăng trưởng lợi nhuận của một số hầu hết các công ty con nằm trong chuỗi dây chuyền vận tải hàng không đồng bộ (xăng dầu, dịch vụ hàng hóa, dịch vụ suất ăn, dịch vụ mặt đất...)

TỔNG DOANH THU
98.950 TỶ ĐỒNG
▲ 16,5%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
3.312 TỶ ĐỒNG
▲ 5%

Tài sản, nguồn vốn

TT	Chỉ tiêu	2017	2018	So với 2017	
				Giá trị	(%)
1	Tài sản ngắn hạn	21.122	20.326	-797	-3,8
2	Tài sản dài hạn	67.428	62.065	-5.363	-8,0
	Tổng tài sản	88.550	82.390	-6.161	-7,0
3	Nợ phải trả	71.118	63.718	-7.400	-10,4
	- Nợ ngắn hạn	32.739	32.170	-568	-1,7
	- Nợ dài hạn	38.379	31.548	-6.831	-17,8
4	Vốn chủ sở hữu	17.433	18.672	+1.239	+7,1
	Tổng nguồn vốn	88.550	82.390	-6.161	-7,0

ĐVT: Tỷ đồng

Tổng tài sản hợp nhất tại 31/12/2018 là 82.390 tỷ đồng, giảm 6.161 tỷ đồng so với năm 2017 (tương đương 7%), chủ yếu do giảm tài sản của công ty mẹ và trích khấu hao trong kỳ, trong khi giá trị tài sản đầu tư mới tăng không đáng kể. Về cơ cấu nguồn vốn hợp nhất, tính đến 31/12/2018 vốn chủ sở hữu tăng 1.239 tỷ đồng so với cùng kỳ 2017 (tăng 7,1%), đạt mức 18.672 tỷ đồng; nợ phải trả giảm 10,4% so với cùng kỳ do giảm nợ dài hạn.

NỢ PHẢI TRẢ

▼ **10,4%**

VỐN CHỦ SỞ HỮU

▲ **7,1%**

Những cải tiến mới về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Vietnam Airlines đã tiến hành rà soát mô hình tổ chức nhằm sắp xếp, kiện toàn cơ cấu vận hành nói chung cũng như hoạt động của các cơ quan, phòng ban nói riêng để điều chỉnh cách thức làm việc hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển kế tiếp. Trong quá trình đó, một số cơ quan, phòng ban như ban Kế hoạch phát triển, Tiếp thị và bán sản phẩm, Tài chính kế toán... đã được tái cấu trúc, sắp xếp phân bổ nhân sự hợp lý và đưa vào ứng dụng các phương thức cấp tiến trong tiếp cận, trao đổi và xử lý công việc.

Tổng Công ty cũng song song thực hiện rà soát, sửa đổi, xây dựng hệ thống quy chế quản lý nội bộ được cập nhật phù hợp với mô hình quản trị doanh nghiệp đang áp dụng. Việc sửa đổi và ban hành hệ thống quy chế mới có phạm vi điều chỉnh bao phủ tất cả các cơ quan, đơn vị và được tiến hành theo định hướng giảm về số lượng, cắt bỏ thủ tục rườm rà, xây dựng hệ thống đơn giản,

nhất quán. Nội dung trong quy chế tập trung quy định các yếu tố đặc thù nhằm hỗ trợ Tổng công ty phối hợp, định hướng cho các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, điều hành; còn đối với các nội dung đã được pháp luật quy định thì trong văn bản quy chế không trình bày lại mà chỉ dẫn chiếu đến các hồ sơ pháp lý cần thiết làm cơ sở quy định trình tự thực hiện các hoạt động trong Tổng Công ty.

Mặt khác, Vietnam Airlines tích cực đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện chế độ sử dụng văn bản điện tử thông qua cổng thông tin portal. Các công đoạn trình ký, phê duyệt và phát hành hầu hết các văn bản nội bộ trong Tổng Công ty đều được thực hiện thông qua hệ thống văn bản điện tử, duy trì sự phân quyền phù hợp và đảm bảo các cá nhân có liên quan có thể kiểm tra, xử lý và báo cáo mọi lúc mọi nơi, giảm thiểu tối đa thời gian và chi phí thực hiện.





BUSINESS CLASS
LOTUSMILES

VIAGS

VIAGS



Vietnam Airlines

SẢI CẢNH VƯỢN CAO



BẠN CÓ BIẾT VIETNAM AIRLINES HỢP TÁC VỚI HÃNG BẢO DƯỠNG LỚN NHẤT THẾ GIỚI?

THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI. CÒN BẠN?

Vietnam Airlines đặc biệt chú trọng đến các tiêu chuẩn an toàn thông qua việc hợp tác lâu dài với AFI KLM E&M – hãng bảo dưỡng tàu bay lớn nhất thế giới.

#HànhTrìnhHoànThiện

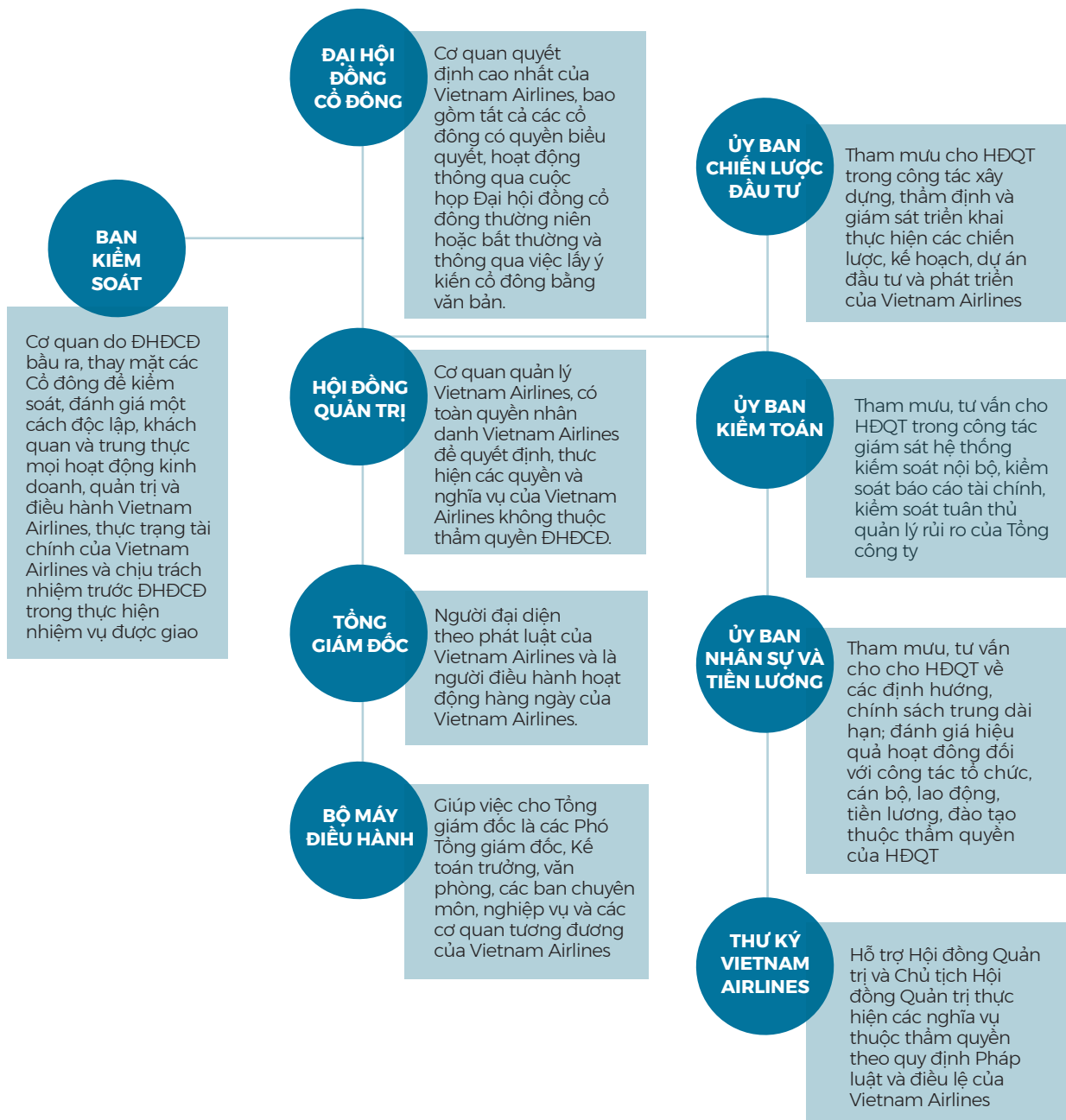
ĐẶT VÉ NGAY > vietnamairlines.com

GỌI NGAY > 1900 1100

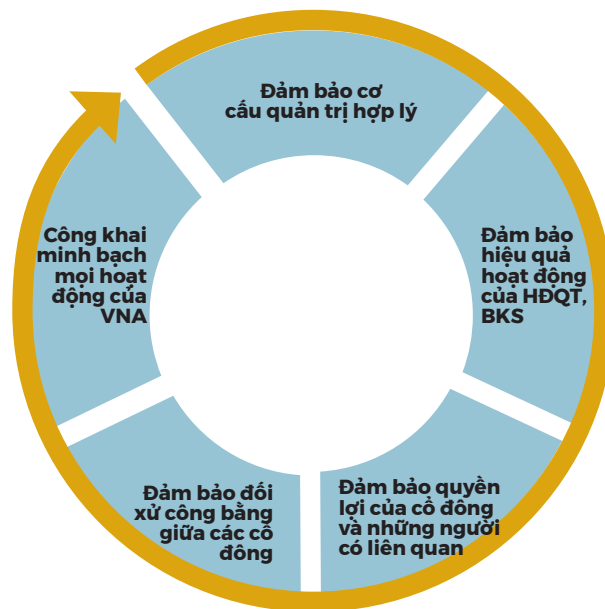
LIKE NGAY > [fb/vietnamairlines](https://fb.com/vietnamairlines)

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Cấu trúc quản trị công ty



Nguyên tắc quản trị công ty



Nguyên tắc quản trị công ty

Hệ thống các nguyên tắc quản trị công ty của Vietnam Airlines tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ, Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính, Điều lệ Vietnam Airlines và các quy định, quy chế nội bộ nhằm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý.
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan.
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông.
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của Vietnam Airlines.

Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý

Để vận hành hiệu quả các mô hình quản trị, Vietnam Airlines đã xây dựng và đang cập nhật thường xuyên hệ thống các quy chế, quy trình quản trị nội bộ nhằm tạo ra cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt. Việc này giúp giám sát hoạt động của Công ty một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hoà lợi ích của các bên liên quan.

Trong năm 2018, Vietnam Airlines đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/05/2018. Cùng với việc sửa đổi Điều lệ, Vietnam Airlines cũng đã ban hành Quy chế nội bộ Quản trị công ty theo quyết định số 449/QĐ-HĐQT/TCTHK và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/06/2018; nhằm tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và hướng tới tạo điều kiện tốt hơn cho việc quản trị Công ty ngày càng hoàn thiện.

Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát

Vietnam Airlines đã quy định và tách biệt rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc, giữa HĐQT và Ban Kiểm soát. Việc tuân thủ chuẩn mực quản trị góp phần tăng tính minh bạch và hiệu quả trong hoạt động quản trị của Vietnam Airlines.

HĐQT có tối thiểu 5 thành viên và không quá 9 thành viên. Trong đó tổng số thành viên HĐQT không điều hành chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT. Mỗi thành viên HĐQT không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên 5 công ty khác.

Các Ủy ban thuộc HĐQT đóng vai trò tích cực trong việc tham mưu, hỗ trợ hoạt động cho HĐQT.

- Ủy ban Chiến lược và đầu tư: tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong công tác xây dựng, thẩm định và giám sát triển khai thực hiện các chiến lược, kế hoạch, dự án đầu tư và phát triển của Vietnam Airlines.
- Ủy ban Kiểm toán: tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong công tác giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm soát BCTC, kiểm soát tuân thủ, quản lý rủi ro của Vietnam Airlines.
- Ủy ban Nhân sự và Tiền lương: tham mưu, tư vấn cho HĐQT về các nội dung tổ chức, cán bộ, lao động, tiền lương, chính sách của Vietnam Airlines thuộc thẩm quyền của HĐQT.

HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc phối hợp hoạt động theo nguyên tắc sau:

- Luôn vì lợi ích của Vietnam Airlines.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Vietnam Airlines.
- Phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan

Điều 29 và Điều 30 trong Điều lệ của Vietnam Airlines quy định rất rõ quyền và nghĩa vụ của cổ đông. Các quyền cơ bản của cổ đông bao gồm:

- Quyền được tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.
- Quyền được nhận cổ tức và ưu tiên mua cổ phần chào bán mới.
- Quyền được tự do chuyển nhượng cổ phần.
- Quyền được đối xử công bằng.
- Quyền được đề cử, ứng cử vào HĐQT và Ban Kiểm soát.
- Quyền được tiếp cận thông tin kịp thời và thường xuyên.

Trong năm 2018, Vietnam Airlines đã tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản. Các trình tự thủ tục đã được Vietnam Airlines thực hiện theo đúng quy định pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích tối đa cho cổ đông.

Căn cứ phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018, các cổ đông đã nhận được 982 tỷ đồng tiền cổ tức (tỷ lệ 8% mệnh giá cổ phiếu), tăng 33,3% so với năm 2017.

Thêm vào đó, cổ đông cũng được quyền tham gia vào đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong đợt tăng vốn điều lệ của Vietnam Airlines vào tháng 12/2018 với mức giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Tổng số vốn phát hành thành công là 1.907,57 tỷ đồng, nâng vốn điều lệ của Tổng công ty từ 12.275,34 tỷ đồng lên 14.182,91 tỷ đồng. Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm trong năm 2018 đã được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho phép giao dịch chính thức ngày 22/02/2019.

Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông

Đối xử công bằng giữa các cổ đông là một trong số các vấn đề cốt lõi của nguyên tắc quản trị công ty. Các cổ đông được đối xử công bằng thông qua việc được bảo vệ bằng các quyền của cổ đông, được quy định trong Điều lệ Vietnam Airlines và trong Quy chế Quản trị nội bộ của Tổng công ty.

Điều lệ Vietnam Airlines, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Báo cáo thường niên, BCTC quý và CBTT theo quy định của Thông tư 155/2015/TT.BTC được công bố trên các phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và website của Vietnam Airlines giúp cho các cổ đông tiếp nhận thông tin công bố một cách nhanh chóng và chính xác.

Tại ĐHĐCĐ thường niên, quá trình thảo luận và biểu quyết các vấn đề trong chương trình nghị sự tuân theo nguyên tắc:

- Vietnam Airlines không hạn chế cổ đông tham dự ĐHĐCĐ và tạo điều kiện, áp dụng các công nghệ hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- Tạo cơ hội cho cổ đông (i) đặt câu hỏi với thành viên HĐQT, kiểm soát viên, Kiểm toán độc lập và nhận được các câu trả lời rõ ràng và (ii) có thể đưa ra quyết định trên cơ sở những thông tin đầy đủ và không thiên lệch đối với tất cả các vấn đề được đưa ra trong cuộc họp.
- Các câu hỏi do cổ đông đặt ra cần được trả lời ngay. Nếu một câu hỏi nào đó không được

trả lời ngay, Vietnam Airlines có văn bản trả lời trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc họp ĐHĐCĐ.

Bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:

- Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Vietnam Airlines khi xét thấy cần thiết.
- Đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát.
- Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của HĐQT, BCTC và các báo cáo của Ban Kiểm soát.
- Đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ bất thường.

Công khai minh bạch mọi hoạt động của Vietnam Airlines

Nguyên tắc và nghĩa vụ công bố thông tin của Vietnam Airlines tuân thủ theo quy định của Thông tư 155/2015/TT-BTC, Pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Vietnam Airlines. Vietnam Airlines đã ban hành Quy chế nội bộ về công bố trên thị trường chứng khoán, có bộ phận chuyên trách về công bố thông tin. Các thông tin liên quan đến tình hình quản trị, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, và đặc biệt là những thông tin có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư đều được công bố theo đúng thời hạn quy định, đảm bảo tính minh bạch với tất cả các cổ đông và nhà đầu tư.

Các thông tin được đăng tải đầy đủ trên website của Vietnam Airlines để các nhà đầu tư có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, phân tích các thông tin về doanh nghiệp.

Thông tin và hoạt động của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Sở hữu cổ phần của Vietnam Airlines	
				Số lượng	Tỷ lệ
1	Phạm Ngọc Minh	Chủ tịch HĐQT	12/3/2015	7.394	0,0005%
2	Dương Trí Thành	TV HĐQT kiêm TGD	01/6/2016	7.441	0,0005%
3	Nguyễn Xuân Minh*	Thành viên HĐQT	12/03/2015	-	-
4	Tạ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	01/10/2016	9.005	0,0006%
5	Koji Shibata**	Thành viên HĐQT	20/02/2017	-	-

* Ông Nguyễn Xuân Minh là đại diện vốn của Techcombank

** Ông Koji Shibata là đại diện vốn của ANA Holdings, Inc

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 17 phiên họp, ban hành 301 Nghị quyết và 102 Quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. HĐQT thường xuyên xem xét đánh giá về các mặt hoạt động SXKD của Vietnam Airlines, hoàn thiện các chính sách, quy chế nội bộ quan trọng của Tổng công ty (Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế quản lý tài chính của các công ty 100% vốn...). Các Thành viên HĐQT đã phát huy cao vai trò, trách nhiệm trong việc

đưa ra các quyết định của HĐQT. Đối với các đề án, kế hoạch quan trọng của Vietnam Airlines, HĐQT có sự tham mưu tư vấn của các Ủy ban thuộc HĐQT, các chuyên gia của HĐQT. Tất cả các hoạt động của HĐQT đều tuân thủ chặt chẽ theo đúng các nguyên tắc quản trị công ty đại chúng, gắn liền với lợi ích của Vietnam Airlines, các cổ đông và cân bằng lợi ích của tất cả các bên liên quan.



Hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT

Ủy ban Chiến lược Đầu tư

Thực hiện vai trò tư vấn, tham mưu cho HĐQT các nội dung sau:

- Kế hoạch đầu tư năm 2018.
- Kế hoạch phát triển đội tàu bay giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn 2030.
- Kế hoạch định hướng về đầu tư năm 2018 và giai đoạn 2018 - 2020 giao cho Người đại diện vốn Vietnam Airlines tại doanh nghiệp khác.
- Rà soát kế hoạch 5 năm 2016 - 2020.
- Công tác quản lý, sử dụng đất đai và phương án sử dụng đất của Vietnam Airlines.

Ủy ban Kiểm toán

Triển khai thực hiện theo chương trình hành động năm và nhiệm vụ phát sinh thực tế, bao gồm:

- Xem xét hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ năm 2017.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện soát xét Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty mẹ, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Vietnam Airlines và phân phối lợi nhuận của Công ty mẹ và các công ty TNHH MTV do Vietnam Airlines sở hữu 100% vốn điều lệ.
- Tổ chức giám sát thường xuyên đối với hoạt động kinh doanh của Vietnam Airlines thông qua hệ thống báo cáo tháng, quý, bán niên và việc triển khai giám sát của Ban Kiểm toán nội bộ.

- Kiểm tra công tác quản lý tài chính và tình hình thực hiện các khuyến cáo theo kết luận của Thanh tra, Kiểm toán độc lập, Kiểm toán nội bộ tại Chi nhánh Vietnam Airlines tại Nhật Bản, Singapore.
- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng đội tàu Airbus A350 và Boeing 787 của Vietnam Airlines.
- Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các khuyến cáo theo các kết luận của Thanh tra, Kiểm toán độc lập, Kiểm toán nội bộ tại Ban Tài chính Kế toán.

Ủy ban Nhân sự và Tiền lương

Triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Chủ trương điều chỉnh tăng, cơ cấu lại tiền lương đối với người lái máy bay, giáo viên bay từ ngày 01/06/2018 và thực hiện điều chỉnh, cơ cấu lại thang bảng lương, mức tiền lương thu nhập tháng cho các đối tượng cán bộ, người lao động từ ngày 01/7/2018.
- Kế hoạch sử dụng quỹ tiền lương, khen thưởng, phúc lợi 2018.
- Chỉ đạo định hướng xây dựng đề án cải cách tiền lương theo tinh thần NQ 27-NQ/TW về cải cách chính sách tiền lương.
- Xem xét các nội dung điều chỉnh chế độ thu hút nguồn lực Phi công nước ngoài cho năm kế hoạch 2019.

Tiền lương, thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát

	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018
Quỹ tiền lương	6.048	5.443,2
Quỹ thù lao	1.224	1.378,8
Tổng cộng	7.272	6.822,0

DVT: triệu đồng

Báo cáo của Ban Kiểm soát

Cơ cấu Ban Kiểm soát

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp HĐQT tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lại Hữu Phước	Trưởng BKS	12/3/2015	8/17	Đi công tác.
2	Ông Mai Hữu Thọ	TV BKS	12/3/2015	14/17	Đi công tác.
3	Ông Hoàng Thanh Quý*	TV BKS	12/3/2015	9/17	Đi công tác.

* Thay đổi về nhân sự: thành viên Ban Kiểm soát Hoàng Thanh Quý xin từ nhiệm trong năm 2018. Thông tin được công bố trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và website của Vietnam Airlines ngày 12/10/2018. Vietnam Airlines báo cáo ĐHCĐ 2019 miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Hoàng Thanh Quý và bầu bổ sung thành viên mới theo quy định.

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động của các thành viên Ban Kiểm soát năm 2018 tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

- Tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017, 6 tháng đầu năm 2018, xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động cho kỳ tiếp theo.
- Tham gia và có ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban hàng tháng của Tổng công ty.
- Giám sát việc thực hiện nghị quyết ĐHCĐ; Giám sát việc ban hành, triển khai và thực hiện nghị quyết HĐQT.
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư; Thẩm định BCTC năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018; Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty.
- Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban giám đốc.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch tăng vốn của Tổng công ty, bán phần vốn Nhà nước; việc thực hiện bán và thuê lại tàu bay, động cơ; việc thực hiện giám sát đặc biệt đối với JPA, K6; thủ tục niêm yết trên sàn HoSE và giám sát thực hiện khuyến cáo của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện họp định kỳ theo quy định để tổng hợp và thống nhất kết quả kiểm soát hàng quý như sau:

- **Quý I/2018:** Tổng kết hoạt động kiểm soát và kết quả kiểm soát năm 2017, thông qua chương trình hoạt động năm 2018; Thảo luận và thống nhất tình hình hoạt động SXKD năm 2017, kế hoạch 2018; Kết quả thẩm định BCTC riêng, BCTC hợp nhất năm 2017 và tình hình thực hiện Nghị quyết quý IV/2017.
- **Quý II/2018:** Thảo luận và thống nhất tình hình thực hiện Nghị quyết quý I/2018; Kết quả Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ; Tổng kết và thống nhất nội dung báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát 6 tháng đầu năm và kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2018.
- **Quý III/2018:** Thảo luận và thống nhất tình hình thực hiện kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm 2018; Thẩm định và thông qua kết quả thẩm định BCTC riêng và BCTC hợp nhất bán niên năm 2018 của Ban Kiểm toán nội bộ; Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết quý II/2018.

- **Quý IV/2018:** Thảo luận, thống nhất tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2018, ước thực hiện năm 2018 và định hướng kế hoạch năm 2019; Theo dõi việc thực hiện giám sát đặc biệt đối với JPA, K6; Thống nhất nội dung báo cáo kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch năm 2019 của Ban Kiểm soát; Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết quý III/2018.

Kết quả thực hiện công tác giám sát năm 2018

- Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc
 - ◊ Trong năm, ĐHĐCĐ đã ban hành Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/5/2018. Các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ đều đã được thực hiện, Tổng công ty cũng đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
 - ◊ Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 17 phiên họp và tổ chức xin ý kiến bằng văn bản theo đúng quy định. Hoạt động của HĐQT tuân thủ quy định của pháp luật và của Tổng Công ty, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - ◊ Đối với mỗi Nghị quyết của HĐQT, TGDĐ đều có văn bản triển khai, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị. Hàng quý, Tổng Giám đốc tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết, trong đó nêu rõ các nội dung đã thực hiện, các nội dung đang thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị phương án giải quyết.
 - ◊ Trong năm 2018, HĐQT đã ban hành 301 Nghị quyết và 102 quyết định để triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Các nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018 đã được cụ thể hóa tại các Nghị quyết HĐQT và được Tổng Giám đốc triển khai thực hiện đầy đủ. Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

- ◊ Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, điều hành linh hoạt và có nhiều giải pháp khắc phục khó khăn, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thông qua việc giám sát thực hiện Nghị quyết HĐQT.
- ◊ Việc công bố thông tin được thực hiện đúng quy định.
- **Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và HĐQT, Ban Giám đốc:** Việc phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông được duy trì và thực hiện tốt, đảm bảo nguyên tắc vì lợi ích của cổ đông và tuân thủ quy định của pháp luật, quy định của Vietnam Airlines. Ban Kiểm soát thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Giám đốc trong quá trình thực thi nhiệm vụ. HĐQT, Ban Giám đốc và các bộ phận chức năng luôn tạo điều kiện và phối hợp tốt với Ban Kiểm soát trên mọi lĩnh vực hoạt động.
- **Thẩm định báo cáo tài chính năm 2017:** Ban Kiểm soát đã chỉ đạo Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện việc thẩm định BCTC và tổ chức làm việc với Kiểm toán độc lập về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018. Ban Kiểm soát nhất trí với ý kiến của Kiểm toán về

BCTC của Vietnam Airlines: BCTC của Vietnam Airlines được lập và thực hiện kiểm toán/soát xét theo đúng quy định, được đánh giá phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty mẹ và tình hình tài chính hợp nhất của Vietnam Airlines, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Kế hoạch hoạt động năm 2019

Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo quy định, trong đó tập trung vào các nội dung chính như sau:

- Thẩm định BCTC năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019.
- Giám sát việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019; Báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động và kết quả giám sát của Ban Kiểm soát năm 2018.

- Tham gia và có ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp giao ban hàng tháng của Vietnam Airlines.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ; việc ban hành, triển khai và thực hiện Nghị quyết HĐQT. Giám sát hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư và tình hình tài chính của Vietnam Airlines năm 2019 và việc xây dựng kế hoạch 2020.
- Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban giám đốc.
- Giám sát việc thực hiện phương án giảm vốn nhà nước giai đoạn 2018-2020; việc niêm yết trên sàn HoSE; việc thực hiện việc bán, bán và thuê lại tàu bay, động cơ; việc tăng cường giám sát tài chính; việc thực hiện kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Vietnam Airlines.

Hoạt động của Người phụ trách quản trị - Thư ký Tổng công ty

Thay đổi nhân sự Thư ký Tổng công ty: từ tháng 6/2018, ông Nguyễn Xuân Thủy được bổ nhiệm làm Thư ký Tổng công ty thay ông Nguyễn Hữu Tuất, đồng thời là người phụ trách quản trị để đáp ứng các quy định về quản trị đối với công ty đại chúng. Người phụ trách quản trị - Thư ký Tổng công ty đã hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao như sau:

- Tư vấn cho HĐQT trong việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ban hành các Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT liên quan đến tất cả các lĩnh vực hoạt động của Vietnam Airlines, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Vietnam Airlines.
- Phụ trách công tác quan hệ cổ đông của Vietnam Airlines; tổ chức triển khai các công việc liên quan giữa Vietnam Airlines và cổ đông.
- Thực hiện công bố thông tin theo ủy quyền trên thị trường chứng khoán.



Quan hệ nhà đầu tư

“Vietnam Airlines cam kết luôn đồng hành cùng cổ đông trong việc thiết lập các kênh đối thoại mở và minh bạch thông tin, tổ chức hoạt động kinh doanh an toàn - chất lượng và hiệu quả, trên cơ sở kiến tạo giá trị lợi ích cổ đông gắn liền với sự phát triển bền vững của Vietnam Airlines và nhu cầu phát triển của đất nước”

Vietnam Airlines thường xuyên cập nhật đầy đủ và công khai, minh bạch các thông tin công bố; tổ chức nhiều cuộc gặp gỡ với sự tham gia của hàng trăm lượt chuyên gia phân tích, nhà đầu tư, đối tác quan tâm đến cổ phiếu HVN. Vietnam Airlines cũng chủ động tham gia các hội thảo/ hội nghị chuyên đề về chứng khoán và thị trường chứng khoán do các công ty chứng khoán hoặc Sở giao

dịch chứng khoán tổ chức. Ấn phẩm Báo cáo thường niên được xuất bản hàng năm bằng hai ngôn ngữ Anh - Việt, với thiết kế chuyên nghiệp, nội dung đổi mới và chất lượng nâng cao tiếp cận chuẩn mực quốc tế đã trở thành một tài liệu hữu ích cung cấp thông tin toàn diện nhất về Vietnam Airlines cho các cổ đông, nhà đầu tư và các đối tác.

Vietnam Airlines đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh nằm trong Top 10 doanh nghiệp UPCoM quy mô lớn thực hiện tốt công bố thông tin và minh bạch giai đoạn 2017-2018. Sự kiện này đã góp phần khẳng định hình ảnh và uy tín của Vietnam Airlines cũng như củng cố niềm tin của cổ đông đối với cổ phiếu HVN trên thị trường chứng khoán.

Thông tin liên hệ bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư:

Ông Nguyễn Xuân Thủy

Người phụ trách quản trị - Thư ký Tổng công ty

Email: nhadautu@vietnamairlines.com

Điện thoại: 024 38732732

Fax: 024 38722375

Địa chỉ: 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP. Hà Nội

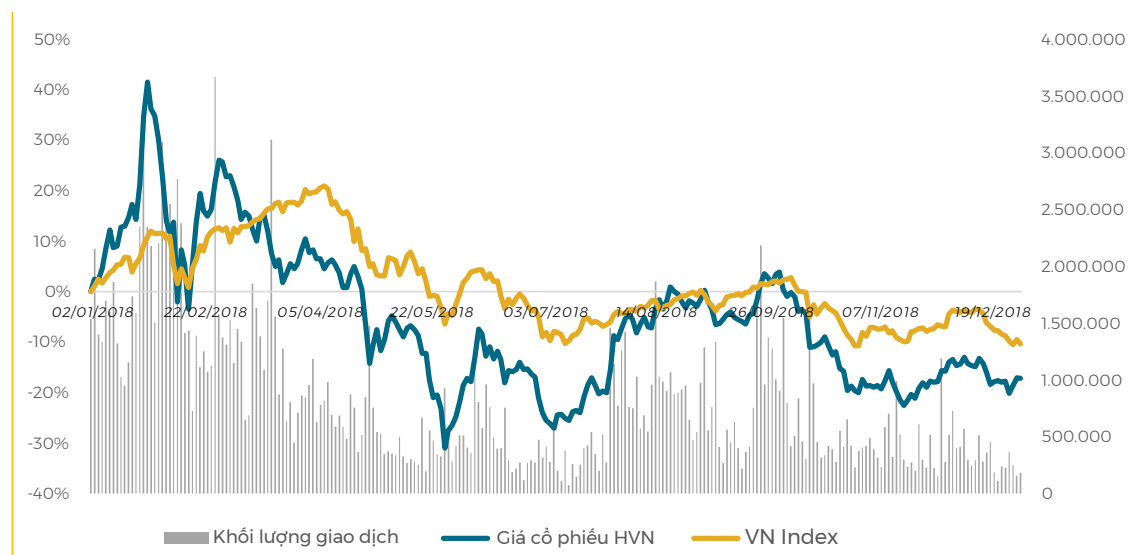


THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Diễn biến giá cổ phiếu HVN trong năm 2018

STT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị
1	Tổng số phiên	250	Phiên
2	Tổng khối lượng khớp lệnh	206.907.515	Cổ phiếu
3	Tổng giá trị khớp lệnh	9.230	Tỷ VNĐ
4	Khối lượng giao dịch khớp lệnh bình quân/ phiên	827.630	Cổ phiếu
5	Khối lượng khớp lệnh cao nhất (27/02/2018)	3.673.754	Cổ phiếu
6	Khối lượng khớp lệnh thấp nhất (12/7/2018)	71.290	Cổ phiếu
7	Giá bình quân cao nhất (23/01/2018)	67.301	VNĐ/ cổ phiếu
8	Giá bình quân thấp nhất (13/07/2018)	28.315	VNĐ/ cổ phiếu

Diễn biến giá cổ phiếu HVN & VN-Index trong năm 2018



HVN là một trong những cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên sàn UPCoM với bình quân hơn 800.000 cổ phiếu giao dịch/phiên, tương đương với giá trị giao dịch khoảng 30,6 tỷ đồng (tính theo giá cổ phiếu HVN bình quân năm 2018).

Trong năm 2018, thị trường chứng khoán ghi nhận đợt sụt giảm mạnh nhất kể từ 2014 sau ảnh hưởng của biến động kinh tế vĩ mô thế giới như việc FED

tăng lãi suất, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. VN-Index giảm gần 10%, đóng cửa ở mốc 892,5 điểm tại phiên lịch sử này.

Cổ phiếu HVN cũng chịu tác động từ diễn biến chung của thị trường. HVN có mức tăng mạnh nhất hơn 40% trong tháng 1/2018 so với đầu năm, tuy nhiên do ảnh hưởng chung của thị trường HVN bắt đầu xu hướng giảm và đi ngang trong nửa cuối năm 2018.

Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành

Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành	1.418.290.847 cổ phần
Tổng số cổ phần đăng ký giao dịch	1.418.290.847 cổ phần
Cổ phần chuyển nhượng tự do	1.307.408.297 cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	110.882.550 cổ phần

Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I. Cổ đông lớn			
1. Nhà nước (Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp)	1	1.222.368.291	86,19%
2. Cổ đông chiến lược ANA Holdings	1	124.438.698	8,77%
II. Cổ đông khác			
1. Tổ chức	64	30.274.520	2,13%
Trong nước	34	21.096.548	1,48%
Nước ngoài	30	9.177.982	0,65%
2. Cá nhân	15.398	41.209.328	2,91%
Trong nước	15.078	40.263.164	2,84%
Nước ngoài	320	946.164	0,07%
Tổng cộng	15.464	1.418.290.847	100,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 12/3/2019)

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm

Tổng số cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	190.757.069 cổ phiếu
Giá chào bán	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành	1.907.570.690 tỷ đồng
Quy mô vốn điều lệ tăng thêm	1.907.570.690 tỷ đồng

1.418.290.847

TỔNG SỐ CỔ PHẦN

15.464

TỔNG SỐ CỔ ĐÔNG

14.183

VỐN ĐIỀU LỆ (TỶ ĐỒNG)

47.087

GIÁ TRỊ VỐN HÓA (TỶ ĐỒNG)

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan trong năm 2018

STT	Họ và tên	Quan hệ với người nội bộ	Sở hữu trước giao dịch		Sở hữu sau giao dịch		Lý do tăng/ giảm
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Phạm Ngọc Minh	Người nội bộ	6.398	0,0005%	7.394	0,0005%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
2	Dương Trí Thành	Người nội bộ	6.698	0,0005%	7.741	0,0005%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
3	Tạ Mạnh Hùng	Người nội bộ	7.792	0,0006%	9.005	0,0006%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
4	ANA Holdings Inc	Người có liên quan với người nội bộ	107.668.938	8,77%	124.438.698	8,77%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
5	Trịnh Ngọc Thành	Người nội bộ	8.398	0,0007%	9.706	0,0007%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
6	Nguyễn Minh Hải	Người nội bộ	7.099	0,0006%	8.204	0,0006%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
7	Nguyễn Hồng Lĩnh	Người nội bộ	7.099	0,0006%	8.204	0,0006%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
8	Trịnh Hồng Quang	Người nội bộ	7.298	0,0006%	8.434	0,0006%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
9	Lê Hồng Hà	Người nội bộ	7.198	0,0006%	8.319	0,0006%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
10	Nguyễn Thái Trung	Người nội bộ	6.000	0,0005%	6.934	0,0005%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
11	Đặng Ngọc Hòa	Người nội bộ	8.389	0,0007%	9.695	0,0007%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
12	Trần Thanh Hiền	Người nội bộ	7.296	0,0006%	8.432	0,0006%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu

STT	Họ và tên	Quan hệ với người nội bộ	Sở hữu trước giao dịch		Sở hữu sau giao dịch		Lý do tăng/ giảm
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
13	Mai Hữu Thọ	Người nội bộ	7.099	0,0006%	8.204	0,0006%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
14	Hoàng Thanh Quý	Người nội bộ	6.700	0,0005%	7.743	0,0005%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
15	Nguyễn Xuân Thủy	Người được ủy quyền CBTT	3.500	0,000285%	4.045	0,000285%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
16	Vương Thị Phúc Minh	Người có liên quan với người nội bộ	1.899	0,00015%	2.194	0,00015%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
17	Trịnh Hồng Minh	Người có liên quan với người nội bộ	1.500	0,00012%	1.733	0,00012%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
18	Nguyễn Thị Phương Thảo	Người có liên quan với người nội bộ	3.100	0,0003%	3.582	0,0003%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
19	Nguyễn Thị Phương Hiếu	Người có liên quan với người nội bộ	900	0,0001%	1.040	0,0001%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
20	Trần Thị Hương	Người có liên quan với người nội bộ	2.500	0,0002%	2.899	0,0002%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
21	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	Người có liên quan với người nội bộ	22.403.693	1,83%	17.109.412	1,206%	Bán khớp lệnh 7.600.000 cổ phiếu trên thị trường Mua 2.305.719 cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
22	Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Người có liên quan với người nội bộ	1.057.638.000	86,16%	1.222.368.291	86,19%	Mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu

Rủ ro và quản trị rủi ro

Vietnam Airlines liên tục nhận diện và đề xuất các giải pháp quản trị rủi ro và cập nhật nhanh chóng đến Ban điều hành và Hội đồng Quản trị. Những đánh giá và biện pháp quản trị kịp thời này giúp hạn chế các tác động tiêu cực đến việc hoàn thành kết quả hoạt động kinh doanh cũng như uy tín của Vietnam Airlines.

NHẬN DIỆN VÀ QUẢN TRỊ CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

	Nhận diện rủi ro	Biện pháp quản trị rủi ro
Môi trường kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> Tăng trưởng GDP, thu nhập bình quân, lạm phát, tỷ giá, lãi suất, giá nhiên liệu bay biến động bất thường. Khủng bố, nội chiến và can thiệp quân sự, mâu thuẫn kinh tế - chính trị giữa các cường quốc. Rủi ro thiên nhiên do thiên tai, dịch bệnh, động đất, núi lửa, sóng thần. 	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi sát các biến động để điều hành chính sách phù hợp, linh hoạt với thị trường. Quản trị doanh thu, kiểm soát chặt chẽ chi phí, bảo đảm các cân đối tiền tệ khi có biến động tỷ giá, lãi suất.
Pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> Việc tuân thủ chính sách, pháp luật tại các quốc gia mà Vietnam Airlines có thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và các điều ước quốc tế trong lĩnh vực hàng không, lao động, thương mại, lao động, thuế... mà Việt Nam là thành viên. Các vấn đề về tranh chấp, tố tụng pháp lý có thể gặp phải trong quá trình hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> Liên tục cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của Vietnam Airlines. Nâng cao năng lực quản trị, sử dụng đội ngũ tư vấn pháp lý, đặc biệt là thuê tư vấn luật tại các quốc gia Vietnam Airlines có hoạt động sản xuất kinh doanh. Chủ động rà soát, đảm bảo hoạt động SXKD của Vietnam Airlines tuân thủ pháp luật nước sở tại.
Cạnh tranh	<ul style="list-style-type: none"> Rủi ro suy giảm thị phần do sự phát triển và cạnh tranh từ các hãng hàng không giá rẻ (LCC). Chính sách mở cửa bầu trời tại ASEAN gia tăng cạnh tranh trong khu vực và cả nội địa. Các đối thủ đẩy nhanh việc mở rộng khai thác, chiếm thị phần và tạo sức ép cạnh tranh trên thị trường quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> Thiết kế sản phẩm tạo ra bản sắc văn hóa trong dịch vụ, khác biệt rõ nét với các hãng cạnh tranh đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn, chất lượng quốc tế 4 sao. Tổ chức bộ máy và quản trị theo mô hình chuẩn hãng hàng không truyền thống để đáp ứng các chuẩn mực quốc tế.
Đặc thù	<ul style="list-style-type: none"> Khan hiếm nguồn nhân lực cao cấp (đặc biệt là phi công, kỹ sư kỹ thuật). Hạ tầng kỹ thuật sân bay, số lượng điểm đỗ tàu bay tại các sân bay hạn chế. Chính sách Nhà nước về tiếp cận với quyền khai thác giờ hạ/cất cánh tại các sân bay lớn, quốc tế. An toàn bay, an ninh hàng không, các rủi ro trong quá trình khai thác bay. 	<ul style="list-style-type: none"> Tập trung đào tạo và phát triển lao động đặc thù. Nâng cao hiệu quả công tác điều hành và lập lịch bay hợp lý trong khai thác. Ký hợp đồng bảo hiểm giá nguyên liệu để phòng ngừa biến động giá, khai thác đội máy bay hiện đại tiết kiệm nhiên liệu. Giữ gìn một môi trường an toàn – an ninh tuyệt đối cho hành khách và toàn thể nhân viên.
Bảo mật thông tin	<ul style="list-style-type: none"> Tấn công mạng do tin tặc, gián điệp lấy cắp thông tin, dữ liệu Thông tin bảo mật bị lộ, mất, trao đổi, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Thông tin sai lệch, không chính xác về hoạt động của doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng. 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ chặt chẽ quy chế an ninh thông tin, quy định về ứng phó sự cố khẩn nguy CNTT, triển khai hệ thống an ninh mạng 24/7... Phát triển truyền thông theo định hướng hiện đại, chú trọng công tác truyền thông nội bộ. Thực hiện đầy đủ các quy định công bố thông tin, chủ động cung cấp thông tin chính thức kịp thời, công khai và minh bạch.

**BẠN
CÓ
BIẾT** VIETNAM AIRLINES
LÀ HÃNG
CÓ CHỈ SỐ ĐÚNG GIỜ
HÀNG ĐẦU
VIỆT NAM
TRONG NĂM 2018*.

**THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI.
CÒN BẠN?**

*Theo số liệu thống kê của Cục HKVN.



 **Vietnam Airlines** 
SẢI CẢNH VƯƠN CAO



#HànhTrìnhĐẳngCấp

ĐẶT VÉ NGAY > vietnamairlines.com

GỌI NGAY > 1900 1100

LIKE NGAY > fb/vietnamairlines

ĐĂNG KÝ NGAY > **Hội viên** LOTUSMILES



 **Vietnam Airlines** 
SẢ CÁNH VƯỜN CAO



BẠN CÓ BIẾT HANG ĐỘNG TỰ NHIÊN LỚN NHẤT THẾ GIỚI TẠI VIỆT NAM?

THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI. CÒN BẠN?

Hãy đồng hành cùng Vietnam Airlines trên hành trình chinh phục Sơn Đoòng - hang động tự nhiên lớn nhất thế giới*.

(* Trao bởi Liên minh kỷ lục thế giới và Hiệp hội kỷ lục thế giới.

#HànhTrìnhTựHào

ĐẶT VÉ NGAY > vietnamairlines.com

CỌI NGAY > **1900 1100**

LIKE NGAY > fb/vietnamairlines

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Phát triển các giá trị bền vững

Mục tiêu Phát triển Bền vững (Sustainable Development Goals - SDGs) là một bộ 17 mục tiêu phổ quát mà các nước thành viên Liên Hiệp Quốc áp dụng vào chương trình nghị sự và chính trị đến năm 2030 sau khi Các Mục tiêu Phát triển Thiên Niên kỷ (Millennium Development Goals - MDGs) hết hạn vào cuối năm 2019. Đây là định hướng chiến lược cho giai đoạn mới đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế toàn cầu, nhằm khuyến

khích các quốc gia trên thế giới cùng tham gia tạo nên một thế giới năng động, phát triển hài hòa và bền vững trong dài hạn. Tại Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 thông qua 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững quốc gia đến năm 2030. Vietnam Airlines, với sứ mệnh là Hãng hàng không quốc gia cũng đang góp phần vào mục tiêu chung.



ĐÓNG GÓP CỦA VIETNAM AIRLINES CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Tăng trưởng kinh tế

- G8. Tăng trưởng kinh tế và việc làm bền vững

8 DECENT WORK AND ECONOMIC GROWTH



Bảo vệ môi trường

- G6. Nước sạch và vệ sinh
- G7. Năng lượng sạch và giá hợp lý
- G12. Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm
- G13. Hành động bảo vệ khí hậu

6 CLEAN WATER AND SANITATION



7 AFFORDABLE AND CLEAN ENERGY



12 RESPONSIBLE CONSUMPTION AND PRODUCTION



13 CLIMATE ACTION



Phát triển xã hội

- G3. Sức khỏe tốt và cuộc sống hạnh phúc
- G4. Giáo dục chất lượng
- G9. Công nghiệp, sáng tạo và hạ tầng
- G11. Phát triển đô thị bền vững

3 GOOD HEALTH AND WELL-BEING



4 QUALITY EDUCATION



9 INDUSTRY, INNOVATION AND INFRASTRUCTURE



11 SUSTAINABLE CITIES AND COMMUNITIES





G3. Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi

- Hợp tác với Operation Smile phẫu thuật nụ cười cho 55 trẻ em.
- Phục vụ 6 ca vận chuyển tạng hỗ trợ ghép tạng trên lãnh thổ Việt Nam.
- Đồng hành cùng Facing the World chuyển giao công nghệ cho 30 bác sĩ mổ hàm sọ mặt trẻ em.
- Trang bị các phòng tập thể dục thể thao, sân bóng đá, tennis hiện đại phục vụ nâng cao đời sống thể chất cho cán bộ công nhân viên.
- 100% nhân viên được khám sức khỏe định kỳ, được hưởng các chính sách bảo hiểm sức khỏe và được tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí tự nguyện.



G4. Đảm bảo giáo dục chất lượng, rộng mở và công bằng, nâng cao cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người

- 46 cán bộ tham gia các chương trình đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và năng lực quản lý tại IATA và các nhà máy sản xuất máy bay.
- 14.750 lượt học viên được huấn luyện các môn IOSA theo Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng.
- 1.230 cán bộ được đào tạo Triết lý INAMORI, thay đổi tư duy lãnh đạo theo chiến lược Đại dương xanh.
- Thường xuyên tổ chức các Hội thảo chuyên môn về các lĩnh vực thương mại, an toàn khai thác... để tạo cơ hội cho cán bộ công nhân viên tham gia thảo luận đóng góp ý kiến và hoàn thiện kiến thức chuyên môn công việc.



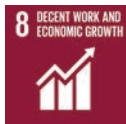
G6. Đảm bảo nguồn cung ứng và quản lý bền vững nguồn nước và các điều kiện vệ sinh môi trường cho tất cả mọi người

- Vietnam Airlines cung cấp nước sạch trên máy bay cho toàn bộ hành khách và nước sạch trong sinh hoạt cho toàn bộ cán bộ công nhân viên.
- Nước thải được xử lý theo công nghệ hiện đại.



G7. Đảm bảo việc tiếp cận năng lượng với giá hợp lý, tin cậy, bền vững và hiện đại cho tất cả mọi người

- Sử dụng tàu bay mới hiện đại (A350, B787, A321NEO) thân thiện môi trường, giảm nhiên liệu tiêu thụ, khí thải và tiếng ồn.
- Cải tiến kế hoạch quản lý, điều hành đội bay và sử dụng nhiên liệu. Năm 2018 lượng nhiên liệu bay tiết kiệm được là 6.265 tấn.



G8. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn, rộng mở và bền vững, tạo việc làm đầy đủ, năng suất cho tất cả mọi người

- Hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, ổn định, đóng góp vào ngân sách nhà nước 6.718 tỷ đồng.
- Đóng góp vào sự phát triển kinh tế quốc gia bằng việc tạo ra 22.420 việc làm.
- Thực hiện 141,3 nghìn chuyến bay và thúc đẩy giao thương, phát triển du lịch bền vững.
- Ký kết hợp tác với các doanh nghiệp lớn trong nước để thúc đẩy thương hiệu Việt Nam ra toàn thế giới.



G11 Phát triển đô thị bền vững, đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn

- Vietnam Airlines xác định an toàn là nguyên tắc số 1, không đánh đổi trong mọi hoạt động của Hãng.
- Góp phần thực thi hiệu quả chiến lược phát triển giao thông vận tải hàng không của chính phủ.
- Có chính sách miễn giảm giá vé với người khuyết tật, người cao tuổi và trẻ nhỏ.



G9. Xây dựng cơ sở hạ tầng vững chắc, đẩy mạnh công nghiệp hóa rộng mở và bền vững, khuyến khích đổi mới

- Triển khai xây dựng tòa nhà văn phòng mới với các không gian xanh, cải thiện môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp.
- Hướng tới mô hình hãng hàng không số (Digital Airlines).
- Đóng góp vào sự phát triển của hạ tầng ngành hàng không Việt Nam thông qua việc xây dựng và phát triển các cơ sở đào tạo huấn luyện và bảo dưỡng tàu bay tại các sân bay lớn.



G12. Đảm bảo các mô hình tiêu dùng và sản xuất bền vững

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải từ các dịch vụ trên tàu bay và rác thải sinh hoạt.
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, quan trắc môi trường và quản lý chất thải tại Vietnam Airlines và các công ty thành viên.



G13. Có biện pháp khẩn cấp để chống lại biến đổi khí hậu và các tác động của nó

- Đổi mới đội bay theo hướng sử dụng máy bay và động cơ thân thiện với môi trường, giảm khí thải CO2 gây hiệu ứng nhà kính.
- Trồng 11.000 cây phi lao (tương đương với 5 hecta) tạo rừng chắn sóng tại Quảng Ninh.
- Tích cực tham gia các sự kiện nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường: Giờ Trái đất, Ngày môi trường thế giới 5/6, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, gameshow, vẽ tranh về môi trường.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Tổng khối lượng nguyên vật liệu và tiêu thụ năng lượng, lượng nước sử dụng trong năm

Nhiên liệu bay: Nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất vận tải của Vietnam Airlines là nhiên liệu bay Jet A1 chiếm 99,88% tổng năng lượng tiêu thụ quy đổi. Cụ thể, trong năm 2018, Vietnam Airlines đã tiêu thụ 1.203.172 tấn nhiên liệu Jet A1 tương đương với 1.263.331 TOE (Tấn dầu tương đương).

Năng lượng cho hoạt động: Nguồn năng lượng tiêu thụ gián tiếp phục vụ cho các cơ quan tham mưu, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm điện sử dụng cho chiếu sáng, trang thiết bị văn phòng, xăng A92 sử dụng cho ô tô, dầu DO sử dụng cho máy phát điện, chiếm một lượng rất nhỏ trong tổng năng lượng tiêu thụ quy đổi.

Nước sinh hoạt: Vietnam Airlines sử dụng nước cho hoạt động hành chính, văn phòng được lấy từ hệ thống cấp nước của thành phố/tỉnh với lượng tiêu thụ khoảng 45.000m³ trong năm 2018. Nước thải sinh hoạt được xả trực tiếp ra hệ thống thoát nước chung của thành phố/tỉnh. Nước cấp cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh trực tiếp như nước sử dụng trên tàu bay, lau rửa, vệ sinh tàu bay, do đối tác cung cấp dịch vụ thực hiện.

Các giải pháp tiết kiệm năng lượng: Năm 2018, Vietnam Airlines tiếp tục triển khai thực hiện hai nhóm giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm: Nhóm giải pháp về đầu tư, đổi mới phương tiện trang thiết bị, công nghệ và nhóm giải pháp về quản lý điều hành khai thác phương tiện trang thiết bị.

- Nhóm giải pháp về đầu tư, đổi mới phương tiện trang thiết bị, công nghệ: Trong năm 2018, Vietnam Airlines đã tiếp nhận 03 tàu A321NEO

đầu tiên, động cơ được lựa chọn trên tàu bay mới này đều thỏa mãn tiêu chuẩn về khí thải CAEP 6, giảm 16% nhiên liệu tiêu thụ, 50% khí thải và 75% tiếng ồn so với loại động cơ hiện tại trên A321CEO.

- Nhóm giải pháp về quản lý điều hành khai thác phương tiện, trang thiết bị: Vietnam Airlines tiếp tục triển khai các giải pháp về quản lý điều hành khai thác đội tàu bay nhằm giảm lượng tiêu hao nhiên liệu và phát thải khí CO₂. Trong năm 2018, các giải pháp được triển khai áp dụng mới, hoặc được cải tiến và lượng nhiên liệu bay tiết kiệm được là 6.265 tấn.

Tình hình thực hiện và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường

Vietnam Airlines luôn đặt tiêu chí hàng đầu là tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường (BVMT), sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (SDNLTK&HQ). Vietnam Airlines thường xuyên cập nhật các quy định mới của pháp luật về bảo vệ môi trường thông qua các kênh khác nhau như công văn, báo chí, website về pháp luật... và tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các quy định của pháp luật về BVMT, SDNLTK&HQ.

Các hoạt động như lập báo cáo đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường, quan trắc môi trường, quản lý chất thải luôn được Vietnam Airlines triển khai đầy đủ tới các đơn vị trong cả nước và chấp hành nghiêm túc. Chất thải lỏng, rác thải từ tàu bay và rác thải sinh hoạt đều được thu gom, vận chuyển và xử lý bởi các đối tác có chức năng và được nhà nước cấp phép hoạt động. Năm 2018, Vietnam Airlines đã thực hiện kiểm toán năng lượng tuân thủ theo quy định (cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phải thực hiện kiểm toán 3 năm/lần).

Các hoạt động, chương trình bảo vệ môi trường

Nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên về bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Vietnam Airlines đã triển khai công tác truyền thông, đào tạo cho các cán bộ, nhân viên. Công tác truyền thông được triển khai rộng rãi và thiết thực vào các ngày lễ về môi trường trong năm như Ngày Môi trường thế giới 5/6, Giờ Trái đất, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn... Trong năm 2018, các hoạt động diễn ra tại tất cả các đơn vị của Vietnam Airlines, nhận được sự tham gia của hàng nghìn lượt cán bộ, nhân viên và đạt được những kết quả tích cực như:

- Phối hợp với Ban Chấp hành Trung ương Đoàn tổ chức phát động trồng cây và trao tặng 11.000 cây phi lao (tương đương 05 hecta) nhằm tạo rừng chắn sóng tại thành phố biển Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đưa tin về các hoạt động và đăng các bài viết truyền thông trên website nội bộ;
- Tổ chức gameshow có trao thưởng cung cấp và truyền thông kiến thức về môi trường trên website nội bộ với sự tham gia của hàng nghìn lượt cán bộ, nhân viên;
- Tổ chức cuộc thi vẽ tranh về môi trường cho con em của các cán bộ, nhân viên và nhận được sự tham gia hưởng ứng nhiệt tình từ các em học sinh với 160 bài dự thi.

Cải thiện môi trường xanh, sạch, đẹp

Trong năm 2018, Vietnam Airlines đã và đang triển khai xây dựng tòa nhà văn phòng mới, hiện đại và thân thiện góp phần nâng cao chất lượng môi trường làm việc cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, Vietnam Airlines còn triển khai trồng thêm nhiều cây xanh và thiết kế các không gian xanh xen kẽ trong khu vực làm việc nhằm cải thiện môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp.



Công tác an sinh xã hội

Đồng hành cùng với tổ chức phi lợi nhuận quốc tế Operation Smile (Phẫu thuật nụ cười) góp phần mang lại nụ cười cho 55 trẻ em trên cả nước.

Vietnam Airlines tiếp tục củng cố hình ảnh là một hãng hàng không có trách nhiệm với xã hội. Năm 2018 đánh dấu sự hợp tác giữa Vietnam Airlines và Trung tâm điều phối ghép tạng quốc gia. Hãng đã phục vụ 6 ca vận chuyển tạng để hỗ trợ cho các ca ghép tạng trên lãnh thổ Việt Nam, góp phần đem lại sự sống cho con người. Bộ Y Tế đã trao giải thưởng cho Vietnam Airlines về sự đóng góp của Hãng trong sự nghiệp bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Đồng hành cùng với tổ chức Facing The World (Anh Quốc) trong việc hỗ trợ đào tạo chuyển giao công nghệ cho hơn 30 bác sĩ thực hiện mổ hàm sọ mặt cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi chất độc da cam.

Trong năm 2018, Vietnam Airlines và các doanh nghiệp có vốn góp đã đóng góp 10 tỷ đồng xây dựng trường học tại các huyện Mường Nhé (Điện Biên), Minh Hóa (Quảng Bình); đóng góp 3,5 tỷ đồng cho các hoạt động ủng hộ quỹ vì người nghèo; tặng quà thương binh, gia đình liệt sĩ; trợ cấp cho cán bộ nhân viên gặp nhiều khó khăn.

Ủng hộ 100 triệu đồng cho chương trình 50 năm Hồi ức Trường Bồn - địa danh nổi tiếng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên mặt trận giao thông vận tải.



Chế độ phúc lợi cho người lao động

Xác định rõ nguồn nhân lực là động lực và mục tiêu cho sự phát triển của doanh nghiệp, Vietnam Airlines đã không ngừng nỗ lực hoàn thiện cơ chế chính sách để cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống vật chất tinh thần, khuyến khích tăng năng suất lao động, thay đổi tác phong làm việc của người lao động, khơi dậy niềm tự hào và gắn bó lâu dài với Vietnam Airlines. Ngoài chế độ lương thưởng, Vietnam Airlines luôn quan tâm triển khai đa dạng các chế độ phúc lợi cho người lao động.

Chế độ bảo hiểm

Năm 2018, Vietnam Airlines tiếp tục triển khai và duy trì hàng năm chương trình Bảo hiểm hưu trí tự nguyện nhóm nhằm bổ sung và hỗ trợ tài chính/ thu nhập cho người lao động sau khi nghỉ hưu; chương trình Bảo hiểm sức khỏe để bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động trong thời gian công tác.

Chế độ đãi ngộ, phúc lợi khác

Vietnam Airlines tiếp tục triển khai rộng rãi cho toàn bộ người lao động các chương trình thăm quan - nghỉ dưỡng trong và ngoài nước nhằm

động viên, nâng cao sức khỏe cho người lao động đồng thời tạo tinh thần đoàn kết gắn bó. Ngoài ra, Vietnam Airlines còn dành một phần nguồn quỹ phúc lợi cho các cơ quan đơn vị để phục vụ các hoạt động chung tập thể.

Các chính sách đãi ngộ khác luôn được triển khai nhằm chăm lo cho đời sống chung của cán bộ công nhân viên: Tặng quà cho các cháu thiếu nhi là con em cán bộ nhân viên nhân dịp Tết trung thu, 1/6; khen thưởng học sinh giỏi; tặng quà lao động nữ nhân dịp 8/3 và 20/10.





Vietnam Airlines



SẢ CÁNH VƯỜN CAO



BẠN CÓ BIẾT

TÒA NHÀ CHỌC TRỜI CAO NHẤT CHÂU ÂU VỪA HOÀN THÀNH TẠI NGA?

THẾ GIỚI ĐANG THAY ĐỔI. CÒN BẠN?

Hãy cùng hãng hàng không 4 sao Vietnam Airlines khám phá nước Nga và chinh phục đỉnh tháp trung tâm Lakhta – một trong những công trình mới cao nhất thế giới.

#HànhTrìnhĐăngCấp

ĐẶT VÉ NGAY > vietnamairlines.com

GỌI NGAY > **1900 1100**

LIKE NGAY > fb/vietnamairlines

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP Thông tin về Tổng Công ty

Các văn bản pháp lý liên quan đến thành lập Tổng Công ty

Quyết định số 259/2006/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam bao gồm các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc.

Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 1 tháng 7 năm 2010.

Quyết định số 3207/QĐ-BGTVT ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Giao thông Vận tải về việc quyết toán tiền thu cổ phần hóa, quyết toán chi phí cổ phần hóa, xác định lại giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP.

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100107518 ngày 26 tháng 2 năm 2019

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh sáu lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100107518 ngày 26 tháng 2 năm 2019. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Ngọc Minh	Chủ tịch
Ông Dương Trí Thành	Thành viên
Ông Tạ Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Minh	Thành viên
Ông Koji Shibata	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Trí Thành	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Tổng giám đốc (đến hết 31/12/2018)
Ông Trần Thanh Hiền	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

200 Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(a) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Dương Trí Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-00057-19-2



Trần Anh Quân
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

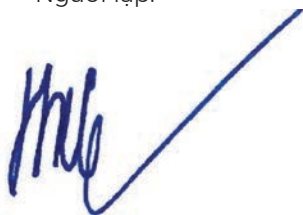
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		20.325.570.151.479	21.122.732.928.741
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.603.022.371.040	7.540.619.875.447
Tiền	111		3.077.622.371.040	2.120.415.497.010
Các khoản tương đương tiền	112		525.400.000.000	5.420.204.378.437
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.875.357.791.157	409.299.086.391
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	100.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	2.875.257.791.157	409.299.086.391
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.644.197.655.099	9.608.180.196.424
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.579.150.246.096	3.963.515.421.579
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.302.861.187.443	4.922.411.727.508
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	856.942.145.437	813.814.268.014
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(94.755.923.877)	(91.561.220.677)
Hàng tồn kho	140	10	3.685.639.354.126	3.233.835.802.911
Hàng tồn kho	141		3.919.659.998.700	3.470.521.838.511
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(234.020.644.574)	(236.686.035.600)
Tài sản ngắn hạn khác	150		517.352.980.057	330.797.967.568
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	197.729.677.714	217.230.559.291
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		299.313.004.401	89.711.666.762
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	20.310.297.942	23.855.741.515
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		62.064.686.595.665	67.427.752.946.844
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.017.197.126.541	4.176.531.225.299
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	1.412.487.563	1.394.607.563
Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	-	1.812.099.336.087
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	2.016.355.354.978	2.363.607.997.649
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(570.716.000)	(570.716.000)
Tài sản cố định	220		51.026.088.832.054	55.086.555.441.658
Tài sản cố định hữu hình	221	11	17.038.382.196.591	17.949.543.147.145
Nguyên giá	222		30.844.747.192.333	29.928.288.203.307
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.806.364.995.742)	(11.978.745.056.162)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	33.824.473.134.764	36.974.621.048.400

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Nguyên giá	225		53.319.946.513.695	53.392.830.549.661
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(19.495.473.378.931)	(16.418.209.501.261)
Tài sản cố định vô hình	227	13	163.233.500.699	162.391.246.113
Nguyên giá	228		650.588.352.630	623.390.403.932
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(487.354.851.931)	(460.999.157.819)
Tài sản dở dang dài hạn	240	14	243.234.466.291	269.625.540.621
Xây dựng cơ bản dở dang	242		243.234.466.291	269.625.540.621
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(c)	2.135.344.488.697	2.114.548.123.652
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.559.728.668.935	1.551.252.520.532
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		565.615.819.762	565.833.415.677
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(2.537.812.557)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(b)	10.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		6.642.821.682.082	5.780.492.615.614
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	6.407.829.152.512	5.530.615.533.994
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	2.588.803.995	1.331.012.795
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		232.403.725.575	248.546.068.825
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		82.390.256.747.144	88.550.485.875.585
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		63.717.833.334.911	71.117.566.152.055
Nợ ngắn hạn	310		32.170.307.308.854	32.738.421.854.141
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	14.475.373.103.938	13.805.266.299.095
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		276.996.554.424	339.531.602.893
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	617.516.443.830	425.031.867.035
Phải trả người lao động	314		1.791.123.521.201	1.568.532.261.559
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19(a)	4.281.739.090.494	4.573.543.743.638
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	1.036.566.217.436	719.522.863.991
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	627.636.005.335	1.082.048.555.836
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22(a)	8.272.535.285.842	9.689.506.851.655
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	28.860.407.446
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		790.821.086.354	506.577.400.993
Nợ dài hạn	330		31.547.526.026.057	38.379.144.297.914
Chi phí phải trả dài hạn	333	19(b)	341.827.940.563	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.874.851.636	4.364.618.372
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	807.598.496.480	758.915.862.105
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	30.193.295.541.927	37.432.775.702.145
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	201.929.195.451	183.088.115.292

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		18.672.423.412.233	17.432.919.723.530
Vốn chủ sở hữu	410	23	18.672.423.412.233	17.432.919.723.530
Vốn cổ phần	411	24	14.182.908.470.000	12.275.337.780.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.182.908.470.000	12.275.337.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.220.852.256.541	1.220.852.256.541
Vốn khác của chủ sở hữu	414		241.355.237.827	241.355.237.827
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.153.004.222.954)	(1.153.004.222.954)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		240.638.053.339	209.681.632.811
Quỹ đầu tư phát triển	418		21.447.164.147	21.447.164.147
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	1.068.628.929.237
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.024.298.861	2.024.298.861
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.365.259.327.410	2.907.620.288.230
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.040.944.409.576	553.738.204.303
LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.324.314.917.834	2.353.882.083.927
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	26	550.942.827.062	638.976.358.830
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		82.390.256.747.144	88.550.485.875.585

Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Hồ Xuân Tam
Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng



Dương Trí Thành
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

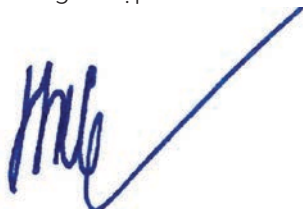
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	97.589.706.275.299	83.553.713.100.813
Các khoản giảm trừ doanh thu	20	28	779.064.557.487	602.742.605.540
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	96.810.641.717.812	7.540.619.875.447
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11		84.546.648.995.574	72.278.296.333.981
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		12.263.992.722.238	10.672.674.161.292
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.159.737.514.511	906.645.270.861
Chi phí tài chính	22	30	3.674.967.890.617	2.293.714.332.481
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.561.363.900.664	1.558.118.623.739
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(16.074.582.644)	(19.861.652.419)
Chi phí bán hàng	25	31	4.771.157.893.967	4.874.949.412.061
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	2.606.023.300.522	2.323.175.539.158
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		2.355.506.568.999	2.067.618.496.034
Thu nhập khác	31	33	995.349.933.797	1.124.558.621.123
Chi phí khác	32		38.951.674.056	37.417.629.340
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		956.398.259.741	1.087.140.991.783
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.311.904.828.740	3.154.759.487.817
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	695.812.381.497	471.377.611.879
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	17.583.288.959	24.268.611.881
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.598.509.158.284	2.659.113.264.057
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		2.335.040.234.598	2.370.500.548.767
Cổ đông không kiểm soát	62		263.468.923.686	288.612.715.290
Lãi trên cổ phiếu				(Đã điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.747	1.776

Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Hồ Xuân Tam
Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng



Dương Trí Thành
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp)

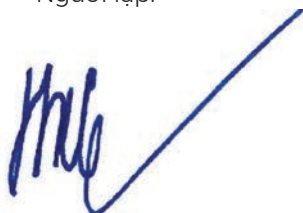
Mẫu B 03 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.311.904.828.740	3.154.759.487.817
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		5.020.071.590.237	5.192.580.322.457
Các khoản dự phòng	03		(30.868.907.829)	113.099.442.953
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		639.412.591.390	(63.985.663.924)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(482.774.387.973)	(315.261.310.952)
Chi phí lãi vay	06		1.561.363.900.664	1.558.118.623.739
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		10.019.109.615.229	9.639.310.902.090
Biến động các khoản phải thu	09		2.116.112.129.477	6.811.365.649.648
Biến động hàng tồn kho	10		(432.995.816.939)	(620.103.845.038)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		815.825.388.383	4.627.807.018.445
Biến động chi phí trả trước	12		(857.712.736.941)	(243.547.847.801)
			11.660.338.579.209	20.214.831.877.344
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.569.220.704.363)	(1.588.543.545.160)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(532.962.497.924)	(349.629.400.992)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(633.519.666.023)	(298.815.506.086)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.924.635.710.899	17.977.843.425.106
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.018.933.606.028)	(760.601.382.188)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		3.176.358.649	1.611.975.393.533
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(3.825.491.791.157)	(852.708.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		1.349.533.086.391	1.207.084.915.009
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(73.999.940.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		416.626.185.761	324.518.533.557
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.075.089.766.384)	1.456.269.519.911
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		838.941.760.763	62.675.865.832
Tiền thu từ đi vay	33		18.025.269.309.092	19.430.255.503.126
Tiền trả nợ gốc vay	34		(22.583.354.638.399)	(28.571.347.407.325)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(4.759.692.322.605)	(4.576.515.299.460)
Tiền trả cổ tức	36		(1.304.481.207.405)	(1.011.077.805.038)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.783.317.098.554)	(14.666.009.142.865)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(3.933.771.154.039)	4.768.103.802.152
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		7.540.619.875.447	2.764.885.359.376
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.826.350.368)	7.630.713.919
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	3.603.022.371.040	7.540.619.875.447

Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Hồ Xuân Tam
Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng



Dương Trí Thành
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09- DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 259/2006/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc ("các đơn vị phụ thuộc").

Căn cứ vào Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2010 về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 1 tháng 7 năm 2010, Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi thành Tổng Công ty Hàng không Việt Nam hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 và thay đổi lần thứ ba ngày 1 tháng 4 năm 2015, Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam được chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Vận chuyển hàng không đối với hành khách;
- Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp quản lý vốn sản xuất kinh doanh; đầu tư ra nước ngoài; mua, bán doanh nghiệp; góp vốn mua cổ phần và chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần;
- Vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư;
- Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài hướng dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho mục đích chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng);
- Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại nhà ga hàng không và các tỉnh, thành phố, các dịch vụ hàng không khác;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); bảo dưỡng tàu

bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không và các thiết bị kỹ thuật khác;

- Sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa; đầu tư và khai thác hạ tầng kỹ thuật tại các sân bay; nhà ga hành khách, hàng hóa, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không;
- Vận tải đa phương thức;
- Xuất nhập khẩu tàu bay; động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không (thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán) và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước;
- Sản xuất, xuất, nhập khẩu các trang thiết bị phục vụ dây chuyền vận tải hàng không;
- Sản xuất, chế biến, xuất, nhập khẩu thực phẩm để phục vụ trên tàu bay;
- Xuất, nhập khẩu xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác;
- Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác tại các cảng hàng không sân bay;
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài;
- In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm);
- Xây dựng, tư vấn xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình);
- Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài); xuất, nhập khẩu lao động;
- Khoa học, công nghệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử; và
- Đào tạo; Tài chính, ngân hàng; Cho thuê tài chính (doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty và các công ty con chỉ kinh doanh khi đạt điều kiện theo quy định của pháp luật.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có 30 đơn vị trực thuộc (bao gồm các chi nhánh trong nước và nước ngoài), 15 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2018: 30 đơn vị trực thuộc, 15 công ty con và 5 công ty liên kết).

Thông tin chi tiết các công ty con, công ty liên kết tại ngày báo cáo như sau:

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	31/12/2018			1/1/2018			Hoạt động chính
		Số cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Số cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	
Công ty con								
Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines ("Jetstar")	Việt Nam	22.044.981	68,85%	68,85%	22.044.981	68,85%	68,85%	Kinh doanh vận tải hàng không
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Việt Nam	-	100,00%	100,00%	-	100,00%	100,00%	Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC)	Việt Nam	-	100,00%	100,00%	-	100,00%	100,00%	Kinh doanh nhiên liệu hàng không
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Việt Nam	14.425.401	55,13%	55,13%	14.425.401	55,13%	55,13%	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyển bay
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Việt Nam	10.800.607	60,17%	60,17%	10.800.607	60,17%	60,17%	Cung cấp suất ăn trên máy bay
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Việt Nam	-	100,00%	100,00%	-	100,00%	100,00%	Cung cấp suất ăn cho các chuyến bay
Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt	Việt Nam	3.400.000	51,52%	51,52%	3.400.000	51,52%	51,52%	Đào tạo phi công
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Việt Nam	3.060.000	52,73%	52,73%	3.060.000	52,73%	52,73%	Cung cấp dịch vụ tin học và viễn thông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất)	Việt Nam	5.154.930	55,00%	55,00%	5.154.930	55,00%	55,00%	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyển bay
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất	Việt Nam	-	51,00%	51,00%	-	51,00%	51,00%	Vận chuyển, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	Việt Nam	4.241.160	51,00%	51,00%	4.241.160	51,00%	51,00%	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không

	Địa chỉ	31/12/2018			1/1/2018			Hoạt động chính
		Số cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Số cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	
Công ty TNHH Giao nhận Hàng hóa Vinako	Việt Nam	-	65,05%	65,05%	-	65,05%	65,05%	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải mặt đất, kho bãi
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	Việt Nam	510.000	51,00%	51,00%	510.000	51,00%	51,00%	Xuất nhập khẩu lao động
Công ty Cổ phần Sabre Việt Nam	Việt Nam	268.800	51,69%	51,69%	268.800	51,69%	51,69%	Dịch vụ đặt giữ chỗ tự động
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	Việt Nam	-	100,00%	100,00%	-	100,00%	100,00%	Dịch vụ mặt đất
Công ty liên kết								
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	Campuchia	-	49,00%	49,00%	-	49,00%	49,00%	Kinh doanh vận tải hàng không
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Việt Nam	42.835.200	32,48%	32,48%	42.835.200	32,48%	32,48%	Cho thuê máy bay
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Việt Nam	1.541.265	36,11%	36,11%	1.541.265	36,11%	36,11%	Dịch vụ phục vụ hàng không
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (Airimex)	Việt Nam	1.071.000	41,31%	41,31%	1.071.000	41,31%	41,31%	Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	Việt Nam	525.400	30,41%	30,41%	525.400	30,41%	30,41%	Sản xuất sản phẩm nhựa

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty và các công ty con có 21.335 nhân viên (1/1/2018: 20.902 nhân viên).

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm** **kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Quy định chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP được ban hành theo Quyết định số 1913/QĐ-TCTHK-TCKT ngày 18 tháng 12 năm 2015 ("Quyết định số 1913") của Tổng Công ty và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quyết định số 1913 được xây dựng dựa trên Quyết định số 2581/TCTHK-TCKT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 17011/BTC-CĐKT ngày 14 tháng 12 năm 2011. Chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP có một số khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("VAS") số 7 "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết" và VAS 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con" ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 và hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Tổng Công ty thực hiện loại trừ theo nguyên tắc số nhỏ hơn đối với số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả, cho vay và đi vay, các nghiệp vụ doanh thu và chi phí giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau trong trường hợp số liệu đối chiếu, xác nhận giữa Công ty mẹ với các công ty con hoặc giữa các công ty con không bằng nhau. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch Công ty mẹ cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty con thì khi điều chỉnh sẽ lấy theo số liệu báo cáo của công ty con; và
- Hàng tồn kho mua bán nội bộ được giả định là số tồn kho của năm trước đã được tiêu thụ hết trong năm nay.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn hoặc tăng vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn hoặc tăng vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

Như đã được trình bày tại Thuyết minh 2(a), Tổng Công ty thực hiện loại trừ theo nguyên tắc số nhỏ hơn đối với số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả, cho vay và đi vay, các nghiệp vụ doanh thu và chi phí giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau trong trường hợp số liệu đối chiếu, xác nhận giữa Tổng Công ty với các công ty con hoặc giữa các công ty con không bằng nhau. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch Tổng Công ty cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty con thì khi điều chỉnh sẽ lấy theo số liệu báo cáo của công ty con. Bên cạnh đó, hàng tồn kho mua bán nội bộ đang được giả định là số tồn kho của năm trước đã được sử dụng hết trong năm nay.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cổ tức cho các cổ đông.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(C) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác mà Tổng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty và công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được trích lập dựa trên quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Giá trị vật tư, phụ tùng máy bay nhập kho được xác định dựa trên giá mua trên hóa đơn của nhà cung cấp cộng với toàn bộ chi phí liên quan đến nhập vật tư, phụ tùng (như thuế nhập khẩu, phí ủy thác, chi phí vận chuyển).

Phương pháp tính giá hàng tồn kho:

- Đơn giá xuất kho đối với các loại vật tư, hàng hóa không phải là vật tư, phụ tùng máy bay được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Đơn giá vật tư, phụ tùng máy bay xuất kho trong năm được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Giá trị vật tư, phụ tùng máy bay xuất kho sử dụng được đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc:

- Đối với vật tư, phụ tùng máy bay tiêu hao, xuất dùng một lần, không sửa chữa được, giá xuất kho bằng 100% giá trị của vật tư, phụ tùng và được phản ánh toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 1.500 USD đến 50.000 USD khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 50.000 USD trở lên khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty và các công ty con được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty và các công ty con được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Trong trường hợp tài sản cố định hữu hình là máy bay, phần hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay được ghi nhận theo nguyên tắc sau:

- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là dịch vụ không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là phụ tùng vật tư hoặc thiết bị không chắc chắn sẽ nhận được thì không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận;
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là thiết bị chắc chắn sẽ nhận được và có danh mục cụ thể khi bàn giao được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Máy bay 16 – 20 năm

- Động cơ máy bay 10 năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc 10 – 30 năm
- Máy móc, thiết bị 5 – 10 năm
- Phương tiện vận tải mặt đất 7 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 3 – 5 năm
- Tài sản cố định khác 5 – 7 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty và các công ty con đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 đến 30 năm. Tổng Công ty và các công ty con không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính bao gồm phần mềm quản lý doanh thu vận chuyển hành khách/hàng hóa, phần mềm quản lý hàng hóa, và phần mềm kế toán. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến bảy năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay và thân máy bay

Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay và thân máy bay đã phát sinh được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh tính từ thời điểm đại tu, sửa chữa hoàn thành. Đối với động cơ máy bay thuê, chi phí sửa chữa lớn là giá trị sửa chữa sau khi đã trừ phần thu hồi quỹ đại tu từ bên cho thuê máy bay. Chi phí sửa chữa lớn thân máy bay, động cơ chính, động cơ phụ và càng máy bay cho mỗi lần có giá trị tương đương từ 300.000 USD trở lên sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm. Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trong năm nếu giá trị nhỏ hơn 300.000 USD.

Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay quy định trong hợp đồng bảo dưỡng động cơ theo giờ được trích trước và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên số giờ bay.

(ii) Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu vay mua máy bay

Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu hợp đồng huy động vốn mua máy bay theo hình thức thuê tài chính và các chi phí khác liên quan đến hợp đồng huy động vốn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian huy động vốn.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm:

- Các tài sản Tổng Công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ trong thời gian 2 năm;
- Các vật tư, phụ tùng quay vòng thực hiện phân bổ đều hàng năm (Thuyết minh số 3(f)).

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Nghĩa vụ hoàn trả máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay ký giữa Tổng Công ty/các công ty con và các bên cho thuê, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của máy bay như khi được bàn giao (ngoại trừ các hao mòn tự nhiên) khi hoàn trả lại máy bay cho bên cho thuê tại cuối thời hạn thuê. Theo Công văn số 11876/BTC-ĐKT của Bộ Tài chính, Tổng Công ty có thể ghi nhận chi

phí trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh hoặc lập dự phòng hoàn trả máy bay trong thời gian thuê. Tổng Công ty và các công ty con hiện đang áp dụng chính sách ghi nhận chi phí trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh.

(n) Doanh thu chưa thực hiện từ chương trình khách hàng thường xuyên

Tổng Công ty thực hiện chương trình Bông Sen Vàng cho các khách hàng thường xuyên, theo đó khách hàng sẽ được tích lũy điểm thưởng khi mua hàng hóa hoặc sử dụng dịch vụ của Tổng Công ty hay một số đối tác cụ thể của Tổng Công ty. Phần doanh thu tương ứng với số điểm tích lũy mà khách hàng dự kiến lấy thưởng được xác định theo giá trị hợp lý và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là doanh thu trong năm nếu khách hàng lấy thưởng hoặc điểm thưởng tích lũy hết hạn.

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm báo cáo bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận vào một tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận vào tài khoản tương ứng thuộc vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu vận chuyển hàng không

Các khoản thu bán chứng từ vận chuyển (bao gồm vé và các chứng từ vận chuyển khác) được ghi nhận là khoản phải trả người bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị khoản phải trả người bán này được kết chuyển vào doanh thu phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được thực hiện.

Doanh thu chuyên cơ, thuê chuyển được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ được hoàn thành trong thời gian ngắn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ hoàn thành. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức và lợi nhuận nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư hoặc trước giai đoạn cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là hàng không và các hoạt động phụ trợ.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ban Giám đốc Tổng Công ty xác định Việt Nam là quốc gia duy nhất có phát sinh doanh thu trên 10% tổng doanh thu, và do đó là một bộ phận cần được báo cáo. Tài sản, các chi phí và nợ phải trả liên quan không được phân bổ do đặc thù hoạt động ngành hàng không của Tổng Công ty và các công ty con là tài sản hầu hết được đăng ký và quản lý tại Việt Nam nhưng hoạt động ở khắp các đường bay trên toàn thế giới.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	17.937.035.532	19.506.094.579
Tiền gửi ngân hàng	2.914.915.515.114	1.941.174.835.253
Tiền đang chuyển	144.769.820.394	159.734.567.178
Các khoản tương đương tiền	525.400.000.000	5.420.204.378.437
	3.603.022.371.040	7.540.619.875.447

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm 838.942 triệu VND (1/1/2018: Không) bị hạn chế sử dụng cho đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận việc nhận được báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu (ngày 5 tháng 1 năm 2019).

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
Chứng khoán kinh doanh	10.000	100.000.000	-	-

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	2.875.257.791.157	2.875.257.791.157	409.299.086.391	409.299.086.391
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	(*)	-	-

Giá trị hợp lý của tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(c) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết				
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	868.495.011.091	634.035.976.080	868.495.011.091	693.002.099.683
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	439.335.275.853	883.362.106.269	439.335.275.853	813.811.668.258
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	86.652.841.772	20.493.180.634	86.652.841.772	23.389.162.523
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (Airimex)	22.812.300.000	16.583.405.952	22.812.300.000	15.795.590.068
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	6.166.335.863	5.254.000.000	6.166.335.863	5.254.000.000
	1.423.461.764.579	1.559.728.668.935	1.423.461.764.579	1.551.252.520.532

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty TNHH MTV Đầu tư Du lịch và Vận tải biển Phương Nam	185.050.002.264	-	185.050.002.264	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	119.686.420.000	-	119.686.420.000	-
Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	52.000.000.000	-	52.000.000.000	(2.269.433.432)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận Hàng không ALS	65.049.600.000	-	65.049.600.000	-
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT)	6.161.138.309	-	6.161.138.309	-
Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	17.000.000.000	-	17.000.000.000	(268.379.125)
Khác	668.659.189	-	886.255.104	-

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì (i) đối với các khoản đầu tư vào các đơn vị đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, trong kỳ số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của các đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu niêm yết không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư; và (ii) các khoản đầu tư còn lại không có giá niêm yết trên thị trường. Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

(d) Biến động của đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	1.551.252.520.532	1.579.127.638.033
Tăng trong năm	-	4.558.600.000
Phần lỗ trong công ty liên kết phát sinh trong năm	(16.074.582.644)	(19.861.652.419)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ các hoạt động ở nước ngoài (Thuyết minh 23)	30.956.420.528	4.806.655.949
Cổ tức được chia	-	(17.530.770.808)
Biến động khác	(6.405.689.481)	152.049.777
Số dư cuối năm	1.559.728.668.935	1.551.252.520.532

6. Phải thu của khách hàng

(a) Chi tiết phải thu của khách hàng

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu từ các đại lý bán sản phẩm vận chuyển hành khách	2.072.099.104.668	1.942.357.851.888
Phải thu từ các hãng hàng không khác	431.100.723.118	432.788.992.725
Phải thu cước vận chuyển hàng hóa	402.147.798.003	358.169.026.116
Phải thu ngắn hạn khác	1.675.215.107.870	1.231.594.158.413
	4.580.562.733.659	3.964.910.029.142

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngắn hạn	4.579.150.246.096	3.963.515.421.579
Dài hạn	1.412.487.563	1.394.607.563
	4.580.562.733.659	3.964.910.029.142

(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty liên kết		
Hãng hàng không Cambodia Angkor Air	41.886.630.831	61.954.565.121

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả theo thời hạn đã thỏa thuận.

7. Trả trước cho người bán

(a) Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trả trước tiền mua máy bay	2.830.861.941.943	3.002.686.694.503
Trả trước tiền thuê máy bay	546.675.660.800	524.146.980.576
Trả trước chi phí sửa chữa lớn chờ cần trừ với	419.894.401.050	1.076.120.156.565
Quỹ đại tu	505.429.183.650	319.457.895.864
Trả trước khác	4.302.861.187.443	4.922.411.727.508

(b) Trả trước cho người bán dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trả trước tiền mua máy bay	-	1.812.099.336.087

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đặt cọc thuê máy bay ngắn hạn (*)	314.832.160.093	275.591.139.686
Phải thu quỹ bảo dưỡng máy bay	169.736.779.534	-
Phải thu lãi tiền gửi	103.253.045.367	13.727.001.647
Phải thu về cổ tức được chia	1.491.948.728	7.197.032.509
Tạm ứng	15.796.974.903	18.722.636.112
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	15.696.503.281	59.657.236.243
Tạm nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng	-	248.083.968.925
Phải thu khác	236.134.733.531	190.835.252.892
	856.942.145.437	813.814.268.014

(*) Đặt cọc thuê máy bay ngắn hạn là khoản tiền Tổng Công ty đặt cọc để thuê tàu bay và sẽ được hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đặt cọc thuê máy bay, động cơ máy bay	1.835.931.222.039	2.161.725.502.990
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ dài hạn khác	173.452.737.540	196.219.810.160
Phải thu dài hạn khác	6.971.395.399	5.662.684.499
	2.016.355.354.978	2.363.607.997.649

(c) Phải thu khác từ bên liên quan

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (*)	383.449.877.584	431.497.039.009

(*) Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam thể hiện tiền đặt cọc thuê máy bay của Tổng Công ty.

Khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả theo thời hạn đã thỏa thuận.

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2018			1/1/2018				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Hàng không								
Đông Dương	Trên 5 năm	38.537.918.851	(38.537.918.851)	-	Trên 5 năm	38.537.918.851	(38.537.918.851)	-
Đại lý Global Flight	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	3.039.295.020	(3.039.295.020)	-
Air Fast Ticket Group	Trên 3 năm	5.329.934.603	(5.329.934.603)	-	Trên 3 năm	5.506.563.686	(5.506.563.686)	-
Các đối tượng khác	1 - 20 năm	68.511.928.858	(51.458.786.423)	17.053.142.435	1 - 20 năm	46.383.080.886	(45.048.159.120)	1.334.921.766
		112.379.782.312	(95.326.639.877)	17.053.142.435		93.466.858.443	(92.131.936.677)	1.334.921.766
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn			(94.755.923.877)				(91.561.220.677)	
Dự phòng phải thu khó đòi - dài hạn			(570.716.000)				(570.716.000)	

10. Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	355.704.351.960	-	4.219.742.099	-
Nguyên vật liệu	1.253.186.467.578	(234.020.644.574)	1.173.131.546.033	(236.686.035.600)
Công cụ và dụng cụ	69.959.903.466	-	70.791.009.732	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	91.045.141.108	-	28.755.770.550	-
Hàng hóa (*)	2.130.909.649.569	-	2.175.855.776.125	-
Hàng hóa kho bảo thuế	16.064.811.631	-	15.546.402.609	-
Hàng gửi đi bán	2.789.673.388	-	2.221.591.363	-
	3.919.659.998.700	(234.020.644.574)	3.470.521.838.511	(236.686.035.600)

(*) Hàng hóa tồn kho chủ yếu là xăng dầu Jet A1 tại Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam, một công ty con của Tổng Công ty.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 77.513 triệu VND nguyên vật liệu được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được (1/1/2018: 77.744 triệu VND) và 210.227 triệu VND nguyên vật liệu lỗi thời, chậm luân chuyển (1/1/2018: 199.180 triệu VND).

11. Tài sản cố định hữu hình

	Máy bay, động cơ máy bay VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải mặt đất VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	22.326.675.542.074	2.240.480.316.437	3.064.820.594.944	1.325.878.093.217	691.846.460.829	278.587.195.806	29.928.288.203.307
Tăng trong năm	-	6.845.361.582	353.460.196.096	114.729.980.998	73.934.224.252	23.541.803.679	572.511.566.607
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	201.152.664.632	221.290.959.928	-	30.128.932.993	-	452.572.557.553
Điều chỉnh nguyên giá	(20.462.804.366)	246.669.823	213.083.186	-	165.000	-	(20.002.886.357)
Phân loại lại	-	-	2.287.486.570	339.630.000	(2.627.116.570)	-	-
Thanh lý và xóa sổ	-	(1.265.299.504)	(52.523.160.662)	(10.744.087.334)	(17.580.525.097)	(6.145.277.323)	(88.258.349.920)
Biến động khác	-	(363.898.857)	-	-	-	-	(363.898.857)
Số dư cuối năm	22.306.212.737.708	2.447.095.814.113	3.589.549.160.062	1.430.203.616.881	775.702.141.407	295.983.722.162	30.844.747.192.333
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	7.328.442.858.946	955.704.260.260	2.176.210.101.638	862.613.803.782	495.973.020.507	159.801.011.029	11.978.745.056.162
Khấu hao trong năm	1.333.525.215.066	114.900.586.525	253.544.463.069	112.202.684.760	78.534.678.226	23.503.590.809	1.916.211.218.455
Phân loại lại	-	-	2.107.693.589	186.229.594	(2.293.923.183)	-	-
Thanh lý và xóa sổ	-	(1.265.299.504)	(52.686.119.568)	(10.718.234.795)	(16.562.107.010)	(5.810.179.717)	(87.041.940.594)
Biến động khác	-	(1.954.226.797)	-	404.888.516	-	-	(1.549.338.281)
Số dư cuối năm	8.661.968.074.012	1.067.385.320.484	2.379.176.138.728	964.689.371.857	555.651.668.540	177.494.422.121	13.806.364.995.742
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	14.998.232.683.128	1.284.776.056.177	888.610.493.306	463.264.289.435	195.873.440.322	118.786.184.777	17.949.543.147.145
Số dư cuối năm	13.644.244.663.696	1.379.710.493.629	1.210.373.021.334	465.514.245.024	220.050.472.867	118.489.300.041	17.038.382.196.591

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 2.915.473 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 2.784.163 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 10.749.614 triệu VND (1/1/2018: 12.981.072 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con

12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy bay và động cơ máy bay VND	Máy móc, thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	53.392.380.549.661	450.000.000	53.392.830.549.661
Điều chỉnh nguyên giá	(72.884.035.966)	-	(72.884.035.966)
Số dư cuối năm	53.319.496.513.695	450.000.000	53.319.946.513.695
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	16.417.870.186.747	339.314.514	16.418.209.501.261
Khấu hao trong năm	3.077.153.192.184	110.685.486	3.077.263.877.670
Số dư cuối năm	19.495.023.378.931	450.000.000	19.495.473.378.931
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	36.974.510.362.914	110.685.486	36.974.621.048.400
Số dư cuối năm	33.824.473.134.764	-	33.824.473.134.764

13. Tài sản cố định vô hình

Tổng Công ty đang thuê tài chính 38 máy bay bao gồm các loại máy bay A321, B787 và ATR72-500. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tổng Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này theo điều kiện trong hợp đồng. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh số 22(d)).

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	101.376.307.850	495.607.227.315	26.406.868.767	623.390.403.932
Tăng trong năm	187.229.356	27.251.519.342	-	27.438.748.698
Thanh lý	-	(240.800.000)	-	(240.800.000)
Số dư cuối năm	101.563.537.206	522.617.946.657	26.406.868.767	650.588.352.630
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	31.772.635.292	428.019.653.760	1.206.868.767	460.999.157.819
Khấu hao trong năm	186.175.652	26.410.318.460	-	26.596.494.112
Thanh lý	-	(240.800.000)	-	(240.800.000)
Số dư cuối năm	31.958.810.944	454.189.172.220	1.206.868.767	487.354.851.931
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	69.603.672.558	67.587.573.555	25.200.000.000	162.391.246.113
Số dư cuối năm	69.604.726.262	68.428.774.437	25.200.000.000	163.233.500.699

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản với nguyên giá 430.993 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 346.963 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 25.200 triệu VND (1/1/2018: 25.200 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

14. Xây dựng cơ bản dở dang

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Dự án đầu tư trang thiết bị mặt đất giai đoạn 2016 - 2018	87.314.015.450	-
ULD giai đoạn 2017 - 2018	-	10.351.607.350
Trung tâm đào tạo Giai đoạn 2	85.664.170.075	4.326.773.433
Dự án xây dựng hỗ trợ dịch vụ mặt đất tại Sân bay Tân Sơn Nhất – Giai đoạn 2	17.837.109.000	17.837.109.000
Trạm cấp nhiên liệu sân bay Phú Quốc	15.120.894.219	-
Dự án “Cơ sở chế biến ăn HK Nội Bài”	-	161.395.322.416
Dự án xây dựng bể chứa nước 3200m3 – kho Cam Ranh	-	10.259.705.926
Kho nhiên liệu Sân bay Liên Khương	-	11.030.600.817
Máy rửa dụng cụ hàng không	-	11.008.582.500
Các dự án khác	37.298.277.547	43.415.839.179
	243.234.466.291	269.625.540.621

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí thuê máy bay và động cơ máy bay	87.620.470.570	93.209.350.039
Hoa hồng thu bán chứng từ vận chuyển (*)	55.780.608.886	77.376.881.883
Chi phí bảo hiểm	10.061.152.416	3.827.855.173
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	44.267.445.842	42.816.472.196
	197.729.677.714	217.230.559.291

(*) Đây là khoản hoa hồng của các chứng từ vận chuyển đã bán nhưng dịch vụ vận chuyển chưa được thực hiện. Khoản trả trước này sẽ được hạch toán vào chi phí khi dịch vụ vận chuyển được thực hiện hoặc khi các chứng từ vận chuyển đã hết hạn.

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa lớn động cơ, thân máy bay VND	Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu vay mua máy bay VND	Chi phí phụ tùng máy bay, công cụ dụng cụ quay vòng VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.890.830.795.910	1.816.076.517.988	598.309.351.552	225.398.868.544	5.530.615.533.994
Tăng trong năm	3.861.811.354.900	-	420.052.698.104	191.589.411.540	4.473.453.464.544
Thanh lý	-	-	(208.254.000)	(7.676.770)	(215.930.770)
Phân loại lại	(408.822.913)	-	-	408.822.913	-
Phân bổ trong năm	(2.757.687.058.862)	(257.636.675.062)	(401.287.445.892)	(179.412.735.440)	(3.596.023.915.256)
Số dư cuối năm	3.994.546.269.035	1.558.439.842.926	616.866.349.764	237.976.690.787	6.407.829.152.512

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tiền thuê đất	20%	1.522.491.193	-
Tài sản cố định	20%	388.495.249	636.011.620
Các khoản khác	20%	677.817.553	695.001.175
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.588.803.995	1.331.012.795
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Dự phòng	20%	(201.621.872.969)	(183.051.888.659)
Các khoản khác	20%	(307.322.482)	(36.226.633)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(201.929.195.451)	(183.088.115.292)
		(199.340.391.456)	(181.757.102.497)
Phân loại trên bảng cân đối kế toán			
Tài sản dài hạn khác		2.588.803.995	1.331.012.795
Nợ phải trả dài hạn		(201.929.195.451)	(183.088.115.292)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần		(199.340.391.456)	(181.757.102.497)

17. Phải trả người bán

(a) Chi tiết phải trả người bán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO (i)	8.638.816.242.765	7.626.772.137.160
Phải trả người bán và phải trả Interlines	4.441.208.362.838	5.031.590.204.053
Phải trả thu bán thuế trên giá vé (ii)	1.366.636.376.136	1.110.497.876.995
Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hàng hóa	7.418.577.661	16.271.654.103
Phải trả người bán khác	21.293.544.538	20.134.426.784
	14.475.373.103.938	13.805.266.299.095

- (i) Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO phản ánh giá trị khách hàng đã mua dịch vụ nhưng chưa sử dụng tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- (ii) Phải trả thu bán thuế trên giá vé phản ánh giá trị các khoản Tổng Công ty và các công ty con phải trả cơ quan thuế hoặc nhà quản lý sân bay, bao gồm các loại thuế phát sinh khi bán vé cho hành khách và các loại thuế sẽ phát sinh nghĩa vụ phải trả khi thực hiện dịch vụ vận chuyển.

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty liên kết:		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (Airimex)	40.027.554.440	55.252.302.254

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

18. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2018			31/12/2018		
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp trong năm sau khi bù trừ VND	Số đã nộp trong năm VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế						
Thuế giá trị gia tăng	11.942.086.694	53.763.697.276	1.596.632.946.160	(1.532.363.116.348)	9.307.995.749	115.399.436.143
Thuế xuất nhập khẩu	9.598.294.507	-	477.875.967.004	(478.280.474.098)	10.002.801.601	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.224.510.091	104.343.831.039	685.054.400.349	(532.962.497.924)	653.007.319	254.864.230.692
Thuế thu nhập cá nhân	75.704.023	29.892.256.589	910.907.073.685	(865.804.517.921)	99.244.219	75.018.352.549
Thuế tài nguyên	-	3.686.320	66.280.160	(267.340.240)	197.373.760	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.354.816.206	60.414.762.886	(61.804.308.186)	34.729.094	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	182.851.932.000	2.271.007.353.000	(2.286.559.608.000)	-	167.299.677.000
Thuế nhà thầu	-	52.515.254.627	58.601.534.525	(106.258.687.270)	-	4.858.101.882
Các loại thuế khác	-	306.392.798	4.014.934.651	(4.251.425.774)	-	69.901.675
Các khoản phải nộp khác						
Phí, lệ phí	15.146.200	180	485.162.767	(478.419.058)	15.146.200	6.743.889
	23.855.741.515	425.031.867.035	6.065.060.415.187	(5.869.030.394.819)	20.310.297.942	617.516.443.830

Theo biên bản thanh tra thuế ngày 28 tháng 4 năm 2011 do Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines (“JPA”), một công ty con của Tổng Công ty, phải thanh toán cho Ngân sách Nhà nước số tiền nợ thuế tăng thêm cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 303 tỷ VND, trong đó nợ thuế và tiền phạt thuế lần lượt là 186 tỷ VND và 117 tỷ VND.

Căn cứ vào Điều 6.1.c của Hợp đồng Đầu tư và Chuyển nhượng Cổ phần ngày 26 tháng 4 năm 2007 giữa Qantas Airways Limited, Qantas Asia Investment Company (Singapore) Pte., Ltd, và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (“SCIC”), SCIC đồng ý hoàn trả lại cho JPA bất kỳ khoản nợ phải trả nào chưa được ghi nhận bao gồm nợ thuế tích dồn hoặc đã được JPA báo cáo ngày 31 tháng 7 năm 2007.

Từ tháng 8 năm 2012 đến tháng 2 năm 2013, JPA đã thanh toán một phần khoản nợ thuế này là 63.522.344.280 VND, đây là khoản tiền nợ thuế liên quan tới giai đoạn sau khi Qantas Asia Investment Company (Singapore) Pte., Ltd, đầu tư vào JPA (sau ngày 31 tháng 7 năm 2007).

Theo Công văn số 3106/TCT-QLN do Tổng cục Thuế ban hành ngày 29 tháng 8 năm 2012, JPA được phép hoãn thanh toán khoản phạt thuế cho đến khi có các hướng dẫn khác. Ngày 4 tháng 2 năm 2013, Bộ Tài chính gửi Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh công văn số 1894/BTC-TCT. Theo đó, Bộ Tài chính đề nghị Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh tạm dừng việc cưỡng chế đối với khoản nợ thuế 127,8 tỷ VND trước ngày 31 tháng 7 năm 2007 của JPA cho đến khi có hướng dẫn mới.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản nợ thuế và phạt thuế còn lại lần lượt là 127,8 tỷ VND và 117 tỷ VND chưa được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất.

19. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí phục vụ chuyến bay	960.012.497.148	734.864.514.023
Chi phí nhiên liệu	323.959.239.960	431.013.630.165
Chi phí thuê, sửa chữa máy bay	1.466.413.600.756	2.176.221.535.589
Chi phí lãi vay	184.058.815.268	191.915.618.967
Các khoản trích trước khác	1.347.294.937.362	1.039.528.444.894
	4.281.739.090.494	4.573.543.743.638

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí thuê, sửa chữa máy bay	341.827.940.563	-

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Doanh thu từ chương trình khách hàng thường xuyên	1.012.228.635.046	708.476.808.282
Khác	24.337.582.390	11.046.055.709
	1.036.566.217.436	719.522.863.991

21. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí bảo dưỡng tàu bay (*)	188.443.048.121	542.796.815.401
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	46.722.064.756	150.347.051.804
Cổ tức phải trả	2.686.043.598	3.485.476.224
Phải trả phụ tùng, vật tư	-	76.346.779.671
Các khoản phải trả, phải nộp khác	389.784.848.860	309.072.432.736
	627.636.005.335	1.082.048.555.836

(*) Chi phí bảo dưỡng tàu bay phản ánh quỹ đại tu mà Tổng Công ty giữ cho các tàu bay cho thuê.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Nhận trước khoản hỗ trợ tín dụng được cấp theo hợp đồng vật liệu và sửa chữa động cơ máy bay	306.861.245.824	306.861.245.824
Nhận quỹ đại tu và đặt cọc tiền thuê máy bay	306.610.693.421	249.570.353.914
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	194.126.557.235	202.484.262.367
	807.598.496.480	758.915.862.105

(c) Phải trả khác cho các bên liên quan

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty liên kết		
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	306.610.693.421	249.570.353.914

Khoản phải trả các bên liên quan phản ánh quỹ đại tu và tiền đặt cọc thuê máy bay và phải hoàn trả theo thỏa thuận.

22. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2018		Biến động trong năm			31/12/2018
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn (Thuyết minh (c)(i))	2.247.201.644.107	17.810.821.043.292	(17.480.910.813.864)		(14.959.652.913)	2.562.152.220.622
Vay dài hạn đến hạn trả	2.796.042.521.053	3.610.399.908.927	(5.102.443.824.535)		3.626.291.592	1.307.624.897.037
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả	4.646.262.686.495	4.473.996.575.891	(4.759.692.322.605)		42.191.228.402	4.402.758.168.183
	9.689.506.851.655	25.895.217.528.110	(27.343.046.961.004)		30.857.867.081	8.272.535.285.842

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn (Thuyết minh (c)(ii))	9.953.019.304.169	14.662.704.422.644
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh (d))	25.950.659.302.978	30.212.376.487.049
	35.903.678.607.147	44.875.080.909.693
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(5.710.383.065.220)	(7.442.305.207.548)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	30.193.295.541.927	37.432.775.702.145

(c) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay

(i) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn

	Loại tiền	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	567.936.528.980	880.838.088.160
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	USD	570.692.725.637	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	VND	75.744.130.308	15.268.421.878
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	USD	395.370.010.441	76.013.456.473
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	USD	365.609.685.661	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	209.205.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	203.669.990.791	657.556.579.159
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	-	264.726.771.856
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	103.577.604.114	63.446.084.922
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	VND	66.844.789.690	81.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	3.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	VND	1.755.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	USD	-	127.816.439.410
Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIBBank)	USD	-	76.496.849.630
Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIBBank)	VND	-	4.038.952.619
		2.562.152.220.622	2.247.201.644.107

Các khoản vay từ ngân hàng không được đảm bảo.

(ii) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	VND	2021 - 2024	129.151.592.921	258.742.225.761
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	USD	2028	5.115.075.577.444	6.582.392.121.453
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	USD	2024	927.896.832.000	2.082.694.864.507
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (*)	VND	2019-2021	12.497.668.000	26.709.477.000
Cathay United Bank (Taiwan)	USD	2023	-	748.122.431.773
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (*)	USD	2020	-	43.234.785.258
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	VND	2022	84.302.248.290	47.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	USD	2024	846.954.583.777	969.152.465.398
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	2028	1.377.714.985.481	1.495.853.999.933
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (*)	VND	2022 - 2024	37.800.504.143	128.689.563.332
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (*)	USD	2022 - 2024	208.341.480.204	771.746.895.591
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	2025	449.978.760.000	504.393.120.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	2022	76.590.187.737	65.464.609.793
Ngân hàng TNHH Indovina	USD	2022	318.964.536.000	622.858.942.255
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (*)	VND	2022	6.327.168.000	33.081.080.000
Ngân hàng Credit Agricole	USD	2020	43.931.105.853	75.922.550.162
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	VND	2019 - 2023	306.587.975.969	197.702.890.688
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	EUR	2020	1.806.518.350	3.084.359.740
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	2023	4.767.740.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	2021	4.329.840.000	5.858.040.000
			9.953.019.304.169	14.662.704.422.644
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(1.307.624.897.037)	(2.796.042.521.053)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			8.645.394.407.132	11.866.661.901.591

(*) Các khoản vay ngân hàng này được đảm bảo bằng tài sản có giá trị còn lại là 10.774.814 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 13.167.667 triệu VND) (Thuyết minh 11, Thuyết minh 13). Các khoản vay còn lại được bảo lãnh của Bộ Tài chính hoặc tín chấp.

(d) Các khoản nợ thuê tài chính

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tập đoàn ING	9.825.128.220.926	10.730.185.325.943
Ngân hàng Citibank	8.993.171.834.817	10.366.357.326.554
Ngân hàng DVB	2.029.125.000.000	2.189.206.250.002
Ngân hàng JP Morgan Chase	1.914.424.971.611	2.173.476.703.926
Ngân hàng HSBC	1.789.872.533.509	2.143.696.988.852
Ngân hàng Credit Agricole	1.398.936.742.115	2.609.453.891.772
	25.950.659.302.978	30.212.376.487.049

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	5.274.099.493.940	871.341.325.757	4.402.758.168.183
Trong vòng 2 đến 5 năm	16.145.743.590.636	2.106.890.478.879	14.038.853.111.757
Sau 5 năm	8.040.873.984.835	531.825.961.797	7.509.048.023.038
	29.460.717.069.411	3.510.057.766.433	25.950.659.302.978

Ngày 1 tháng 1 năm 2018

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	5.420.513.765.100	774.251.078.605	4.646.262.686.495
Trong vòng 2 đến 5 năm	16.943.552.391.806	1.882.165.046.565	15.061.387.345.241
Sau 5 năm	11.101.187.326.734	596.460.871.421	10.504.726.455.313
	33.465.253.483.640	3.252.876.996.591	30.212.376.487.049

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ có số dư xấp xỉ 1.119 triệu USD (1/1/2018: 1.328 triệu USD).

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND
Số dư tại ngày 1/1/2017	12.275.337.780.000	1.220.852.256.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-
Ảnh hưởng của giao dịch thay đổi tỷ lệ sở hữu tại các công ty con	-	-	-	-
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ (Thuyết minh 3(b)(ii))	-	-	-	-
Điều chỉnh do quyết toán quỹ lương	-	-	-	-
Biến động khác	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2018	12.275.337.780.000	1.220.852.256.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)
Phát hành cổ phiếu	1.907.570.690.000	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ (Thuyết minh 3(b)(ii))	-	-	-	-
Biến động khác	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2018	14.182.908.470.000	1.220.852.256.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)

Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (*) VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
204.874.976.862	21.447.164.147	1.068.628.929.237	2.024.298.861	1.801.088.143.876	15.682.604.564.397
-	-	-	-	2.370.500.548.767	2.370.500.548.767
-	-	-	-	(547.482.414.773)	(547.482.414.773)
-	-	-	-	(736.520.266.800)	(736.520.266.800)
-	-	-	-	138.903.562	138.903.562
4.806.655.949	-	-	-	-	4.806.655.949
-	-	-	-	19.129.954.166	19.129.954.166
-	-	-	-	765.419.432	765.419.432
209.681.632.811	21.447.164.147	1.068.628.929.237	2.024.298.861	2.907.620.288.230	16.793.943.364.700
-	-	(1.068.628.929.237)	-	-	838.941.760.763
-	-	-	-	2.335.040.234.598	2.335.040.234.598
-	-	-	-	(892.935.824.045)	(892.935.824.045)
-	-	-	-	(982.027.022.400)	(982.027.022.400)
30.956.420.528	-	-	-	-	30.956.420.528
-	-	-	-	(2.438.348.973)	(2.438.348.973)
240.638.053.339	21.447.164.147	-	2.024.298.861	3.365.259.327.410	18.121.480.585.171

Biến động lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày tại Thuyết minh số 26. Thuyết minh số 26 cần được đọc cùng với thuyết minh này để có đầy đủ thông tin về biến động vốn chủ sở hữu.

(*) Theo biên bản kiểm tra quyết toán chi phí cổ phần hóa, chi phí lao động dôi dư, xác định lại giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sở hữu giữa Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính và Tổng Công ty ngày 4 tháng 10 năm 2016, Tổng Công ty được phép giữ lại số dư Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp để cổ đông Nhà nước thực hiện nghĩa vụ mua cổ phiếu phát hành thêm của Tổng Công ty khi doanh nghiệp thực hiện phương án tăng vốn điều lệ. Trong năm 2018, Tổng Công ty phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu bao gồm Nhà nước và chuyển quỹ này sang khoản tăng vốn cổ phần theo Quyết định số 2258/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 3 tháng 12 năm 2018.

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt				
	1.418.290.847	14.182.908.470.000	1.227.533.778	12.275.337.780.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.418.290.847	14.182.908.470.000	1.227.533.778	12.275.337.780.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.418.290.847	14.182.908.470.000	1.227.533.778	12.275.337.780.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi ngày 26 tháng 2 năm 2019, tổng vốn cổ phần của Tổng Công ty là 14.182.908.470.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn cổ phần đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp tại ngày 31/12/2018 VND
Cổ đông Nhà nước	1.222.368.291	86,19	12.223.682.910.000
Tập đoàn Hàng không Nhật Bản ANA Holding Inc (ANA)	124.438.698	8,77	1.244.386.980.000
Các cổ đông khác	71.483.858	5,04	714.838.580.000
	1.418.290.847	100,00	14.182.908.470.000

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 10 tháng 5 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 982.027 triệu VND (800 VND trên một cổ phiếu) (Năm 2017: 736.520 triệu VND).

26. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	638.976.358.830	562.039.355.295
Tăng vốn trong năm	-	60.246.920.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	2.428.945.832
Lợi nhuận thuần trong năm	263.468.923.686	288.612.715.290
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(24.827.527.339)	(19.180.839.436)
Cổ tức	(326.694.204.908)	(257.875.790.938)
Ảnh hưởng của giao dịch tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con	-	(138.903.562)
Biến động khác	19.276.793	2.843.956.349
Số dư cuối năm	550.942.827.062	638.976.358.830

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng 1 năm	11.972.753.453.201	9.670.241.820.099
Trong vòng 2 đến 5 năm	53.330.988.814.023	51.973.059.216.731
Sau 5 năm	80.770.869.706.098	87.156.676.823.302
	146.074.611.973.322	148.799.977.860.132

Các tài sản thuê hoạt động tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm các máy bay và động cơ sau:

- Máy bay A321: 17 chiếc thuê khô;
- Máy bay A330: 2 chiếc thuê khô;
- Máy bay ATR72: 1 chiếc thuê khô;
- Máy bay B787-9: 4 chiếc thuê khô;
- Máy bay A350: 12 chiếc thuê khô;
- Máy bay A321NEO: 3 chiếc thuê khô;
- Máy bay A320: 19 chiếc thuê khô;
- Động cơ thuê dài hạn: 10 chiếc gồm P735095 (A330), ESN-VI6989 (A321), ESN-VI7037 (A321), ESN-VI7365 (A321), 21024 (A350), 21088 (A350), v2757-A5 (IAI V10114), ELFC V18880, ELFC V18909, ELFC V18926; và
- Động cơ thuê ngắn hạn: 7 chiếc gồm V12178 (A321), V13120 (A321), V15191 (A321), 956102 (B787), V2757-A5 (IAI V10312), V2757-A5 (IAI V18784), V2757-A5 (IAI V10766).

(b) *Ngoại tệ các loại*

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Úc (AUD)	1.011.631	16.534.095.593	1.772.740	31.524.638.799
Đô la Canada (CAD)	132.913	2.263.637.045	218.989	3.986.475.756
Đô la Hồng Kong (KHD)	2.152.073	6.372.287.590	6.089.161	17.822.974.247
Yên Nhật (JPY)	314.445.451	65.404.653.808	303.658.763	61.339.070.126
Won Hàn Quốc (KRW)	4.180.387.599	86.743.042.678	3.407.327.067	74.756.755.850
Ringit Malaysia (MYR)	860.754	4.803.006.204	553.576	3.118.847.184
Rúp Nga (RUB)	12.636.904	4.448.190.180	11.911.200	5.229.016.800
Đô la Singapore (SGD)	810.171	13.721.061.815	978.422	16.706.548.820
Bạt Thái Lan (THB)	12.915.090	9.247.204.543	12.377.702	8.773.956.388
Đô la Đài Loan (TWD)	4.680.796	3.534.000.980	6.549.112	5.004.634.644
Đô la Mỹ (USD)	35.932.001	833.263.105.280	29.471.563	670.330.690.884
Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY)	15.450.619	52.269.444.248	17.782.500	61.740.839.375
Kíp Lào (LAK)	22.195.443	66.585.000	1.920.116	5.760.348
Bảng Anh (GBP)	1.105.495	32.468.398.136	297.348	9.116.689.680
Euro (EUR)	5.552.577	147.854.032.073	3.226.805	88.020.782.426
Rupiah Indonesia (IDR)	3.579.994.380	5.692.191.065	2.589.039.404	4.246.024.623
Đô la Niu Di-lân (NZD)	-	-	9.209	148.660.887
		1.284.684.936.238		1.061.872.366.837

(c) *Nợ khó đòi đã xử lý*

	31/12/2018 VND	1/1/2017 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	103.048.716.283	99.580.276.201

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
Vận tải hàng không (*)	78.571.632.390.118	68.928.593.247.903
Hoạt động phụ trợ vận tải	4.440.987.332.791	4.255.274.908.279
Bán hàng	13.606.424.748.553	9.529.148.042.545
Khác	970.661.803.837	840.696.902.086
	97.589.706.275.2992	83.553.713.100.813
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(778.718.819.837)	(602.364.496.468)
Hàng bán bị trả lại	(345.737.650)	(378.109.072)
	(779.064.557.487)	(602.742.605.540)
Doanh thu thuần	96.810.641.717.812	82.950.970.495.273

(*) Doanh thu vận tải hành khách, hành lý trong năm bao gồm 1.057 tỷ VND là (i) giá trị toàn bộ vé (bao gồm vé thông thường, MCO, hành lý và YQ) bán trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã hết hạn nhưng khách hàng không sử dụng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018; và (ii) vé có điều kiện hạn chế bán trong năm hoạt động nhưng không sử dụng (2017: 922 tỷ VND).

29. Doanh thu hoạt động tài chính

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	352.468.321.744	206.952.840.258
Cổ tức, lợi nhuận được chia	144.420.699.550	112.821.650.393
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	657.295.144.637	583.791.190.748
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.553.348.580	3.079.589.462
	1.159.737.514.511	906.645.270.861

30. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	1.561.363.900.664	1.558.118.623.739
Chi phí liên quan đến hợp đồng vay dài hạn, vay thuê tài chính	289.078.491.257	291.742.779.835
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.477.739.688.037	446.163.828.869
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(268.379.125)	(6.862.611.437)
Chi phí tài chính khác	347.054.189.784	4.551.711.475
	3.674.967.890.617	4.551.711.475

31. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân công	743.372.429.177	681.890.575.816
Chi phí hoa hồng	520.514.296.696	604.456.582.875
Chi phí đặt vé giữ chỗ	1.601.323.712.531	1.524.146.275.503
Chi phí bán hàng khác	1.905.947.455.563	2.064.455.977.867
	4.771.157.893.967	4.874.949.412.061

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân công	1.364.182.954.633	1.082.978.392.446
Chi phí thuế	317.872.676.841	372.902.414.104
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	923.967.669.048	867.294.732.608
	2.606.023.300.522	2.323.175.539.158

33. Thu nhập khác

	2018 VND	2017 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	2.588.502.759	15.435.104.220
Thu nhập từ chuyển nhượng động cơ và nhượng bán khoản đặt cọc mua máy bay	577.444.939.919	771.653.717.102
Thu phạt hợp đồng	125.223.982.209	75.238.108.897
Thu từ bồi thường bảo hiểm	138.898.319.107	16.635.335.832
Các khoản khác	151.194.189.803	245.596.355.072
	995.349.933.797	1.124.558.621.123

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	39.045.329.885.243	28.708.818.203.926
Chi phí nhân công	9.656.554.291.069	8.838.486.562.714
Chi phí khấu hao	5.020.071.590.237	5.192.580.322.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.861.397.501.022	35.066.420.015.629
Trong đó:		
- Chi phí sửa chữa động cơ, máy bay	7.624.605.527.438	7.759.422.207.086
- Chi phí thuê máy bay	13.060.326.480.734	12.593.301.128.656
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	16.176.465.492.850	14.713.696.679.887
Chi phí khác	1.340.476.922.491	1.670.116.180.474

35. Thuế thu nhập**(a) Chi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	694.557.797.757	470.792.028.036
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.254.583.740	585.583.843
	695.812.381.497	471.377.611.879
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	17.421.667.295	23.268.170.339
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	-	18.879.425
Ghi giảm/hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	161.621.664	981.562.117
	17.583.288.959	24.268.611.881
Chi phí thuế thu nhập	713.395.670.456	495.646.223.760

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.311.904.828.740	3.154.759.487.817
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chênh lệch tỷ giá năm trước thực hiện trong năm	236.419.349.955	215.915.969.536
Chi phí không được khấu trừ	25.423.444.391	25.023.628.886
Thu nhập không chịu thuế	(144.420.699.550)	(113.424.650.193)
Chênh lệch tỷ giá năm nay chưa thực hiện	(191.611.125.503)	(232.537.592.647)
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	(60.092.686.364)	(52.088.860.145)
Lỗ từ đầu tư vào các công ty liên kết	16.074.582.644	19.861.652.419
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	(101.613.871.171)	(118.366.548.976)
Điều chỉnh khác	(10.000.732.721)	(1.306.215.137)
Lỗ tính thuế được sử dụng trong năm	-	(848.485.935.036)
Lỗ tính thuế chưa được sử dụng trong năm	330.613.212.002	252.520.343.506
	3.412.696.302.423	2.301.871.280.030
Thu nhập chịu thuế		
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	682.539.260.485	460.374.256.006
Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm	17.583.288.959	24.268.611.881
Chi phí thuế hợp đồng hợp tác kinh doanh	12.018.537.272	10.417.772.030
Dự phòng thiếu của các năm trước	1.254.583.740	585.583.843
	713.395.670.456	495.646.223.760

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	2.335.040.234.598	2.370.500.548.767
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.335.040.234.598	2.370.500.548.767

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa có quyết định về số lợi nhuận thuần được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2018	2017 (Theo báo cáo trước đây)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	1.227.533.778	1.227.533.778
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành ngày 24 tháng 12 năm 2018 chuyển từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	106.862.893	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành ngày 24 tháng 12 năm 2018 thu tiền	1.838.776	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	1.336.235.447	1.227.533.778

(iii) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Trong năm 2018, Tổng Công ty đã phát hành thêm 190.757.069 cổ phiếu cho các cổ đông, trong đó 106.862.893 cổ phiếu được phát hành bằng cách chuyển từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp. Theo đó, số cổ phiếu bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh lại như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Theo báo cáo trước đây	1.227.533.778	1.931
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành ngày 24 tháng 12 năm 2018 chuyển từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	106.862.893	(155)
Điều chỉnh lại	1.334.396.671	1.776

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Cổ tức, lợi nhuận nhận được trong năm		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	94.237.440.000	76.706.669.192
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	5.779.743.750	16.055.234.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	1.606.500.000	2.731.050.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Công ty liên kết</i>		
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	382.968.761.534	448.381.589.536
Mua hàng, sử dụng dịch vụ		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	151.057.188.078	174.261.423.790
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.030.533.000	2.029.115.000
Thành viên khác trong Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	8.136.638.000	8.130.953.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao	5.294.829.000	6.855.548.000

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

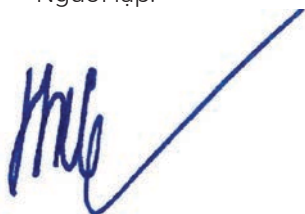
	2018 VND	2017 VND
Tăng vốn cổ phần từ quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	1.068.628.929.237	-
Bù trừ cổ tức phải trả với các khoản phải thu	5.039.452.529	-

39. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Hồ Xuân Tam
Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng



Dương Trí Thành
Tổng Giám đốc



Viễn thông






Mua sắm - Làm đẹp



Bay cùng Viet
và các đối tác



 1900 1800
 vietnamairlines
 www.vietnamairlines.com

DẶM BAY CHO CU

Tích lũy dặm linh hoạt, trả thưởng



Du lịch - Nghỉ dưỡng

Ngân hàng - Bảo hiểm

Vietnam Airlines
Hàng không

CHỌI SỐNG THÊM HAY

g hấp dẫn cùng Vietnam Airlines và đối tác



PHỤ LỤC VÀ CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG

Trụ sở chính

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP (VIETNAM AIRLINES)

Địa chỉ: 200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam

- Trung tâm chăm sóc khách hàng tại Việt Nam (hoạt động 24/7):
- Gọi trong lãnh thổ Việt Nam: 1900 1100
- Gọi từ nước ngoài về Việt Nam: (+84.24) 3832 0320
- Email: telesales@vietnamairlines.com
- Trung tâm chăm sóc Hội viên Bông Sen Vàng (hoạt động 24/7):
- Gọi trong lãnh thổ Việt Nam: 1900 1800
- Gọi từ nước ngoài về Việt Nam: (+84.24) 3832 0320
- Email: lotusmiles@vietnamairlines.com

Các chi nhánh trong nước

CHI NHÁNH VIETNAM AIRLINES KHU VỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ: 25 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

ĐT: (+84.24) 6270 0200 | Fax: (+84.24) 3934 9636

E-mail: vpkvmb@vietnamairlines.com

CHI NHÁNH VIETNAM AIRLINES KHU VỰC MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 27 Điện Biên Phủ, Đà Nẵng.

ĐT: (+84.236) 382 1130 / 826 465 | Fax: (+84.236) 383 2759

E-mail: reservation.mro@vietnamairlines.com

CHI NHÁNH VIETNAM AIRLINES KHU VỰC MIỀN NAM

Địa chỉ: 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM

ĐT: (+84-28) 3844 6667 | Fax: (+84-28) 3848 5312

Email: telesales.sro@vietnamairlines.com

CÔNG TY BAY DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG (VASCO)

Địa chỉ: Số B114, đường Bạch Đằng, Phường 2,

Quận Tân Bình, TP. HCM

TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN BAY

Địa chỉ: Số 117 đường Hồng Hà, Phường 2,

Quận Tân Bình, TP. HCM

Các công ty thành viên

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÁY BAY (VAECO)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, Sóc Sơn, Hà Nội
ĐT: (+84.24) 3884-9657 | Fax: (+84.24) 3886-5532
Web: vaeco.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV NHIÊN LIỆU HÀNG KHÔNG VIỆT NAM (SKYPEC)

Địa chỉ: 202 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội
ĐT: (+84.24) 3827 2316 | Fax: (+84.24) 3827 2317
Email: skypec@skypec.com.vn | Web: www.skypec.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ MẶT ĐẤT SÂN BAY VIỆT NAM (VIAGS)

Địa chỉ: Số 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM,
Việt Nam.
ĐT: (+84.28) 3547 22 88 | Fax: (+84.28) 3547 11 88
Email: vanthu.viags@vietnamairlines.com
Web: www.viags.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM (VACS)

Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP.HCM
ĐT: (+84.28) 3844 8367 | Fax: (+84.28) 3844 6719
E-mail: vncxcater@vnn.vn
Web: www.vnaircaterers.com

CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VÀ VIỄN THÔNG HÀNG KHÔNG (AITS)

Địa chỉ: 414 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, TP. Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI (NASCO)

Sân bay Nội Bài, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
ĐT: (+84.24) 3886 5457/ 3884 0085 Fax: (+84.24) 3886 5555
E-mail: nasco-khkd@fpt.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG (AIRIMEX)

414 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, Hà Nội
ĐT: (+84.28) 3877 0265 / 3877 0266 Fax: (+84.28) 3827 1925 /
3772 3439
E-mail: arimex@fpt.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG JETSTAR PACIFIC (JPA)

Địa chỉ: 112 Hồng Hà, P.2, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.
Tel: (+84.28) 3845 0092 | Fax: (+84.28) 3845 0085
Web: www.jetstar.com

HÃNG HÀNG KHÔNG CAMBODIA ANGKOR AIR

Địa chỉ: #206 Preah Norodon Blvd - Phnom Penh - Cambodia

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO BAY VIỆT (VFT)

Địa chỉ: 117V Hồng Hà, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
ĐT: (+84.28) 3547 0916 | Fax: (+84.28) 3547 0920.
Hotline: (+84) 90 532 5860
Email: vft@bayviet.com.vn | Web: www.bayviet.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG XUẤT NHẬP KHẨU LAO ĐỘNG HÀNG KHÔNG (ALSIMEXCO)

Địa chỉ: Số 1 Ngõ 200/10 Nguyễn Sơn - Bồ Đề - Long Biên Hà Nội
ĐT: (+84.24) 3827 1993 / 3873 2383 Fax: (+84.24) 3873 0624
E-mail: business@alsimexco.vn | Web: alsimexco.vn

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIAO NHẬN HÀNG HÓA TÂN SƠN NHẤT (TECS)

Địa chỉ: 06 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam
ĐT: (+84.28) 3811 0633 / 3811 0678
Fax: (+84.28) 3811 5522 | Email: contactus@tecs.com.vn

Các công ty thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAM (VALC)

Địa chỉ: Tầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu,
Hà Nội, Việt Nam.
ĐT: (+84.24) 35 77 22 25 | Fax: (+84.24) 35 77 22 70
Email: info@valc.com.vn | Web: www.valc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Q. Hải Châu,
TP. Đà Nẵng, Việt Nam
ĐT: (+84 511) 383 0340 | Fax: (+84 511) 382 6133
Email: masco@masco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI (NCS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, Hà Nội
ĐT: (+84.24) 3886 5577 | Fax: (+84.24) 3884 0199
E-mail: nbcatering@hn.vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SABRE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Đệ nhất, số 53 Quang Trung,
Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
ĐT: (+84.24) 39431975 | Fax: (+84.24) 39431972
Email: hannmc@sabretn.com.vn
Website: www.sabretn.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA TÂN SƠN NHẤT (TCS)

Địa chỉ: Sân bay Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP.HCM
ĐT: (+84.28) 3848 6489 | Fax: (+84.28) 3842 7944

CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN HÀNG HÓA (VINAKO)

Địa chỉ: 4 Trường Sơn, phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
ĐT: (+84.28) 3844 6252 / 3848 5353 | Fax: (+84.28) 3848 5353
E-mail: vinako.fwd@hcm.vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI (NCTS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.
ĐT: (+84.28) 3 5840905 | Fax: (+84.28) 3 5840906
E-mail: operation@noibaicargo.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CAO CẤP HÀNG KHÔNG

Địa chỉ: Sân bay Gia Lâm, Đường Nguyễn Sơn,
Quận Long Biên, Hà Nội

Các chi nhánh Vietnam Airlines nước ngoài

ANH

London: 11-13 Lower Grosvenor Place,
SW1W 0EX, London, UK

CAMPUCHIA

Phnompenh: No 41, 214 Samdech Pan Str.,
Phnompenh, Kingdom of Cambodia.

Siem Reap: No 342, Road 6 Khum
Svay Dang Kum Srok
Siem Reap, Kingdom of Cambodia

CANADA

Vancouver : 1166 Alberni Street,
Suite 1006 Vancouver, BC V6E3Z3, Canada

ĐÀI LOAN

Đài Loan: 5F, 59 Sung Chiang Road,
Taiwan

Cao Hùng: 3F-6, No.56, Min-sheng 1St,
Rd, Kaoshiung City, Taiwan

ĐỨC

Frankfurt: Rossmarkt 5, D-60311
Frankfurt am Main, Germany

HÀN QUỐC

Seoul: Soon Hwa Bldg., 9th Floor, 89
Seosomun-ro, Jung-Gu, Seoul, Korea

Pusan: #704, Korean Teacher's Mutual
Fund Bldg. 192 Chungangdaero,
Dong-Gu, Pusan, Korea

HONGKONG

Suite 1004, 10th Floor,
Tower One Lippo Center,
No 89 Queensway, Hongkong

LÀO

Vientiane: 63 Samsenthai Road,
Lao Plaza Hotel 1st Floor – Vientiane

Luang Prabang: Luang Prabang Airport,
Lao P.D.R

LIÊN BANG NGA

Moscow: Bld. 1, 3rd Frunzenskaya,
Moscow, 119270, Russia

MALAYSIA

Kuala Lumpur: Suite 05, Level 5 Menara
Hap Seng, Jalan P.Ramlee, 50250
Kuala Lumpur, Malaysia

MỸ

San Francisco: 88 Kearny Str, Suite 1400,
San Francisco, California 94108, USA

MYANMAR

Yangon: #1702, Sakura Tower 339,
Bogyoke Aung San Road,
Kyauktada Township, Yangon, Myanmar

NHẬT BẢN

Tokyo: Daido Seimei Kasumigaseki Bldg.,
6F 1-4-2 Kasumigaseki, Chiyoda-ku,
Tokyo 100-0013, Japan

Osaka: Midousuji Diamond Bldg., 6F 2-1-3
Nishi Shinsaibashi, Chuo-ku, Osaka –shi,
Osaka 542-0086, Japan

Fukuoka: City 15 Bldg., 1-8-36
Hakataekiminami,

Hakata-ku, Fukuoka 812-0016, Japan

Nagoya: Ohashi BLDG. 10F 3-25-3 Meieki,
Nakamura-ku,
Nagoya 450-0002-Japan

PHÁP

Paris: 51-53, avenue des Champs-Élysées,
75008 Paris, France

SINGAPORE

Singapore: 260 Orchard Rd, #08-08 The
Heeren Singapore 229921, Singapore

THÁI LAN

Bangkok: 10th Floor, Wave Place Buiding,
55 Wireless Rd. Lumpinee Patumwan
Bangkok 10330, Thailand

ÚC

Sydney: Level 25, St. Martins Tower,
Suite 25.03, 31 Market Street,
Sydney, NSW 2000, Australia.

Melbourne: 350 Collins Street,
Melbourne, Victoria 3000, Australia

TRUNG QUỐC

Bắc Kinh: Unit 1703A, Tower F, Phoenix
Place, 5A Shuguang Xili, Chaoyang
District, Beijing 100028, China.

Thượng Hải: Phòng 1605, Tòa nhà Imago
số 99 phố Wu Ning,

Thành phố Thượng Hải, Trung Quốc

Quảng Châu: Room 954-955,
Garden Hotel Tower, 368 Huanshi Dong Lu,
Quangzhou, 510064

Thành Đô: 1919#Western Tower,
19th South Renmin Road Sec4, Chengdu,

INDONESIA

Jakarta: Wisma Tamara Lt.8 # 868,
Jl. Jend. Surdiman Kav. 24,
Jakarta 12920 Indonesia

BẢN ĐỒ MẠNG ĐƯỜNG BAY NỘI ĐỊA



BẢN ĐỒ MẠNG ĐƯỜNG BAY CHÂU Á



- Chặng bay do Vietnam Airlines khai thác
- - - Chặng bay liên danh với các hãng hàng không khác.
- - - Vietnam Airlines hợp tác liên danh với All Nippon Airways trên một số chặng nội địa Nhật Bản.

BẢN ĐỒ MẠNG ĐƯỜNG BAY QUỐC TẾ



- Chặng bay do Vietnam Airlines khai thác.
- - - Chặng bay hợp tác liên danh với các hãng hàng không khác.



Vietnam Airlines hợp tác liên danh với SNCF từ Paris đến 19 điểm nội địa Pháp.



Đặt vé ngay:
vietnamairlines.com

Gọi ngay:
1900 1100

Like ngay:
fb/vietnamairlines

Đăng ký ngay:
Hội viên LOTUSMILES